

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

ĐẶNG VĂN TIẾN

LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Hải Phòng - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ĐẶNG VĂN TIẾN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
HUYỆN BẠCH LONG VĨ ĐẾN NĂM 2030

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 60 34 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG ĐAN

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của TS. Nguyễn Thị Hoàng Đan

Các số liệu, những kết luận nghiên cứu được trình bày trong luận văn này trung thực và chưa từng được công bố dưới bất kỳ hình thức nào.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Học viên

Đặng Văn Tiến

LỜI CẢM ƠN

Luận văn tốt nghiệp được hoàn thành tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng. Có được bản luận văn tốt nghiệp này em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới trường đại học Dân lập Hải Phòng, đặc biệt là **TS. Nguyễn Thị Hoàng Đan** đã trực tiếp hướng dẫn, dìu dắt em với những chỉ dẫn khoa học quý giá trong suốt quá trình triển khai, nghiên cứu và hoàn thành đề tài “*Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030*”

Xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo đã trực tiếp giảng dạy truyền đạt những kiến thức khoa học chuyên ngành Quản trị kinh doanh cho bản thân em trong suốt hai năm học qua.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các đơn vị và cá nhân đã hết lòng quan tâm giúp đỡ, rất mong được sự đóng góp quý báu của các thầy cô để em có thể hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng ... năm 2019

Học viên

Đặng Văn Tiến

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG.....	8
1.1. Khái niệm chiến lược.....	8
1.1.1. Chiến lược là gì.....	8
1.1.2. Vai trò của chiến lược.....	9
1.1.3. Những đặc trưng cơ bản của chiến lược.....	10
1.2. Khái niệm chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương	10
1.2.1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương là gì.....	10
1.2.2. Sự cần thiết phải xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương	12
1.3. Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương.....	13
1.3.1. Phân tích môi trường bên ngoài địa phương	14
1.3.1.1. Về tự nhiên (vị trí địa lý, khí hậu).....	14
1.3.1.2. Về chính trị.....	16
1.3.1.3. Về kinh tế.....	18
1.3.1.4. Về văn hóa xã hội	19
1.3.1.5. Về khoa học công nghệ	20
1.3.1.6. Về hội nhập quốc tế.....	20
1.3.2. Phân tích môi trường bên trong địa phương.....	21
1.3.2.1. Về tự nhiên.....	22
1.3.2.2. Về tổ chức, nhân sự	23
1.3.2.4. Về kinh tế.....	24
1.3.2.5. Về văn hóa xã hội	25
1.3.2.6. Về áp dụng khoa học công nghệ.....	26
1.3.3. Nhận dạng các phương án chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương.....	27
1.3.4. Phân tích, dự báo những tác động của môi trường bên ngoài, môi trường bên trong đến phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.....	30
1.3.5. Xác định tầm nhìn, mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội địa phương.....	30
1.3.6. Đề xuất chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương.....	31

1.3.7. Giải pháp tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương.....	31
1.3.8. Đánh giá, điều chỉnh quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương.....	32
Tiêu kết chương 1	32
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN BẠCH LONG VĨ ĐẾN NĂM 2030	33
2.1. Giới thiệu chung về huyện Bạch Long Vĩ.....	33
Hình 2.1. Huyện đảo Bạch Long Vĩ.....	33
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	34
2.1.2. Điều kiện tự nhiên.....	36
2.2. Phân tích môi trường bên ngoài huyện Bạch Long Vĩ.....	37
2.2.1. Về tự nhiên.....	37
2.2.1.1. Vị trí địa lý đối với phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ	37
2.2.1.2. Khí hậu đối với phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ.....	39
2.2.1.3. Hệ sinh thái vùng biển Bạch Long Vĩ	41
2.2.2. Về chính trị	43
2.2.2.1. Đối với đường lối, quan điểm, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước...	43
2.2.2.2. Đối với tình hình chính trị trong nước và quốc tế:.....	45
2.2.3. Về kinh tế.....	46
2.2.4. Về văn hóa xã hội	48
2.2.5. Về khoa học công nghệ	49
2.3. Phân tích môi trường bên trong huyện Bạch Long Vĩ	50
2.3.1. Về tự nhiên (đất đai, nước, hệ sinh thái)	50
2.3.1.1. Đất đai trên đảo:.....	50
2.3.1.2. Nguồn nước ngọt trên đảo:	51
2.3.1.3. Hệ sinh thái đảo Bạch Long Vĩ:	53
2.3.2. Về tổ chức, nhân sự	54
2.3.3. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật.....	59
2.3.4. Về phát triển kinh tế.....	64
2.3.4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế.....	64
2.3.4.2. Cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành của huyện.....	76

2.3.4.3. Kết quả thực hiện nguồn vốn huy động cho phát triển kinh tế – xã hội.....	78
2.3.4.4. Kết quả thu, chi ngân sách.....	80
2.3.5. Về văn hóa xã hội.....	81
2.3.5.1. Về dân cư và tỷ lệ lao động.....	81
2.3.5.3. Về y tế.....	85
2.3.5.4. Về hóa văn nghệ, thể dục thể thao.....	87
2.3.5.5. Về văn hóa tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo.....	87
2.3.6. Về áp dụng khoa học công nghệ.....	88
2.3.7. Về quốc phòng, an ninh.....	89
Tiêu kết chương 2.....	91
CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN BẠCH LONG VĨ ĐẾN NĂM 2030.....	92
3.1. Nhận dạng các phương án chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho huyện Bạch Long Vĩ.....	92
3.1.1. Ma trận SWOT các căn cứ chiến lược phát triển của huyện Bạch Long Vĩ.....	92
3.1.2. Nhận dạng các phương án chiến lược phát triển cho huyện đảo Bạch Long Vĩ...	98
3.2. Phân tích, dự báo những tác động của môi trường bên ngoài, môi trường bên trong đến phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ.....	103
3.2.1. Phân tích, dự báo những tác động của môi trường bên ngoài đến phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ.....	103
3.2.1.1. Về yếu tố tự nhiên.....	103
3.2.1.2. Về chính trị.....	104
3.2.1.3. Về kinh tế.....	105
3.2.1.4. Về văn hóa xã hội.....	106
3.2.1.5. Về khoa học công nghệ.....	106
3.2.1.6. Về hội nhập quốc tế.....	106
3.2.2. Phân tích, dự báo những tác động của môi trường bên trong đến phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ.....	106
3.2.2.1. Dự báo về yếu tố tự nhiên.....	106
3.2.2.2. Dự báo về tổ chức nhân sự:.....	109
3.2.2.4. Dự báo về kinh tế:.....	110
3.2.2.4.1. Dự báo nhóm ngành công nghiệp – xây dựng:.....	111

3.2.2.4.3. Dự báo nhóm ngành thương mại – dịch vụ:.....	113
3.2.2.4.4. Dự báo về nguồn vốn:.....	114
3.2.2.4.5. Dự báo về thu chi ngân sách.....	116
3.2.2.5. Dự báo về văn hóa xã hội	116
3.2.2.5.1. Dự báo về dân số và lao động.....	116
3.2.2.5.2. Dự báo về giáo dục – đào tạo.....	117
3.2.2.5.3. Dự báo về y tế.....	117
3.2.2.5.4. Dự báo về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao	117
3.2.2.6. Dự báo về khoa học công nghệ:	117
3.3. Xác định tầm nhìn, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030	118
3.3.1. Tầm nhìn:.....	118
Đến năm 2030, Bạch Long Vĩ cơ bản phát triển du lịch theo hướng bền vững.	118
3.3.2. Mục tiêu:.....	118
3.3.2.1. Mục tiêu tổng quát.....	118
3.3.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	119
3.3.3. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo:.....	120
3.4. Đề xuất chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030	121
3.5. Giải pháp tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030.....	121
3.5.1. Giai đoạn 1 (từ năm 2018 - 2020).....	122
3.5.1.1. Giải pháp về tổ chức nhân sự.....	122
3.5.1.2. Giải pháp về cơ sở hạ tầng kỹ thuật.....	123
3.5.1.3. Giải pháp về phát triển kinh tế.....	126
3.5.1.4. Giải pháp về bảo vệ môi trường	128
3.5.1.5. Giải pháp về khoa học công nghệ.....	131
3.5.2. Giai đoạn 2 (từ năm 2021 - 2025).....	132
3.5.2.1. Giải pháp về tổ chức nhân sự.....	132
3.5.2.2. Giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật.....	132
3.5.2.3. Giải pháp về phát triển kinh tế.....	135
3.5.2.4. Giải pháp về y tế	136
3.5.2.5. Giải pháp về khoa học công nghệ.....	136

3.5.3. Giai đoạn 3 (từ năm 2026 - 2030).....	137
3.5.3.1. Giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật.....	137
3.5.3.2. Giải pháp về phát triển kinh tế.....	139
3.5.3.3. Giải pháp về khoa học công nghệ.....	139
3.5.3.4. Giải pháp về phát triển văn hóa xã hội.....	140
3.6. Đánh giá, điều chỉnh quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030.....	142
3.7. Các kiến nghị đối với Trung ương, thành phố.....	142
Tiểu kết chương 3	144
KẾT LUẬN	145
TÀI LIỆU THAM KHẢO	147

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Thống kê số lượng các cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến Bạch Long Vĩ.....	40
Bảng 2.2. Cơ cấu đất đai tại đảo Bạch Long Vĩ năm 2017	50
Bảng 2.3. Khai thác nước ngầm qua các năm trên đảo Bạch Long Vĩ	53
Bảng 2.4. Thống kê số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ quan Huyện ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể huyện	57
Bảng 2.5. Một số dự án, công trình hiện đang triển khai tại đảo.....	61
Bảng 2.6. Giá trị sản xuất các nhóm ngành giai đoạn 2010-2017	64
Bảng 2.7. Sản lượng nông nghiệp – thủy sản của huyện.....	67
Bảng 2.9. Số lượng tàu, lượng người vào đảo; số lượng hàng hóa bốc xếp qua cảng	71
Bảng 2.10. Số liệu cung cấp xăng dầu, nước ngọt	73
Bảng 2.11. Số lượng khách ra nghỉ dưỡng và giao lưu tại đảo Bạch Long Vĩ.....	75
Bảng 2.12. Cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành của huyện	76
Biểu đồ 2.4. Cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành của huyện	77
Bảng 2.13. Chỉ tiêu cơ cấu giá trị SX và kết quả thực hiện.....	78
Bảng 2.14. Nguồn vốn đầu tư	78
Bảng 2.15. Thu, chi ngân sách của huyện.....	80
Bảng 2.16. Kết quả thực hiện một số chỉ về xã hội của huyện năm 2017	81
Bảng 2.17. Dân số và tỷ lệ độ tuổi lao động tại huyện đảo	81
Biểu đồ 2.6. Số lượng các cháu học sinh mầm non và tiểu học qua các năm.....	84
Bảng 2.19. Số lượng bệnh nhân được khám chữa bệnh tại đảo	85
Biểu đồ 2.7. Số bệnh nhân được khám chữa bệnh.....	86
Bảng: 3.1. Ma trận SWOT các căn cứ chiến lược của huyện Bạch Long Vĩ.....	92
Bảng 3.2. Dự báo sử dụng đất trong giai đoạn 2018-2030	106
Bảng 3.3. Dự báo cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành.....	110
Biểu đồ 3.1. Dự báo cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành	111
Bảng 3.4. Dự báo sản lượng hoa màu, gia súc, gia cầm và thủy sản	113
Bảng 3.5. Dự báo số lượng cửa hàng tạp vụ, giải trí, tàu dịch vụ hậu cần	114
Bảng 3.6. Dự báo nguồn vốn đầu tư các nhóm ngành.....	115
Bảng 3.7. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện đến năm 2030	120

DANH MỤC BIỂU

Biểu đồ 2.1. Tăng trưởng GDP của Việt Nam từ năm 2013 - 2017	46
Biểu đồ 2.2. Tăng trưởng GRDP của thành phố Hải Phòng từ năm 2013-2017	47
Biểu đồ 2.3. Cơ cấu đất đai tại đảo Bạch Long Vĩ năm 2017.....	51
Biểu đồ 2.4. Cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành của huyện.....	77
Biểu đồ 2.5. Dân số tại đảo Bạch Long Vĩ giai đoạn 2010-2017	82
Biểu đồ 2.6. Số lượng các cháu học sinh mầm non và tiểu học qua các năm	84
Biểu đồ 2.7. Số bệnh nhân được khám chữa bệnh	86

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội có vai trò vô cùng quan trọng đối với một quốc gia, một vùng lãnh thổ. Có chiến lược ta mới xác định được mục tiêu, phương hướng phát triển và dựa trên chiến lược ta mới lập được quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội một cách chuẩn xác nhất. Bởi quy trình xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương là một quy trình được xây dựng dựa trên các phương pháp nghiên cứu khoa học, không phải ý chí chủ quan của con người.

Tuy nhiên, hầu hết các địa phương hiện nay của nước ta, đặc biệt là cấp quận, huyện chưa có chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, mà chỉ dừng lại ở cấp độ quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận, huyện giai đoạn ngắn, trung và dài hạn. Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương đó mới chỉ nêu được một vài điểm làm căn cứ xây dựng mà chưa đánh giá hết tiềm năng, lợi thế, mặt mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của địa phương, chưa phân tích được sự ảnh hưởng, tác động qua lại giữa các yếu tố môi trường bên trong, bên ngoài của địa phương. Hơn nữa, khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương lại ẩn chứa trong đó ý chí chủ quan của các nhà lãnh đạo, hay mỗi khi địa phương có đồng chí lãnh đạo mới lại là một sự thay đổi về quan điểm, phương hướng, mục tiêu tạo thành vòng luẩn quẩn mà không rõ địa phương đó nên phát triển kinh tế - xã hội theo hướng nào là phù hợp nhất.

Đối với bộ máy hành chính nhà nước, cấp quận, huyện đóng vai trò là cầu nối giữa cấp cơ sở (cấp xã, phường, thị trấn) và cấp tỉnh, thành phố. Để xây dựng được chiến lược phát triển tổng thể về kinh tế - xã hội tỉnh, thành phố phải dựa trên cơ sở tiềm năng, lợi thế, mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của các quận, huyện. Các quận, huyện xây dựng được chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thì tỉnh, thành phố mới xây dựng được chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội một cách đúng đắn và phù hợp nhất.

Bạch Long Vĩ là một trong 15 quận, huyện của thành phố Hải Phòng, là một trong những huyện đảo xa bờ của nước ta. Nằm trên một trong tám ngư trường lớn của vịnh Bắc Bộ, đảo Bạch Long Vĩ có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của nước ta. Tuy nhiên, từ khi thành lập đến nay, huyện Bạch Long Vĩ cũng chưa có chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cụ thể. Tại Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 05/8/2003 của Bộ Chính trị, đã xác định “Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ sớm trở thành trung tâm chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá cho các tỉnh ven biển Bắc Bộ”. Tại Kết luận số 72-KL/TW, ngày 10/10/2013 của Bộ Chính trị, đã xác định lại “Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ thành trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc”. Đó là những thay đổi mục tiêu của Bộ chính trị sao cho phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Vậy làm thế nào để có thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ một cách bài bản, hài hòa, bền vững và tốt nhất trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng kết hợp với đảm bảo quốc phòng - an ninh quốc gia ?

Để có lời giải cho câu hỏi trên, chỉ có thể là xây dựng một chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho huyện đảo phù hợp với tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng, đảm bảo quốc phòng - an ninh quốc gia. Là người con của thành phố Hải Phòng, với mong muốn huyện đảo ngày càng phát triển đi lên, xứng với vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước, do vậy, tác giả đã chọn đề tài “***Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030***” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh của mình.

2. Tổng quan nghiên cứu

Hiện nay, việc phân tích thực trạng, tiềm năng và các yếu tố tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương để đề xuất chiến lược, giải pháp tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, mà cụ thể là cấp quận, huyện hầu như là chưa có, mà chỉ dừng lại ở cấp độ quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận, huyện.

Theo tìm hiểu của tác giả đã có một số bài viết về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương, cụ thể:

- Tác giả Chu Nguyên Thành trong luận văn thạc sĩ kinh tế chuyên ngành quản trị kinh doanh của Viện Kinh tế và Quản lý thuộc Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2012 với đề tài “*Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Thanh Trì đến năm 2020*” đã phân tích được thực trạng kinh tế - xã hội, nội lực, ngoại lực cho phát triển kinh tế xã hội của huyện Thanh Trì và đưa ra được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cho huyện. Tuy nhiên, tác giả đề ra mục tiêu và các hoạch định chiến lược phát triển toàn diện trên các mặt kinh tế - xã hội của huyện mà không đi vào phát triển huyện theo một hoặc hai thế mạnh cụ thể làm khâu đột phá trước; không có giải pháp thực hiện theo lộ trình, giai đoạn cụ thể [33].

- Tác giả Hồ Thị Phương Thủy trong luận văn thạc sĩ kinh tế chuyên ngành quản trị kinh doanh của Viện Kinh tế và Quản lý thuộc Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội năm 2013 với đề tài “*Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giảm nghèo tại huyện Tân Sơn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020*” đã phân tích được thực trạng kinh tế - xã hội của huyện Tân Sơn, môi trường bên ngoài tác động đến kinh tế - xã hội của huyện và đưa ra được mục tiêu phát triển với 03 khâu đột phá là: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chủ yếu, phát triển nguồn nhân lực, phát triển kinh tế phục vụ du lịch. Tuy nhiên, khi tác giả đưa ra giải pháp thực hiện thì dàn trải, đồng đều, không có ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển, không có giải pháp thực hiện theo lộ trình, giai đoạn nhằm thực hiện mục tiêu với 03 khâu đột phá đã đề ra [39].

- Tác giả Đoàn Ngọc Quang trong luận văn thạc sĩ kinh tế chuyên ngành quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2014 với đề tài “*Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Đại Lộc đến năm 2020*” đã phân tích được thực trạng kinh tế - xã hội của huyện, dự báo được các yếu tố tác động đến xu hướng phát triển. Tuy nhiên, tác giả chỉ tập trung phân tích lựa chọn chiến lược với mục tiêu đưa huyện Đại Lộc trở thành trung tâm công nghiệp nhưng các giải pháp thực hiện chiến lược thực hiện không theo lộ trình, giai đoạn cụ thể, thực hiện ưu tiên nào trước, nhiệm vụ nào sau trên cơ sở chiến lược đã lựa chọn [24].

- Các tác giả Trần Đức Thạnh – Lê Đức An trong Tạp chí khoa học và công nghệ biển, Tập 13, số 3, 2013: 207-215 với bài đăng “Tài nguyên vị thế địa - kinh tế và địa – chính trị đảo Bạch Long Vĩ” đã nêu lên giá trị to lớn của đảo Bạch Long Vĩ với hai yếu tố chính, đó là vị thế địa kinh tế, địa chính trị của đảo. Về vị trí địa lý: Đảo có vị trí rất thuận lợi cho phát triển kinh tế với nhiều loại hình phát triển như dịch vụ hậu cần nghề cá, dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng, dịch vụ dầu khí, dịch vụ tìm kiếm cứu nạn và y tế trên biển, dịch vụ môi trường. Về vị trí địa lý đối với chính trị: Đảo có vị trí vô cùng quan trọng trong việc giữ chủ quyền, quyền chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển [34].

- Các tác giả Đinh Xuân Thắng – Nguyễn Phương Lê trong Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2016, tập 14, số 2: 151-158 với bài đăng “Phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” đã nêu lên được khái niệm về dịch vụ hậu cần nghề cá, vai trò to lớn của dịch vụ hậu cần nghề cá (có vai trò thúc đẩy phát triển đánh bắt xa bờ nâng cao sản lượng phục vụ xuất khẩu, vai trò giải quyết việc làm và vai trò bảo vệ an ninh chủ quyền quốc gia trên biển), kinh nghiệm một số nước trên thế giới, một số địa phương của Việt Nam trong phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá và chủ trương của Chính phủ trong phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá [35].

3. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ, từ đó tìm ra được các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030.

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

- Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng tình hình phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng.

- Đề xuất một số giải pháp pháp phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng đến năm 2030.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng, tiềm năng và các yếu tố tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bạch Long Vĩ (qua phân tích môi trường bên trong, môi trường bên ngoài Bạch Long Vĩ) làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian: Tại huyện Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng.
- Phạm vi về thời gian: Thực trạng, tiềm năng và các yếu tố tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bạch Long Vĩ giai đoạn 2010 đến năm 2017.
- Phạm vi về nội dung: Thực trạng, tiềm năng và các yếu tố tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bạch Long Vĩ.

5. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp:

- Thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp
 - + Dữ liệu sơ cấp: Tác giả đã sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp và quan sát để lấy dữ liệu cung cấp cho luận văn. Về phỏng vấn trực tiếp, tác giả đã phỏng vấn 16 cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, 05 quân nhân sĩ quan và 35 người dân sinh sống và làm ăn tại huyện đảo về vấn đề nước sinh hoạt, về ăn ở, đi lại giữa đảo và đất liền, về canh tác đất đai trồng hoa màu, nuôi gia súc, gia cầm, về vấn đề nhu cầu sử dụng điện, về chế độ đãi ngộ, tiền lương, điều kiện làm việc... Về quan sát: Tác giả đã quan sát quang cảnh huyện đảo, các khu vực có liên quan đến dân cư sinh sống, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, dịch vụ du lịch, các vị trí nên xây dựng các công trình xử lý nước thải, rác thải, khu chế biến thủy sản, khu giết mổ gia súc, gia cầm theo hướng gió tránh ảnh hưởng đến khu dân cư sinh sống, khu phát triển dịch vụ du lịch trong tương lai... Thời điểm phỏng vấn và quan sát bắt đầu từ ngày 05/7/2018 đến 28/9/2018.

+ Dữ liệu thứ cấp: Tác giả đã thu thập dữ liệu liên quan đến môi trường bên trong huyện Bạch Long Vĩ với nguồn dữ liệu được thu thập từ các phòng, ban, cơ quan, đơn vị; dữ liệu thứ cấp liên quan đến môi trường bên ngoài huyện Bạch Long Vĩ chủ yếu được tác giả lấy từ mạng internet và các tài liệu đã được xuất bản.

- Thống kê, mô tả: Tác giả đã biểu diễn các số liệu thu thập được từ phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp bằng đồ thị, bảng biểu để phân tích, so sánh sự giống, khác nhau, tăng lên hay giảm đi qua sự thay đổi số liệu trong các năm, trong một quá trình phát triển huyện đảo giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2017.

- Nghiên cứu lịch sử: Tác giả đã nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của đảo Bạch Long Vĩ, trong đó có thời gian trước khi thành lập huyện Bạch Long Vĩ và từ sau khi thành lập huyện Bạch Long Vĩ.

- Phân tích ma trận SWOT: Tác giả sử dụng công cụ phân tích ma trận SWOT dựa trên sự phân tích môi trường bên trong, bên ngoài huyện Bạch Long Vĩ làm cơ sở đưa ra các căn cứ chiến lược cụ thể giúp tác giả xác định, lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030 một cách phù hợp nhất, hài hòa nhất giữa các nguồn lực và năng lực bên trong huyện đảo cũng như môi trường bên ngoài huyện đảo.

- Dự báo định tính: Tác giả đã sử dụng phương pháp này để suy đoán dự báo tương lai trên cơ sở môi trường thực tế huyện đảo, lấy ý kiến các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, những kinh nghiệm của lớp cán bộ đi trước, công tác tại huyện đảo hơn 20 năm một cách khách quan. Đối với luận văn này, tác giả thấy phương pháp dự báo định tính có ưu điểm vượt trội hơn so với phương pháp dự báo định lượng do hầu hết các số liệu thu thập được đều thay đổi nhanh và phụ thuộc quá nhiều vào yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài, không tuân tự theo thời gian.

6. Nội dung của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung luận văn được chia làm 03 chương, cụ thể:

Chương 1: Cơ sở lý luận về chiến lược và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Chương 2: Phân tích các căn cứ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030

Chương 3: Đề xuất chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG

1.1. Khái niệm chiến lược

1.1.1. Chiến lược là gì

Thuật ngữ “Chiến lược” bắt nguồn từ lĩnh vực quân sự, được sử dụng như là phương cách để giành chiến thắng trong các cuộc chiến tranh. Theo nghĩa thì thuật ngữ “chiến lược” là sự kết hợp của từ *chiến*, nghĩa là chiến đấu, tranh giành và từ *lược*, nghĩa là mưu, tính. Kết hợp lại, chiến lược là những mưu tính nhằm chiến đấu và giành chiến thắng.[10]

Năm 1962, Chandler định nghĩa chiến lược: *“việc xác định các mục tiêu, mục đích cơ bản dài hạn của doanh nghiệp và việc áp dụng một chuỗi các hành động cũng như sự phân bổ các nguồn lực cần thiết để thực hiện mục tiêu này”*.

Đến những năm 1980, Quinn đã đưa ra định nghĩa chiến lược có tính chất khái quát hơn *“Chiến lược là mô thức hay kế hoạch tích hợp các mục tiêu chính yếu, các chính sách và chuỗi hành động vào một tổng thể được kết một cách chặt chẽ”*.

Sau đó Jonhson và Scholers định nghĩa lại chiến lược trong điều kiện môi trường có rất nhiều những thay đổi nhanh chóng: *“Chiến lược là định hướng và phạm vi của một tổ chức về dài hạn nhằm giành lợi thế cạnh tranh cho tổ chức thông qua việc định dạng các nguồn lực của nó trong môi trường thay đổi, để đáp ứng nhu cầu thị trường và thỏa mãn mong đợi của các bên hữu quan”*.

Nếu muốn thắng trong cuộc đua, bạn phải nắm được luật chơi, hiểu được bản thân mình và đối thủ đáng gờm của mình mạnh, yếu ở điểm nào. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở đó thôi chưa đủ, bạn còn thiếu một tầm nhìn, mục tiêu, kế hoạch hành động và sự nỗ lực hết mình của bản thân. Có như vậy, bạn mới có thể thành công như cái mà bạn muốn. Để gọi chung cho sâu chuỗi những điều đó, người ta gọi là một “chiến lược”. Một chiến lược tốt sẽ cho ra kết quả tốt, một chiến lược thiếu logic, thiếu tầm nhìn, thiếu sự nỗ lực sẽ cho ra kết quả tồi.

Tóm lại, “Chiến lược” là chuỗi hành động có kế hoạch và kiểm soát chặt chẽ theo thời gian trên cơ sở sử dụng nguồn lực hữu hạn một cách hợp lý nhằm đạt được mục tiêu dài hạn cho tổ chức trong môi trường biến động không ngừng.

1.1.2. Vai trò của chiến lược

Chiến lược có vai trò vô cùng quan trọng trong quản trị mọi tổ chức. Bởi chiến lược chính là con đường, là kim chỉ nam dẫn đến cánh cửa của thành công với mục tiêu dài hạn mà mọi tổ chức quyết tâm đạt được. Chiến lược giúp cho tổ chức xác định rõ được mục tiêu, hướng đi của mình trong tương lai; nắm bắt, tận dụng được cơ hội của mình đồng thời có biện pháp chủ động đối phó với những nguy cơ, những mối đe dọa ở môi trường bên ngoài tổ chức; giúp nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực bên trong của tổ chức, tránh những điểm yếu, đảm bảo tổ chức hoạt động liên tục; cuối cùng, chiến lược giúp cho tổ chức ra được những quyết định sáng suốt nhất, phù hợp nhất dựa trên những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ từ môi trường bên trong và bên ngoài tổ chức [32].

Với vai trò vô cùng quan trọng nêu trên nên thuật ngữ “chiến lược” dần dần được áp dụng trong mọi mặt của đời sống xã hội cho tới tận ngày nay và phổ biến nhất là trong lĩnh vực kinh doanh. “Trong lĩnh vực kinh doanh, quản trị chiến lược chỉ thực sự bắt đầu được nghiên cứu từ những năm 50 của thế kỷ XX. Năm 1960, Igor Ansoff đã cho xuất bản các công trình nghiên cứu của mình về chiến lược kinh doanh. Những năm 1970, vấn đề chiến lược kinh doanh đã được phát triển mạnh mẽ bởi các nghiên cứu của nhóm tư vấn Boston BCG, nhóm GE. Từ năm 1980, các công trình của Michael Porter về chiến lược kinh doanh đã thu hút sự chú ý của nhiều doanh nghiệp. Từ năm 1990 đến nay, quản trị chiến lược đã trở nên phổ biến trong kinh doanh hiện đại.”

“Hệ thống chiến lược đang được nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay bao gồm: Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của quốc gia, chiến lược phát triển các ngành và lĩnh vực, chiến lược phát triển các lãnh thổ (vùng lớn, vùng kinh tế trọng điểm, tỉnh, thành phố), chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Giữa các chiến lược đó có mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ với nhau”[10].

1.1.3. Những đặc trưng cơ bản của chiến lược

Những đặc trưng cơ bản của chiến lược được thể hiện cơ bản giống nhau trong hệ thống chiến lược. Để thể hiện rõ nhất, cụ thể và gần nhất với chúng ta, chính là trong chiến lược kinh doanh:

Chiến lược kinh doanh xác định rõ những mục tiêu cơ bản cần đạt tới trong từng thời kỳ, nhằm đảm bảo cho doanh nghiệp phát triển liên tục và vững chắc trong môi trường kinh doanh thường xuyên biến động. Chiến lược mang tính chất định hướng còn trong thực tiễn hoạt động kinh doanh đòi hỏi phải kết hợp mục tiêu chiến lược với mục tiêu kinh tế, xem xét tính hợp lý và điều chỉnh cho phù hợp với môi trường và điều kiện kinh doanh. Chiến lược được xây dựng trên cơ sở các lợi thế cạnh tranh, đảm bảo huy động tối đa các nguồn lực (nhân lực, tài sản lực cả hữu hình và vô hình), năng lực cốt lõi của doanh nghiệp trong hiện tại và tương lai nhằm phát huy những lợi thế, nắm bắt cơ hội để giành ưu thế trong cạnh tranh. Chiến lược kinh doanh được phản ánh trong cả một quá trình liên tục từ xây dựng, đến tổ chức thực hiện, đánh giá, kiểm tra và điều chỉnh chiến lược. Mọi quyết định chiến lược quan trọng trong quá trình xây dựng tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh chiến lược đều được tập trung vào nhóm quản trị viên cấp cao. Để đảm bảo tính chuẩn xác của các quyết định dài hạn, sự bí mật thông tin trong cạnh tranh [32].

1.2. Khái niệm chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương

1.2.1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương là gì

Để đưa ra được khái niệm Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương, chúng ta phải hiểu phát triển kinh tế là gì, phát triển xã hội bao gồm những gì và tổng thể của phát triển kinh tế - xã hội, từ đó chúng ta mới rõ được chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là gì và tại sao lại phải có chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển kinh tế là một quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế trong một thời gian nhất định. Phát triển kinh tế bao hàm các sự tăng trưởng kinh tế tức là tăng về quy mô sản lượng, sự tiến bộ về cơ cấu kinh tế và sự tiến bộ về xã hội [22].

Phát triển xã hội là quá trình phát triển con người xã hội, con người cộng đồng, con người trong sự liên hiệp tự do và bình đẳng về quyền và cơ hội; là làm cho con người được sống trong những điều kiện ngày càng đầy đủ về vật chất và tinh thần trong một môi trường tự nhiên và xã hội trong sạch, lành mạnh, an toàn; làm cho con người có đủ sức khỏe, tri thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để sống, lao động và hoàn thiện mình, xứng đáng là Con người, trong các quá trình lịch sử của một quốc gia dân tộc và của toàn nhân loại [27].

Như vậy, phát triển kinh tế - xã hội được hiểu là sự đi lên của nền kinh tế và xã hội; lấy tăng trưởng kinh tế làm cơ sở để cải thiện chất lượng cuộc sống.

Vậy để có được một nền kinh tế - xã hội phát triển, chúng ta phải có chiến lược cụ thể, đúng đắn. Như đã nêu trên, chiến lược chính là con đường, là kim chỉ nam dẫn đến cánh cửa của thành công với mục tiêu dài hạn mà mọi tổ chức quyết tâm đạt được. Chiến lược giúp cho tổ chức xác định rõ được mục tiêu, hướng đi của mình trong tương lai; nắm bắt, tận dụng được cơ hội của mình đồng thời có biện pháp chủ động đối phó với những nguy cơ, những mối đe dọa ở môi trường bên ngoài tổ chức; giúp nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực bên trong của tổ chức, tránh những điểm yếu, đảm bảo tổ chức hoạt động liên tục; cuối cùng, chiến lược giúp cho tổ chức ra được những quyết định sáng suốt nhất, phù hợp nhất dựa trên những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ từ môi trường bên trong và bên ngoài tổ chức.

“Có chiến lược mà không có chiến thuật là con đường chông gai đi đến thắng lợi. Có chiến thuật mà không có chiến lược thì chỉ là những níu kéo trước khi thất trận mà thôi” [10].

“Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hay còn gọi là chiến lược phát triển là một bộ phận đặc biệt quan trọng của chính sách kinh tế xã hội nhằm xác định mục tiêu cơ bản, lâu dài phù hợp với nhiệm vụ trước mắt của sự phát triển và các phương tiện biện pháp để thực hiện mục tiêu đó. Chiến lược phát triển quyết định phương hướng lâu dài, dự kiến nhiều năm của nền kinh tế và dự định giải quyết nhiệm vụ kinh tế xã hội trong phạm vi quy mô lớn” [12].

Từ định nghĩa chiến lược, ma trận swot, phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển kinh tế xã hội ta rút ra được chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương là:

Xác định sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của địa phương, triển khai thực hiện chuỗi hành động có kế hoạch theo thời gian lâu dài, tác động đến kinh tế - văn hóa xã hội, quốc phòng – an ninh trên cơ sở tận dụng nguồn lực hữu hạn, phát huy điểm mạnh, nắm lấy cơ hội của địa phương, khắc phục điểm yếu, hạn chế, đối phó với nguy cơ, thách thức từ bên ngoài một cách hợp lý nhằm phát triển kinh tế - xã hội địa phương một cách bền vững, có kiểm soát và mục đích cuối cùng nâng cao chất lượng cuộc sống cho mọi người dân, đảm bảo an ninh, quốc phòng, đạt được mục tiêu đã đề ra.

1.2.2. Sự cần thiết phải xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Chiến lược có vai trò vô cùng quan trọng trong quản trị mọi tổ chức. Bởi chiến lược chính là con đường, là kim chỉ nam dẫn đến cánh cửa của thành công với mục tiêu dài hạn mà mọi tổ chức quyết tâm đạt được.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương cũng có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của một địa phương trên mọi phương diện và mang tính tất yếu, tự nhiên, khách quan của sự phát triển.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương giúp cho địa phương xác định được tầm nhìn, mục tiêu trong tương lai và có được những bước đi, giải pháp triển khai thực hiện đúng hướng trên con đường phát triển của mình. Cụ thể:

- Xác định tầm nhìn, mục tiêu dựa trên việc phân tích môi trường bên ngoài, môi trường bên trong của địa phương.

- Đưa ra những phương án chiến lược và lựa chọn phương án chiến lược phù hợp nhất đối với địa phương.

- Có những giải pháp thống nhất liền mạch theo từng giai đoạn thời gian để thực hiện.

Như vậy, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương là rất cần thiết trong sự phát triển chung của một thành phố, một quốc gia và thế giới.

1.3. Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương bao gồm các bước sau:

Bước 1: Phân tích các căn cứ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội địa phương, bao gồm:

1. Phân tích môi trường bên ngoài địa phương.
2. Phân tích môi trường bên trong địa phương.
3. Nhận dạng các phương án chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Mục đích: Xác định cơ hội, nguy cơ từ bên ngoài; xác định điểm mạnh, điểm yếu từ bên trong, trên cơ sở phân tích đó để nhận dạng các phương án chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

4. Phân tích, dự báo những tác động của môi trường bên ngoài, môi trường bên trong đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Mục đích: Bước này nhằm mục đích dự báo những yếu tố nào trong tương lai sẽ tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bước 2: Đề xuất chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương, bao gồm:

1. Xác định tầm nhìn và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
2. Đề xuất chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương.
3. Các giải pháp tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương.
4. Đánh giá, điều chỉnh quá trình thực hiện chiến lược.

Mục đích: Bước này nhằm mục đích xác định tầm nhìn, mục tiêu của địa phương làm cái đích cần đạt tới để ta đề xuất phương án chiến lược phát triển kinh tế – xã hội phù hợp nhất trong số các phương án chiến lược; triển khai thực hiện các giải pháp chiến lược, đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong quá trình thực hiện giúp địa phương đó không đi chệch hướng

“Xây dựng một hệ thống kinh tế trong sự gắn bó với hệ thống chính trị, bảo đảm hài hòa giữa kinh tế với tự nhiên, xã hội, con người trở thành một đòi hỏi khách quan của bất cứ một hệ thống kinh tế - xã hội tiến bộ nào” [26].

Như vậy, xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương là một đòi hỏi khách quan của quá trình phát triển đối với bất cứ địa phương nào. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương luôn luôn phải tuân thủ việc gắn kết với hệ thống chính trị, hài hòa giữa phát triển kinh tế với tự nhiên, xã hội và con người. Phát triển kinh tế - xã hội chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi các yếu tố: Tự nhiên, chính trị, văn hóa xã hội, khoa học công nghệ, ... và đó cũng chính là các yếu tố cấu thành nên sự phát triển.

“Để xây dựng chiến lược phát triển, trước hết phải xác định được những yếu tố cấu thành sự phát triển, từ đó mới định hướng cho chiến lược phát triển”[13].

Sau đây ta phân tích cụ thể các bước 1, 2 của quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương:

1.3.1. Phân tích môi trường bên ngoài địa phương

Phân tích môi trường bên ngoài địa phương bao gồm phân tích các yếu tố về tự nhiên, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế nhằm dự báo cơ hội, nguy cơ giúp cho địa phương nắm bắt được cơ hội, tránh được những nguy cơ trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể:

1.3.1.1. Về tự nhiên (vị trí địa lý, khí hậu)

- Vị trí địa lý đối với phát triển kinh tế - xã hội:

Phân tích vị trí địa lý của một địa phương cho ta biết được địa phương nằm ở vị trí thuận lợi hay không thuận lợi. Tại vị trí đó, địa phương được trợ giúp bởi yếu tố gì, cái gì là cơ hội mà địa phương có thể tận dụng vị trí để phát triển kinh tế - xã hội. Các cụ ta có câu “*nhất cự ly, nhì tốc độ*” là nói đến vị trí ở gần sẽ tốt hơn.

Vị trí địa lý của một địa phương sẽ không được thuận lợi khi địa phương đó có vị trí nằm cách xa trung tâm đô thị lớn; cách xa nguồn nước; cách xa nguồn điện; cách xa hệ thống giao thông đường hàng không, đường bộ - sắt, đường sông, đường biển; cách xa khu vực phủ sóng viễn thông... Khi địa phương thiếu đi một trong những điều kiện, nguồn lực nêu trên thì lẽ tất yếu sẽ không thuận lợi cho phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa xã hội và đặc biệt là sự quan tâm của trung ương đối với địa phương khi quốc gia còn nghèo khó.

Phân tích vị trí địa lý đối với phát triển kinh tế - xã hội, ta phân tích các đặc điểm sau:

- + Địa phương thuộc tỉnh thành phố nào, vùng nào của đất nước?
- + Địa phương có nhiều sông ngòi, ao hồ hay tiếp giáp với biển không?
- + Địa phương nằm trên độ cao bao nhiêu so với mực nước biển?
- + Địa phương nằm gần hay xa các trung tâm đô thị?
- + Địa phương nằm gần, cách xa hay nằm trên hệ thống giao thông huyết mạch của tỉnh thành phố, của đất nước?

Như vậy vị trí địa lý của một địa phương là vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là khi phân tích chiến lược phát triển kinh tế xã hội địa phương; sự ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với kinh tế, đối với xã hội và quốc phòng - an ninh.

Vị trí địa lý thuận lợi của nước ta hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ, tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- Khí hậu đối với phát triển kinh tế - xã hội:

Khí hậu thuận lợi sẽ giúp cho địa phương rất nhiều mặt.

+ Về kinh tế: Giúp địa phương triển khai các dự án công trình thuận lợi, dịch vụ du lịch phát triển, nuôi trồng được mùa.

+ Về giao thông bớt khó khăn, nhất là giao thông đường bộ, hàng không và trên biển.

Phân tích đặc điểm khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ta phân tích các yếu tố sau:

+ Nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa trong năm của địa phương như thế nào? So sánh với khí hậu trung bình quốc gia và các địa phương khác tương đồng về vị trí địa lý?

+ Diễn biến thời tiết qua các năm ra sao? Thời tiết cực đoan: Gió mùa, bão gió, nóng, lạnh?

Như vậy phân tích khí hậu của địa phương sẽ giúp ta nhận biết được địa phương nằm trong vùng khí hậu thuận lợi hay khó khăn, từ đó ta nhận định được những cơ hội thuận lợi cho địa phương để phát triển kinh tế - xã hội, tránh được những nguy cơ mà khí hậu mang lại.

1.3.1.2. Về chính trị

Chính trị là một trong bốn lĩnh vực cơ bản, bao gồm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Theo quan điểm của Mac - Lênin, chính trị về thực chất bắt nguồn từ quan hệ về lợi ích giữa các giai cấp, các nhóm xã hội, các quốc gia, dân tộc. Trong đó, trước hết và cơ bản nhất là lợi ích kinh tế. Như vậy, chính trị chịu sự tác động của kinh tế. Mọi quan hệ giữa chính trị với kinh tế là mối quan hệ cơ bản nhất, quyết định nhất đối với sự vận động và phát triển của mọi xã hội. Thực chất các quan hệ chính trị (quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc, quan hệ quốc gia) là giải quyết các quan hệ về quyền lực để đi đến các mục tiêu lợi ích kinh tế.

Vai trò của chính trị đối với kinh tế thể hiện trong luận điểm của Lenin như sau:

“Thứ nhất, hệ thống các quan hệ kinh tế cũng như những quan hệ kinh tế cơ bản do chính trị thiết lập ra là cơ sở cho sự tồn tại, ổn định, bền vững của chính trị. Do đó, chính trị trước hết phải bảo vệ những thành quả kinh tế mà chính trị đã đạt được nhằm duy trì địa vị của giai cấp thống trị.

Thứ hai, thông qua tổ chức, chức năng và những năng lực vật chất, tinh thần, chính trị nói chung và đặc biệt là nhà nước nói riêng có thể nhận thức vượt trước so với kinh tế, có thể tiên đoán được tương lai vận động của đời sống kinh tế.

Thứ ba, chính trị có thể tạo ra những nhân tố, những hình thức, những điều kiện tác động vào kinh tế, định hướng phát triển kinh tế theo những mục tiêu nhất định.

Có thể khẳng định trong mọi thời đại, xét đến cùng, chính trị đều có vai trò bảo vệ, lãnh đạo kinh tế, là một nguồn lực của sự phát triển kinh tế. Vai trò của chính trị với kinh tế là vô cùng to lớn. Mối quan hệ chính trị - kinh tế là mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại, nhân quả” [54].

Một quyết sách về chính trị có ảnh hưởng vô cùng to lớn đến sự phát triển kinh tế của một đất nước, một thành phố và một địa phương nhất định và ngược lại. Vì, sự vận động của kinh tế là khách quan và luôn luôn biến động còn chính trị lại chứa đựng trong đó rất nhiều yếu tố chủ quan của con người. Nếu ra một quyết sách sai lầm có thể làm sụp đổ cả một hệ thống kinh tế và ngược lại, nếu để kinh tế phát triển theo hướng tự phát, kiểm soát lỏng lẻo hoặc điều tiết sai lầm thì có thể làm sụp đổ cả một hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương.

Như vậy, chính trị là điều mấu chốt, có vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển của một quốc gia, một tỉnh thành phố hay một địa phương nhỏ. Để đất nước hay một tỉnh, thành phố, một địa phương đi đến sự phát triển phồn thịnh hay thụt lùi so với đất nước bạn hay các tỉnh thành phố và địa phương khác trong cả nước thì việc có được đường lối đúng đắn, cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn cuộc sống là cả một quá trình phát triển lâu dài, tư duy sống còn của cả một quốc gia, tỉnh thành phố và địa phương.

Việc phân tích chính trị nhằm giúp nhận định tình hình về cơ chế chính sách, đường lối phát triển của trung ương, tỉnh thành phố đối với địa phương, nhận định về tình hình chính trị của đất nước và thế giới, nhất là vùng biên giới tiếp giáp giữa lãnh thổ hai nước, giúp địa phương nhận biết được tương lai của mình mà có chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phù hợp.

1.3.1.3. Về kinh tế

Kinh tế chính là một phần của phát triển kinh tế - xã hội. Phân tích tình hình kinh tế trong nước, vùng lãnh thổ và tỉnh thành phố để thấy được sự ảnh hưởng của kinh tế đối với sự phát triển của một địa phương. Như ta thấy, đất nước phát triển đồng nghĩa với việc các tỉnh thành phố cũng phát triển, tỉnh thành phố này phát triển sẽ trợ giúp tỉnh thành phố khác phát triển, địa phương này phát triển thì địa phương khác cũng phát triển theo. Về cơ bản, tỉnh thành phố nào thu hút được nhiều vốn đầu tư, nhiều dự án thì tỉnh thành phố khác cũng sẽ làm theo, thay đổi cơ chế thu hút đầu tư, ở đây ta gọi là cùng nhau phát triển, hiện tượng domino.

Những năm gần đây, ở phía Bắc Việt Nam, tỉnh Bắc Ninh, Quảng Ninh nổi lên như một tượng đài về phát triển. Nếu như Bắc Ninh thu hút vốn đầu tư lớn vào các dự án khu công nghiệp thì Quảng Ninh lại thu hút đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ du lịch. Cả hai tỉnh này đều là những tỉnh phát triển nhanh nhất khu vực phía Bắc, ngoại trừ thành phố Hà Nội. Chính vì sự phát triển nhanh và mạnh đó mà Hải Phòng, thành phố được thành lập từ thời Pháp thuộc, vài năm gần đây (giai đoạn từ năm 2015 đến nay) cũng đã thức tỉnh sau những năm ngủ dài để vươn mình phát triển đi lên, xứng tầm với vị trí là một trong năm thành phố trực thuộc trung ương, cửa ngõ ra biển lớn, trung tâm kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục, khoa học, thương mại và công nghệ của vùng duyên hải Bắc Bộ....

Đối với địa phương khối quận huyện thuộc tỉnh, thành phố cũng vậy. Trong một tỉnh, thành phố, quận huyện này thu hút nhiều vốn đầu tư, nhiều dự án đầu tư thì quận huyện khác cũng có mục tiêu như vậy. Nếu tỉnh, thành phố phát triển cũng đồng nghĩa với việc các quận huyện phát triển. Tuy nhiên, trong một tỉnh, thành phố có quận huyện phát triển nhanh, có quận huyện phát triển chậm hoặc cũng có quận huyện dậm chân tại chỗ với nhiều lý do khách quan và chủ quan. Nhưng nhìn chung, các quận huyện phát triển đều là những quận huyện có được chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thích hợp và có được sự kích thích, đòn bẩy về kinh tế từ tỉnh, thành phố nhà. Đó chính là sự quan tâm của các nhà lãnh đạo tỉnh thành phố đã tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương có được nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và

các nguồn vốn khác để đầu tư, tái đầu tư các công trình, dự án, cơ sở hạ tầng nhằm kích thích phát triển.

Như vậy, ngoài sự tác động của các yếu tố tự nhiên (vị trí địa lý, khí hậu), về chính trị thì việc phân tích tình hình kinh tế trong nước, kinh tế vùng, kinh tế tỉnh thành phố mà địa phương đó tại vị cũng vô cùng quan trọng. Đây cũng chính là cơ hội hình thành nên chiến lược mà địa phương phải tập trung nắm bắt để tận dụng thời cơ phát triển kinh tế – xã hội của mình, đề phòng, tránh những nguy cơ về kinh tế có thể xảy ra trong tương lai.

1.3.1.4. Về văn hóa xã hội

Văn hóa xã hội là một phần của phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa là sản phẩm của con người, bao gồm văn hóa vật thể và phi vật thể.

Phân tích về văn hóa xã hội giúp cho chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về xã hội mà chúng ta đang sống. Văn hóa chính là cái nét riêng của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền, tỉnh thành phố và mỗi địa phương. Văn hóa giúp chúng ta phân biệt được quốc gia này khác biệt với quốc gia khác, dân tộc này khác với dân tộc khác, tỉnh thành phố này khác với tỉnh thành phố khác, vùng miền này khác với vùng miền khác, địa phương này khác với địa phương khác. Vì mang những nét riêng, đặc thù mà giữa các quốc gia, dân tộc, tỉnh thành phố, vùng miền và địa phương có sự giao thoa lẫn nhau, học hỏi lẫn nhau trên cơ sở giữ gìn bản sắc văn hóa của mình.

Tại sao du khách quốc tế lại đến Việt Nam, tại sao người dân vùng miền này lại đến vùng miền khác, tại sao người dân ở tỉnh thành phố này lại đến tỉnh thành phố khác. Không phải ngẫu nhiên mà nơi có nét văn hóa đặc sắc lại thu hút rất đông du khách viếng thăm. Bởi, đó chính là sự hấp dẫn về văn hóa, về nét đặc sắc riêng mà con người vốn có bản chất khám phá luôn luôn mong muốn tìm tòi, mở rộng tầm hiểu biết của mình về thế giới, xã hội mà mình đang sống.

Như vậy, phân tích văn hóa xã hội sẽ giúp chúng ta hiểu được sự ảnh hưởng của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giúp địa phương biết được trào lưu hiện thực của xã hội, nhu cầu mong muốn của du khách để từ đó

nắm bắt thời cơ, tận dụng lợi thế, tiềm năng của địa phương phát triển dịch vụ du lịch thu hút du khách thập phương đến với mình.

1.3.1.5. Về khoa học công nghệ

“Phát triển kinh tế - xã hội phải dựa trên phát triển KH&CN, Không phát triển KH&CN, Việt Nam sẽ tụt hậu”[15].

Các nhà khoa học cũng như các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta đã khẳng định khoa học công nghệ có vai trò vô cùng quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nói chung và của mỗi địa phương nói riêng.

“Theo cách hiểu chung nhất, hoạt động khoa học và công nghệ là tập hợp toàn bộ các hoạt động có hệ thống và sáng tạo nhằm phát triển kho tàng kiến thức liên quan đến con người, tự nhiên và xã hội, nhằm sử dụng những kiến thức đó để tạo ra những ứng dụng mới”[29].

Những ứng dụng mới này là những ứng dụng hữu ích nhằm phục vụ đời sống của con người, hay nói cách khác là áp dụng khoa học công nghệ vào đời sống hàng ngày sẽ cải thiện cuộc sống, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Việt Nam đang trên đà phát triển, một trong những yếu tố giúp cho đất nước phát triển đi lên chính là khoa học công nghệ.

Như vậy, việc phân tích sự ảnh hưởng của khoa học công nghệ đến phát triển kinh tế – xã hội giúp cho địa phương nắm bắt được xu thế phát triển của tỉnh thành phố, của vùng miền, đất nước và thế giới, nắm bắt được cơ hội để có thể áp dụng những tiến bộ của khoa học công nghệ vào thực tiễn địa phương, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, đáp ứng được nhu cầu của xã hội và đặc biệt là cơ hội quảng bá hình ảnh của địa phương đến với mọi người trên khắp đất nước và thế giới.

1.3.1.6. Về hội nhập quốc tế

Hội nhập sâu rộng quốc tế là tiền đề giúp cho đất nước phát triển vượt bậc. Có hội nhập quốc tế, nước ta mới có thể thoát khỏi tình trạng trì trệ, kém phát triển. Hội nhập quốc tế giúp Việt Nam đi tắt đón đầu, sử dụng những cái mới nhất của thế giới mà những nước phát triển hàng trăm năm trước phải trải qua vài ba lần cách

mạng công nghiệp mới có được như ngày nay. Hội nhập quốc tế, Việt Nam có cơ hội tham gia các tổ chức thương mại, các hiệp định thương mại, mậu dịch tự do, có cơ hội giao thương về kinh tế, văn hóa xã hội... với hầu hết các quốc gia trên thế giới; giúp tất cả các thành phần kinh tế đều phát triển, giúp đất nước có được cân thương mại phát triển.

Phân tích vấn đề hội nhập quốc tế để thấy được cơ hội và nguy cơ tác động như thế nào đến phát triển kinh tế xã hội địa phương, ta trả lời các câu hỏi sau:

- Cơ hội về kinh tế khi nước ta hội nhập sâu rộng với thế giới?
- Cơ hội về chính trị khi nước ta hội nhập sâu rộng với thế giới?
- Cơ hội về giao lưu văn hóa khi nước ta hội nhập sâu rộng với thế giới?
- Cơ hội về khoa học công nghệ khi nước ta hội nhập sâu rộng với thế giới?
- Cơ hội của địa phương là gì khi đất nước hội nhập sâu rộng với thế giới?
- Nguy cơ về kinh tế khi nước ta hội nhập sâu rộng với thế giới?
- Nguy cơ về chính trị khi nước ta hội nhập sâu rộng với thế giới?
- Nguy cơ về giao lưu văn hóa khi nước ta hội nhập sâu rộng với thế giới?
- Nguy cơ về khoa học công nghệ khi nước ta hội nhập sâu rộng với thế giới?
- Nguy cơ của địa phương là gì khi đất nước hội nhập sâu rộng với thế giới?

Như vậy, trả lời được các câu hỏi trên ta sẽ tạo lập được những căn cứ chiến lược phát triển kinh tế xã hội một cách đầy đủ nhất, chính là cơ hội giúp cho địa phương có được những điều kiện cần thiết để phát triển đầy đủ nhất về kinh tế, văn hóa xã hội. mà nội lực không bao giờ có được.

1.3.2. Phân tích môi trường bên trong địa phương

Phân tích môi trường bên trong địa phương bao gồm phân tích các yếu tố về tự nhiên, tổ chức nhân sự, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kinh tế, văn hóa - xã hội, áp dụng khoa học công nghệ nhằm xác định được các điểm mạnh, điểm yếu của địa phương, giúp cho địa phương tận dụng được nguồn nội lực là điểm mạnh của mình, khắc phục được các điểm yếu trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Trong quá trình phân tích, ta sẽ so sánh cụ thể từng yếu tố môi trường bên trong địa phương với các địa phương tương đồng về vị trí địa lý, diện tích tự nhiên, Cụ thể:

1.3.2.1. Về tự nhiên

Đầu tiên chúng ta phân tích về các yếu tố tự nhiên của địa phương như đất đai, nước và hệ sinh thái. Đây là những yếu tố cơ bản của một địa phương khi phân tích bất cứ điều gì liên quan đến địa phương. Và đây cũng là yếu tố quan trọng nhất khi chúng ta phân tích để đưa ra chiến lược giúp địa phương phát triển đi lên. Đất đai cằn cỗi, đầy sỏi đá, nguồn nước phục vụ sinh hoạt cơ bản cho người dân luôn thiếu, hệ sinh thái nghèo nàn do khí hậu khắc nghiệt ... là những yếu tố ảnh hưởng vô cùng lớn đến việc phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

Phân tích các yếu tố tự nhiên của địa phương nhằm chỉ ra được những điểm mạnh, điểm yếu cơ bản nhất mà địa phương tồn tại trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Để thấy được những điểm mạnh, yếu ta phân tích và trả lời các câu hỏi sau:

- Đất đai của địa phương cằn cỗi hay phì nhiêu? Thực trạng sử dụng đất của địa phương ra sao? (Đất dành nhà ở, khu vực công cộng, dành cho nông nghiệp, khu công nghiệp, đất quốc phòng an ninh?..)

- Nguồn nước địa phương có đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt và sản xuất không?

- Hệ sinh thái của địa phương có đa dạng, phong phú không?

- Điểm mạnh về tự nhiên địa phương là gì? Nó tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?

- Điểm yếu về tự nhiên địa phương là gì? Nó tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?

Việc phân tích các yếu tố liên quan đến tự nhiên giúp chúng ta nhìn nhận được địa phương có thuận lợi hay không thuận lợi, có điểm gì mạnh cần phải phát huy, điểm gì yếu cần phải khắc phục để đưa vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương.

1.3.2.2. Về tổ chức, nhân sự

Thứ hai, khi phân tích các yếu tố liên quan đến chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương ta không thể không phân tích yếu tố con người. Yếu tố con người đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình xây dựng, triển khai thực hiện các quyết sách của địa phương. Nếu như các yếu tố khác là điều kiện cần thì con người chính là điều kiện đủ để có thể xây dựng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương thành hiện thực.

Việc phân tích về tổ chức, nhân sự mà ở đây chính là bộ máy nhân sự của Đảng, đoàn thể, chính quyền địa phương để làm rõ điểm mạnh, yếu, ta phải trả lời được các câu hỏi sau:

- Tổ chức bộ máy nhân sự của Đảng, đoàn thể, chính quyền địa phương có thực sự tinh gọn, hiệu quả không? Còn khó khăn, hạn chế ở những điểm gì? Cần phải tổ chức, sắp xếp bộ máy ra sao, khắc phục như thế nào để hoạt động thực sự hiệu quả?

- Nguồn nhân lực hiện có ra sao? Trình độ chuyên môn, chính trị, tin học, ngoại ngữ như thế nào? Điểm mạnh, điểm yếu của nguồn nhân lực là gì? Có đáp ứng được yêu cầu tại thời điểm hiện tại và thời gian tới không? Còn khó khăn, hạn chế ở điểm gì? Cần quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực như thế nào để đáp ứng tốt yêu cầu công việc trong thời gian tới?

- Vai trò của người lãnh đạo, tầm nhìn xa hay gần, có tâm, có tầm ảnh hưởng hay không? Đây chính là chìa khóa dẫn đến thành công của một địa phương bởi vì lãnh đạo là người ra quyết định cuối cùng mang nhiều ý chí chủ quan nhất.

Ngoài vai trò của người lãnh đạo thì nhân sự các phòng, ban, cơ quan, đơn vị chức năng chính là then chốt của sự thành công. Địa phương có được đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức giỏi, chuyên nghiệp là điều kiện tiên quyết giúp địa phương đi nhanh hơn, tiến đến đích nhanh hơn trong quá trình thực hiện mục tiêu của mình.

Ở đây, ta phân tích xem thực trạng cán bộ, công nhân viên chức địa phương như thế nào, có được nhà lãnh đạo giỏi không, cán bộ, công nhân viên chức mạnh ở điểm gì, yếu ở điểm gì để khi phân tích đưa ra phương án chiến lược phù hợp nhất, có giải pháp chiến lược để tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ vừa có tâm, lại vừa có tầm đối với sự phát triển của địa phương.

1.3.2.3. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Thứ ba, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật là cái cơ bản, nền tảng về vật chất cho một địa phương trên con đường phát triển.

Cơ sở hạ tầng tốt sẽ đáp ứng được các yêu cầu cho sự phát triển về kinh tế, văn hóa xã hội. Khi phân tích ta phải đề cập đến tất cả các yếu tố của cơ sở hạ tầng liên quan đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. So sánh, phân tích nêu bật được điểm mạnh, điểm yếu cơ sở hạ tầng của địa phương để khi đưa vào chiến lược, ta luận ra những giải pháp cho các yếu tố đó, cần phải phát huy ở điểm mạnh gì, khắc phục những điểm yếu gì. Cụ thể, ta trả lời được những câu hỏi sau khi phân tích:

- Thực trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật của địa phương? Bao gồm: Hệ thống nhà công vụ (trụ sở các cơ quan, đơn vị, bệnh viện, trường học, chợ, ...); Hệ thống giao thông; Hệ thống điện chiếu sáng, sinh hoạt và sản xuất; Hệ thống lọc, phân phối nước; Hệ thống xử lý nước thải; Hệ thống xử lý rác thải; Hệ thống các công trình viễn thông; các phương tiện giao thông công cộng, bến cảng, sân bay....

- Những điểm mạnh, điểm yếu hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật của địa phương?

1.3.2.4. Về kinh tế

Phân tích tình hình kinh tế của địa phương qua các năm nhằm mục đích xem xét địa phương đó có hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra hay không, các ngành, lĩnh vực hoạt động có hiệu quả không, phương hướng, giải pháp phát triển có phù hợp với tổng thể phát triển kinh tế - xã hội không. Do kinh tế là yếu tố cơ bản, quyết định đến sự phát triển, tồn vong của các yếu tố khác nên khi phân tích ta phải chú ý đến sự ảnh hưởng, tác động của kinh tế. Để tìm ra được đường lối phát triển kinh tế

đúng đắn ta phải biết được thực trạng các thành phần kinh tế địa phương và muốn phát triển kinh tế địa phương ta phải gắn với phát triển tổng thể địa phương một cách toàn diện nhất. Khi phân tích, định hình chiến lược phát triển kinh tế địa phương, ta phải tìm hiểu các vấn đề sau qua một giai đoạn nhất định (thường là từ 5 đến 10 năm), cụ thể:

- Các thành phần kinh tế của địa phương gồm những gì? Thực trạng và mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế đó? Khó khăn, hạn chế?

Đối với địa phương, các thành phần kinh tế đó đã phát triển chưa, đã đi đúng hướng chưa? Thông thường các thành phần kinh tế địa phương bao gồm: Nông lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng, dịch vụ thương mại, ...

- Tổng số nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển ra sao? Nguồn vốn đó đến từ đâu? Khó khăn, hạn chế?

- Tổng thu, chi ngân sách hàng năm? Hoạt động quản lý thu chi ngân sách địa phương có đúng theo quy định của pháp luật không?

Từ phân tích các vấn đề trên, ta rút ra được điểm mạnh, điểm yếu kinh tế địa phương là gì? Nên phát triển kinh tế địa phương theo hướng nào là phù hợp với tổng hòa phát triển kinh tế – xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương...

1.3.2.5. Về văn hóa xã hội

Như đã đề cập đến tại phần văn hóa xã hội bên ngoài địa phương, thì văn hóa xã hội là một phần của phát triển kinh tế - xã hội. Phân tích về văn hóa xã hội giúp cho chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về xã hội mà chúng ta đang sống. Vì là một phần của phát triển kinh tế – xã hội nên văn hóa và kinh tế có những tác động biện chứng qua lại lẫn nhau. Ở địa phương, văn hóa phong tục, tập quán, lễ hội cũng chính là yếu tố, là sản phẩm giúp địa phương phát triển kinh tế, nhất là phát triển về dịch vụ du lịch.

Khi phân tích về văn hóa xã hội, ta cần trả lời các câu hỏi sau:

- Địa phương có nét riêng biệt gì về văn hóa, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể?

- Từ thực tế cuộc sống địa phương, từ nguồn lực sẵn có, ta có thể tạo ra nét văn hóa riêng biệt, độc đáo mới không? Vừa đáp ứng nhu cầu cuộc sống tinh thần cho nhân dân bản địa vừa là yếu tố hấp dẫn du khách thập phương đến với địa phương nhằm mục đích phát triển dịch vụ du lịch, nâng cao đời sống vật chất cho bà con?

Như vậy, văn hóa có vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội địa phương. Vì văn hóa chính là yếu tố cơ bản, là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người, là động lực để phát triển kinh tế nói chung, phát triển dịch vụ du lịch nói riêng.

1.3.2.6. Về áp dụng khoa học công nghệ

Khoa học công nghệ có vai trò vô cùng quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nói chung và của mỗi địa phương nói riêng.

Có khoa học công nghệ, cuộc sống của con người mới phát triển và muốn cuộc sống con người phát triển thì phải có khoa học công nghệ. Khoa học công nghệ giúp cải thiện cuộc sống, đáp ứng nhu cầu cuộc sống ngày càng tăng của con người.

Khi phân tích về khoa học công nghệ, ta phân tích về:

- Thực trạng áp dụng khoa học công nghệ của địa phương nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Còn những khó khăn, vướng mắc gì mà địa phương chưa thể áp dụng khoa học công nghệ? Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ (nhân lực) làm chủ công nghệ hay khó khăn về khí hậu, giao thông đi lại, ...(chủ quan, khách quan)?

- Đối với địa phương cần cải thiện những gì để có thể áp dụng khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu cuộc sống của nhân dân và sản xuất? (Kêu gọi đầu tư?)

Khoa học công nghệ chính là động lực giúp địa phương trên con đường phát triển kinh tế – xã hội.

1.3.3. Nhận dạng các phương án chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Mỗi địa phương để thành công đều phải có một chiến lược. Tuy nhiên, địa phương đó lại rất khác nhau về vị thế, môi trường bên trong và bên ngoài, nguồn lực hữu hạn, kể cả trong cùng một tỉnh, thành phố, cùng một quốc gia hay tương đồng về vị trí địa lý..... Điều đó đòi hỏi mỗi địa phương để phát triển thành công thì cần phải có một chiến lược phù hợp.

Trên thế giới cũng như Việt Nam đang sử dụng rất nhiều các công cụ xây dựng chiến lược giúp cho các tổ chức lựa chọn cho mình một chiến lược thích hợp như: Ma trận SWOT, ma trận I-E, ma trận hình ảnh cạnh tranh.... Một trong số chúng, được sử dụng thông dụng nhất chính là ma trận SWOT (kỹ thuật phân tích thế mạnh – điểm yếu – cơ hội và nguy cơ) giúp địa phương nhận dạng các phương án chiến lược và lựa chọn phương án chiến lược tối ưu cho phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

SWOT được ghép bởi 4 chữ cái đầu tiên của các từ Strengths (điểm mạnh), Weaknesses (điểm yếu), Opportunities (cơ hội) và Threats (nguy cơ).

“Trong thập niên 60-70 một nhóm các nhà khoa học có Marion Doshier, Ts. Otis Benepe, Albert Humphrey, Robert Stewart và Birger Lie nghiên cứu nguyên nhân vì sao nhiều công ty thất bại trong việc thực hiện kế hoạch. Trong cuộc khảo sát này bao gồm 500 công ty có doanh thu cao nhất do tạp chí Fortune bình chọn và được tiến hành tại Viện Nghiên cứu Stanford. Từ đó mô hình SWOT ra đời.

Ban đầu mô hình này được Albert cùng các cộng sự của mình đặt với tên SOFT: Thỏa mãn (Satisfactory) - Điều tốt trong hiện tại, Cơ hội (Opportunity) – Điều tốt trong tương lai, Lỗi (Fault) – Điều xấu trong hiện tại; Nguy cơ (Threat) – Điều xấu trong tương lai.

Đến năm 1964 sau khi được giới thiệu Orr tại Zurich Thụy Sĩ, họ đã đổi F (Fault) thành W (Weakness) và SWOT ra đời từ đó. Đến năm 1966 thì phiên bản đầu tiên được thử nghiệm và giới thiệu đến công chúng dựa trên công trình nghiên cứu tại tập đoàn Erie Technological. Năm 1973, SWOT được sử dụng tại J W French Ltd và thực sự phát triển từ đây. Đầu năm 2004, SWOT đã được hoàn thiện và cho

thấy khả năng hữu hiệu trong việc đưa ra cũng như thống nhất các mục tiêu của tổ chức mà không cần phụ thuộc vào tư vấn hay các nguồn lực tốn kém khác” [20].

Như vậy, công cụ xây dựng chiến lược này có điểm mạnh là đơn giản, dễ thực hiện, không tốn chi phí tư vấn, hữu ích trong mọi hoàn cảnh, không chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp mà có thể áp dụng cho mọi tổ chức, đặc biệt là cho các địa phương đang gặp khó khăn, hạn chế trong quá trình phát triển.

Phân tích ma trận SWOT

Các yếu tố của môi trường bên trong đối với một tổ chức có thể được phân loại thành các điểm mạnh (S), điểm yếu (W), các yếu tố bên ngoài có thể được phân thành các cơ hội (O) và thách thức (T), kết hợp các yếu tố đó để đưa ra các phương án chiến lược. Sự phân tích này đối với môi trường chiến lược được gọi là phân tích ma trận SWOT.

Phân tích ma trận SWOT cung cấp thông tin hữu ích trong việc hài hòa giữa các nguồn lực và năng lực bên trong địa phương đối với môi trường bên ngoài địa phương. Như vậy, đây là một công cụ hữu hiệu trong lựa chọn xây dựng chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

Phân tích môi trường bên trong địa phương ta sẽ tìm được các điểm mạnh, điểm yếu của địa phương. Điểm mạnh của một địa phương là các nguồn lực và năng lực mà có thể được sử dụng như là một cơ sở trong việc phát triển lợi thế của địa phương. Không có các điểm mạnh nói trên có thể được xem là các điểm yếu của một địa phương. Các điểm yếu đó là những hạn chế của địa phương. Có thể địa phương có nguồn lực, có năng lực song chưa được phát huy hiệu quả hoặc sử dụng chưa đúng, sai lệch và có thể địa phương đó chưa có sẵn nguồn lực, năng lực đó.

Phân tích môi trường bên ngoài địa phương ta sẽ thấy được các cơ hội, nguy cơ. Môi trường bên ngoài có thể tạo cho địa phương cơ hội mới để tăng trưởng và phát triển. Điều quan trọng là địa phương có nhận dạng và nắm bắt được cơ hội đó cho sự phát triển của mình. Sự thay đổi của môi trường bên ngoài cũng có thể mang lại nhiều mối nguy cho địa phương khi mà đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới.

Bảng: 1.1. Ma trận SWOT các căn cứ chiến lược

Môi trường nội bộ	Các điểm mạnh (Strengths)	Các điểm yếu (Weaknesses)
Môi trường bên ngoài	Liệt kê các điểm mạnh quan trọng nhất trong môi trường nội bộ địa phương	Liệt kê các điểm yếu quan trọng nhất trong môi trường nội bộ địa phương
Các cơ hội (Opportunities)	Các kết hợp chiến lược SO	Các kết hợp chiến lược WO
Liệt kê các cơ hội quan trọng nhất ở môi trường bên ngoài địa phương	Tận dụng điểm mạnh của địa phương để khai thác các cơ hội môi trường bên ngoài	Tận dụng các cơ hội môi trường bên ngoài để khắc phục điểm yếu bên trong của địa phương
Các nguy cơ (Threats)	Các kết hợp chiến lược ST	Các kết hợp chiến lược WT
Liệt kê các nguy cơ quan trọng nhất ở môi trường bên ngoài địa phương	Tận dụng điểm mạnh bên trong địa phương nhằm giảm bớt tác động của các nguy cơ bên ngoài	Là những kết hợp chiến lược mang tính phòng thủ, cố gắng khắc phục điểm yếu và giảm bớt tác động (hoặc tránh) nguy cơ từ bên ngoài

Từ việc phân tích môi trường bên ngoài, bên trong địa phương, qua sự kết hợp các yếu tố gồm các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ, ta nhận dạng các phương án chiến lược phát triển kinh tế – xã hội cho địa phương như hình 1.1, cụ thể như sau:

Phương án chiến lược S-O: Tận dụng điểm mạnh của địa phương để khai thác những cơ hội bên ngoài.

Phương án chiến lược W-O: Tận dụng những cơ hội bên ngoài nhằm khắc phục các điểm yếu của địa phương.

Phương án chiến lược S-T: Tận dụng điểm mạnh của địa phương nhằm giảm bớt tác động của những nguy cơ từ bên ngoài.

Phương án chiến lược W-T: Nhằm khắc phục các điểm yếu của địa phương để làm giảm bớt (tránh) nguy cơ từ bên ngoài.

1.3.4. Phân tích, dự báo những tác động của môi trường bên ngoài, môi trường bên trong đến phát triển kinh tế – xã hội của địa phương

Trên cơ sở phân tích môi trường bên ngoài, thực trạng nguồn nội lực bên trong địa phương, ta cần phải dự báo được nhu cầu, xu hướng phát triển để xác định tầm nhìn và mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương một cách phù hợp nhất.

Đối với môi trường bên ngoài địa phương: Dự báo về các yếu tố tự nhiên, chính trị, tình hình phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế. Những yếu tố đó theo thời gian sẽ thay đổi như thế nào, phát triển đi lên hay theo một hướng đi khác?

Đối với địa phương: Dự báo về nhu cầu, tiềm năng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương; những tác động từ môi trường bên ngoài đến sự phát triển đó?

1.3.5. Xác định tầm nhìn, mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội địa phương

Để chiến lược phát triển kinh tế – xã hội địa phương phát huy được vai trò của mình thì việc địa phương phải xác định được tầm nhìn, mục tiêu để hướng đến là vô cùng quan trọng. Lấy tầm nhìn, mục tiêu đó làm cái đích cuối cùng để triển khai thực hiện các giải pháp chiến lược và tránh cho địa phương đó không đi chệch hướng.

Để xác định được tầm nhìn, mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội địa phương, các nhà lãnh đạo, hoạch định phải căn cứ vào vị trí địa lý, điểm mạnh, điểm yếu của địa phương, tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Cụ thể qua phân tích môi trường bên ngoài, bên trong của địa phương; dự báo xu hướng tương lai để định hình được tầm nhìn và mục tiêu chiến lược.

Ta không thể xác định tầm nhìn của địa phương là trở thành một thành phố cảng lớn hiện đại mà không có biển, một thành phố công nghiệp mà không thuận lợi về giao thông, trở thành trung tâm du lịch cấp vùng mà chỉ có số ít các điểm du lịch hay trở thành một thành phố văn minh hiện đại trong khi còn là một tỉnh nghèo, đất nước đang suy giảm về kinh tế.....

Cụ thể như thành phố Hải Phòng, được xác định là thành phố cảng quan trọng, trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn nhất phía Bắc Việt Nam, đồng thời cũng là trung tâm kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục, khoa học, thương mại và công nghệ của Vùng duyên hải Bắc Bộ cũng là dựa trên quá trình hình thành và phát triển thành phố. Hải Phòng đã được xây dựng và phát triển từ thời Pháp thuộc, có vị trí địa lý rất thuận lợi, phía Đông tiếp giáp với biển, sông ngòi dày đặc, giao thông thuận tiện, có sân bay, cảng biển lớn, ...

1.3.6. Đề xuất chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Từ 04 chiến lược đã được nhận dạng, phân tích, kết hợp với tầm nhìn, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương đã được chọn lựa, ta đề xuất chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương một cách hợp lý nhất.

1.3.7. Giải pháp tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Để tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương, ta phải có những giải pháp cụ thể.

Ví như các giải pháp về giải pháp về nhân sự; giải pháp về bảo vệ tự nhiên, môi trường sống; giải pháp về tăng trưởng kinh tế, giải pháp về phát triển văn hóa xã hội; giải pháp về áp dụng khoa học công nghệ.... để khắc phục điểm yếu của địa phương, tận dụng những cơ hội đầu tư từ bên ngoài.

Các giải pháp này được chia làm nhiều giai đoạn. Căn cứ vào thực trạng kinh tế - xã hội của địa phương, căn cứ vào tầm nhìn, mục tiêu mà địa phương ta có những giải pháp tại thời điểm, giai đoạn thích hợp nhất.

Tại giai đoạn đầu thực hiện chiến lược, ta có giải pháp gì trước, cái gì cần phải làm trước tạo tiền đề cho cái sau, giai đoạn sau phát triển. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, có rất nhiều việc đan xen lẫn nhau mà nếu không nhìn nhận, phân tích cụ thể, ta không thể thực hiện được chiến lược. Cũng giống như việc không có hệ thống cung cấp điện ổn định, ta không thể phát triển sản xuất công nghiệp, không có hệ thống thu gom, xử lý chất thải, nước thải tốt ta không thể phát triển du lịch được....

Mỗi giải pháp riêng rẽ nhưng đều nhằm mục đích đảm bảo cho cái chung là phát triển kinh tế – xã hội địa phương trong tổng hòa phát triển kinh tế xã hội của đất nước và phát triển kinh tế – xã hội phải gắn với bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ của quốc gia.

1.3.8. Đánh giá, điều chỉnh quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Không một chiến lược nào hoàn hảo trong quá trình thực hiện từ khi bắt đầu cho đến khi đạt được mục tiêu. Ta phải khẳng định điều đó bởi, chiến lược là một chuỗi các hoạt động liên tục, lâu dài, không phải một hay hai năm và trong môi trường biến động không ngừng.

Trên cơ sở nguồn lực hiện tại, dự đoán tương lai ta đúc rút ra chiến lược phát triển kinh tế – xã hội địa phương một cách phù hợp nhất. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chiến lược, cuộc sống con người luôn luôn biến động, biến động về môi trường tự nhiên, môi trường chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, sự phát triển của khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế... nên ta phải đánh giá, điều chỉnh lại các giải pháp thực hiện chiến lược cho phù hợp với tầm nhìn, mục tiêu của địa phương.

Nếu tầm nhìn, mục tiêu địa phương thay đổi, ta phải thay thế bằng một chiến lược khác phù hợp với tầm nhìn, mục tiêu mới.

Tiểu kết chương 1

Chương này là cơ sở lý luận về chiến lược và chiến lược phát triển kinh tế – xã hội địa phương. Mục đích: Nhằm giúp cho tác giả hiểu được chiến lược là gì, chiến lược phát triển kinh tế – xã hội địa phương là gì, vai trò, sự cần thiết phải có chiến lược phát triển kinh tế – xã hội địa phương; quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế – xã hội địa phương. Chương này chính là tiền đề, cơ sở lý luận để phân tích, xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược tại các chương tiếp theo của luận văn.

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN BẠCH LONG VĨ ĐẾN NĂM 2030

2.1. Giới thiệu chung về huyện Bạch Long Vĩ

Huyện Bạch Long Vĩ là một huyện đảo xa bờ nhất vịnh Bắc Bộ, là cơ quan hành chính cấp huyện trực thuộc thành phố Hải Phòng, Việt nam. Bạch Long Vĩ, theo nghĩa Hán Việt nghĩa là “Đuôi rồng trắng”. Trải qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển, từ một đảo hoang sơ, chỉ có hoa xương rồng vàng và cát trắng, chỉ có các chú bộ đội đóng quân canh giữ biển trời tổ quốc thì nay, đảo Bạch Long Vĩ đã dần thay da đổi thịt, với những công trình mới mọc lên. Tuy còn gặp rất nhiều khó khăn nhưng với tinh thần đoàn kết, cán bộ, quân dân một lòng, huyện đảo đã có những bước phát triển đáng kể so với những năm trước kia.

Bạch Long Vĩ, với điều kiện tự nhiên, bề dày lịch sử xứng đáng trở thành một trung tâm hậu cần nghề cá, trung tâm cứu hộ cứu nạn, một điểm du lịch phát triển trong tương lai.

Hình 2.1. Huyện đảo Bạch Long Vĩ.



(Nguồn: Tác giả lấy trên mạng internet)

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

* Trước khi thành lập huyện Bạch Long Vĩ:

Năm 1887, Pháp ký với nhà Thanh hoạch định biên giới lãnh hải giữa Việt Nam và Trung Quốc, đảo Bạch Long Vĩ thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Những năm đầu của thế kỷ XX, trên đảo Bạch Long Vĩ vẫn không có dân sinh sống vì không có nước ngọt. Đảo chỉ là nơi trú bão của ngư dân đi đánh cá. Mãi đến năm 1920, khi tìm thấy nguồn nước ngọt trên đảo, nhân dân vùng Quảng Yên (Việt Nam) và Hải Nam (Trung Quốc) tới đây lập nghiệp.

Năm 1937, triều đình phong kiến nhà Nguyễn, thời kỳ vua Bảo Đại phái người tới lập đồn và thiết lập chế độ Lý trưởng trên đảo.

Tháng 8/1945, Nhật đầu hàng đồng minh, Pháp quay lại Đông Dương khôi phục chế độ cai trị trên đảo.

Hòa bình lập lại, ngày 15/2/1957, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 049-TTg quy định đảo Bạch Long Vĩ là một xã trực thuộc Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng. Từ năm 1957 đến năm 1959, xã Bạch Long Vĩ thuộc huyện Cát Hải thành phố Hải Phòng.

Từ năm 1958 cho đến trước ngày 05/8/1964, trên đảo có 160 hộ dân làm nghề đánh cá và bộ đội thuộc Đội 152 Quân khu Tả ngạn canh giữ đảo.

Năm 1964, sau “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân. Đảo Bạch Long Vĩ là một mục tiêu đánh phá của không quân Mỹ. Trước tình hình đó, đảo đã sơ tán, chuyển 160 hộ dân vào Cát Bà sinh sống. Trên đảo chỉ còn lại lực lượng vũ trang và một số thanh niên trẻ khỏe làm nhiệm vụ bảo vệ đảo.

Trong cuộc chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, quân và dân đảo Bạch Long Vĩ đã bám trụ kiên cường, anh dũng chiến đấu, đánh 118 trận, bắn rơi 23 máy bay các loại, trong đó có chiếc thứ 700 và 701, góp phần vào chiến thắng chung của quân, dân miền Bắc.

Với những thành tích đó, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng cho quân, dân đảo Bạch Long Vĩ 4 Huân chương Quân công, 58 Huân chương Chiến công các loại cho tập thể và cá nhân. Ngày 31/12/1973, Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã ký lệnh số 109-LCT tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” cho 45 đơn vị và 20 cán bộ, chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam và dân quân, du kích, tự vệ, trong đó có Tiểu đoàn 152 thuộc Quân khu Tả ngạn và đảo Bạch Long Vĩ là “Đảo Anh hùng”.

* Thành lập huyện Bạch Long Vĩ trực thuộc thành phố Hải Phòng:

Do tầm quan trọng của đảo Bạch Long Vĩ, Đảng và Nhà nước ta quyết định nâng cấp thành một đơn vị hành chính cấp huyện để phục vụ cho chiến lược biển - đảo.

Ngày 18/11/1992, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 106/TTg về việc thành lập huyện Bạch Long Vĩ thuộc thành phố Hải Phòng.

Ngày 09/12/1992, Chính phủ Ban hành Nghị định số 15/CP do Thủ tướng Võ Văn Kiệt ký, chính thức thành lập huyện Bạch Long Vĩ, trực thuộc thành phố Hải Phòng. Huyện Bạch Long Vĩ nằm ở vị trí tiền tiêu, có vai trò đặc biệt quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, khác với huyện đảo Cát Hải và một số huyện đảo khác trên toàn quốc, huyện Bạch Long Vĩ không có đơn vị hành chính cấp xã. Đây là đặc thù, chi phối nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ và chính quyền huyện.

Ngày 18/2/1993, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng ra Quyết định số 428/QĐ-TU về việc thành lập Đảng bộ huyện Bạch Long Vĩ trực thuộc Thành ủy Hải Phòng.

Thực hiện chủ trương đưa Thanh niên xung phong xây dựng huyện đảo Bạch Long Vĩ của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng, ngày 22/02/1993, Tổng đội Thanh niên xung phong xây dựng kinh tế Hải Phòng đã ra Quyết định số 51/QĐ-TĐ về việc thành lập Đội Thanh niên xung phong xây dựng huyện Bạch Long Vĩ. Đội Thanh niên xung phong xây dựng huyện Bạch Long Vĩ có 62 cán bộ, đội viên, gồm

32 nam và 30 nữ là các đoàn viên thanh niên ở khu vực nội, ngoại thành Hải Phòng, tình nguyện đi xây dựng huyện đảo.

Ngày 26/2/1993, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 537/QĐ-UBND về việc thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời huyện Bạch Long Vĩ. Huyện Bạch Long Vĩ là một đơn vị hành chính không có cấp xã, chỉ có 03 khu dân cư và khu thanh niên xung phong [4].

Kể từ khi thành lập đến nay, các cơ quan Đảng, chính quyền, các đơn vị lực lượng vũ trang dần được thành lập; việc di dân ra đảo định cư, lập nghiệp lâu dài đã được tuyển chọn theo đợt qua các năm. Trải qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển, với sự quan tâm của trung ương, thành phố, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền, toàn thể cán bộ, quân, dân huyện đảo đã đoàn kết chung sức, chung lòng, phát huy truyền thống anh hùng của các thế hệ cha anh đi trước, vượt bao khó khăn xây dựng và bảo vệ đảo Bạch Long Vĩ tươi đẹp như ngày nay.

2.1.2. Điều kiện tự nhiên

Bạch Long Vĩ là đảo nằm xa bờ nhất của Việt Nam trong Vịnh Bắc Bộ, cách Hòn Dấu (Đồ Sơn - Hải Phòng) 110 km. Có tọa độ 20⁰07'35" - 20⁰08'38" vĩ tuyến Bắc, 107⁰42'20" - 107⁰44'15" Kinh tuyến Đông. Từ trên cao nhìn xuống đảo hình tam giác, với chu vi 6,5 km, diện tích phần nổi 2,5 km² (chiều dài chạy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam: 3 km, chiều rộng chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam: 1,5 km), đỉnh cao nhất 61,5m so với mực nước biển trung bình.

Địa hình ven bờ đảo thoải thoải, độ dốc thấp, nơi rộng nhất 500m, nơi hẹp nhất 10m, cách mặt nước biển khi triều cường (cao nhất) từ 2 đến 3m, khá bằng phẳng, là nơi tập trung chủ yếu các hoạt động kinh tế, dân sinh trên đảo.

Về khí hậu, thủy văn: Bạch Long Vĩ nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của khí hậu đại dương, đồng thời chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Mùa đông có gió mùa Đông Bắc, sức gió mạnh nhất là 30m/s. Mùa hè gió thổi theo nhiều hướng, sức gió mạnh nhất tối đa 50m/s.

Nhiệt độ không khí trung bình trong năm là 23,3⁰C. Nhiệt độ trung bình mùa hè là 28⁰C, nhiệt độ trung bình mùa đông là 17⁰C, thấp nhất là 7⁰C.

Độ ẩm trung bình là 86%.

Lượng mưa bình quân 1124mm/năm, tháng cao nhất lượng mưa không quá 200 mm.

Độ mặn trung bình của nước biển là 33⁰/00, độ mặn cao nhất mùa đông là 36⁰/00, thấp nhất vào mùa hè cũng không dưới 24⁰/00.

Nguồn nước ngọt phục vụ cho đời sống sinh hoạt và sản xuất trên đảo rất khan hiếm. Cho tới nay chưa có tài liệu nào nghiên cứu về nguồn nước ngọt trên đảo. Nguồn nước ngọt khai thác tự nhiên chỉ đáp ứng thường xuyên được khoảng 1000 người dân sống trên đảo [2].

2.2. Phân tích môi trường bên ngoài huyện Bạch Long Vĩ

2.2.1. Về tự nhiên

2.2.1.1. Vị trí địa lý đối với phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ

Bạch Long Vĩ là đảo xa bờ nhất trong vịnh Bắc Bộ, nằm ở khoảng giữa vịnh, cách hòn Dấu (Hải Phòng) 110 km, cách đảo Hạ Mai (Vân Đồn, Quảng Ninh) 70 km và cách mũi Đại Giác trên đảo Hải Nam (Trung Quốc) 130 km. Đảo nằm trên một trong tám ngư trường lớn của vịnh, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, an ninh - quốc phòng biển của Việt Nam ở vịnh Bắc Bộ cũng như trong phân định vịnh Bắc Bộ [3].

** Với vị trí vô cùng quan trọng đó, ta có thể định hình được những cơ hội cho phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ:*

- Là đảo tiền tiêu của tổ quốc, án ngữ phía Đông, biên giới trên biển, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, an ninh - quốc phòng biển của Việt Nam ở vịnh Bắc Bộ cũng như trong phân định vịnh Bắc Bộ nên được Đảng, Nhà nước, thành phố Hải Phòng quan tâm đặc biệt. Điều này có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của huyện đảo.

- Là huyện trực thuộc thành phố Hải Phòng, là thành phố cảng quan trọng, trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn nhất phía Bắc Việt Nam, đồng thời cũng là trung tâm kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục, khoa học, thương mại và công nghệ của Vùng duyên hải Bắc Bộ. Đây là thành phố lớn thứ 3 Việt Nam, là thành phố lớn thứ 2 miền Bắc sau Hà Nội và là một trong 5 thành phố trực thuộc trung ương, đô thị loại 1 trung tâm cấp quốc gia. Như vậy, huyện Bạch Long Vĩ có lợi thế vô cùng lớn khi là một trong 15 quận, huyện trực thuộc thành phố Hải Phòng.

- Đảo nằm trên một trong tám ngư trường lớn của vịnh Bắc Bộ, ngư trường Bạch Long Vĩ có trữ lượng cá lớn nhất vịnh với diện tích 1.500 hải lý vuông. Đây là nơi cư ngụ của 395 loài, 229 giống thuộc họ hải sản với cá nục sò, cá trá chiếm số lượng lớn. Ngoài ra, ngư trường Bạch Long Vĩ còn được biết đến với đặc sản bào ngư. Loại hải sản này giàu chất dinh dưỡng và đặc biệt nổi tiếng ở vùng này [2][9].

- Đảo có một vị trí trung tâm, cách điểm du lịch ven bờ như: Cô Tô, Hạ Long, Cát Bà, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Trà Cổ trong tầm bay 1 - 1^h30' bằng thuỷ phi cơ. Các tàu du lịch lữ hành có thể ghé vào đảo trong các hành trình xuyên biển. Như vậy, đảo là một trong những điểm đến trong quần thể các đảo du lịch cấp vùng và cả nước, rất hấp dẫn du khách. Đây cũng là một cơ hội để đảo có thể phát triển dịch vụ du lịch mang tầm cỡ quốc gia, quốc tế nếu như được đầu tư.

** Tuy nhiên, ngoài những cơ hội đã được liệt kê thì những nguy cơ đối với sự phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ cũng vô cùng quan trọng, đó là:*

- Hiện tại, vẫn còn nhiều khó khăn về giao thông giữa đất liền và đảo, do đảo cách ở vị trí cách xa bờ (cách hòn Dấu Hải Phòng 110km) so với các đảo Côn Cỏ thuộc tỉnh Quảng Trị, đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thì Bạch Long Vĩ xa đất liền hơn rất nhiều (đảo Côn Cỏ cách đất liền gần nhất là 13 hải lý (khoảng 27km), đảo Lý Sơn cách đất liền khoảng 30km) [19],[30].

- Do đảo có vị trí đơn độc giữa Vịnh Bắc Bộ nên khi gặp thiên tai, đảo dễ bị cô lập. Ngoài cứu nạn tại chỗ, các phương tiện cứu nạn từ đất liền ra đảo nhanh nhất

là máy bay trực thăng cũng mất 45 phút, tàu cứu hộ ra tới đảo cũng mất 2,5 giờ chưa kể công tác chuẩn bị.

2.2.1.2. Khí hậu đối với phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ

Bạch Long Vĩ nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của khí hậu đại dương, đồng thời chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Mùa đông có gió mùa Đông Bắc, sức gió mạnh nhất là 30m/s. Mùa hè gió thổi theo nhiều hướng, sức gió mạnh nhất tối đa 50m/s.

Nhiệt độ không khí trung bình trong năm là 23,3⁰C. Nhiệt độ trung bình mùa hè là 28⁰C, nhiệt độ trung bình mùa đông là 17⁰C, thấp nhất là 7⁰C.

Độ ẩm trung bình là 86%.

Lượng mưa bình quân 1124mm/năm, tháng cao nhất lượng mưa không quá 200 mm.

Số giờ nắng: Hàng năm có 1.600 - 1.900 giờ nắng phân bố khá đều. Nắng nhiều hơn vào cuối hè, đầu thu, ít nắng vào các tháng 2 và 3 [2].

** So với quốc gia và đảo tương đồng (đảo Côn Cỏ, Quảng Trị):*

+ Về nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình quốc gia trong năm từ 22⁰c đến 27⁰c. Như vậy nhiệt độ trung bình của đảo thấp hơn một chút so với quốc gia và đảo Côn Cỏ thuộc tỉnh Quảng Trị (25,5⁰c). Do đảo nằm giữa vịnh Bắc Bộ, không khí có độ mặn cao nên nhiệt độ mùa đông thường ấm hơn so với đất liền khoảng 1⁰c, vào mùa hè do đảo không bị che chắn nên không khí mát hơn đất liền.

+ Về số giờ nắng: So với số giờ nắng trung bình của miền Bắc và quốc gia thì số giờ nắng đảo Bạch Long Vĩ khá cao, đảo Bạch Long Vĩ (số giờ nắng từ 1600 – 1900 giờ).

+ Về lượng mưa: Lượng mưa trung bình quốc gia hàng năm từ 1500mm đến 2000mm. Như vậy, so với quốc gia thì lượng mưa tại đảo ít hơn rất nhiều, gần như bằng phân nửa, so với đảo Côn Cỏ thuộc tỉnh Quảng Trị thì lượng mưa tại đảo Bạch

Long Vĩ ít hơn rất nhiều. Lượng mưa bình quân tại đảo Cồn Cỏ khá cao (khoảng 2169,5mm).

+ Về độ ẩm: Độ ẩm tại Bạch Long Vĩ là 86%, so với đảo Cồn Cỏ thuộc tỉnh Quảng Trị là tương đồng (85%).

+ Về gió, bão: Với vị trí giữa vịnh Bắc Bộ nên Bạch Long Vĩ là nơi hứng chịu bởi các cơn gió mùa Đông Bắc, gió mùa hè với sức gió lớn, có thể kéo dài cả tuần, tăng cường cả tháng, đặc biệt là các cơn bão vào vịnh Bắc Bộ, gây thiệt hại rất lớn đến tài sản, hoa màu, vật nuôi của các cơ quan, đơn vị, nhân dân trên đảo và ngư dân vào đảo tránh trú bão [2],[13],[30].

Bảng 2.1. Thống kê số lượng các cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến Bạch Long Vĩ

DVT: Tỷ đồng

Năm	Số lượng các cơn bão	Cấp bão	Tổng thiệt hại toàn huyện đảo	
			Thiệt hại về người	Thiệt hại về tài sản, hoa màu, vật nuôi
2009	4	Cấp 12, 13 giạt cấp 15	Bị thương 07 người	95,6
2010	2	Cấp 12, 13 giạt cấp 15	0	10,6
2011	3	Cấp 10, giạt cấp 12	0	0,03
2012	3	Cấp 11, giạt cấp 13	0	02
2013	4	Giạt cấp 13	0	1,95
2014	2	Cấp 10, giạt cấp 11	0	0,02
2015	1	Cấp 9, cấp 10	0	0
2016	3	Cấp 10, cấp 11, giạt cấp 13	0	0,03
2017	0	0	0	0
10/2018	3	Cấp 9, cấp 10	0	0

Nguồn: Văn phòng HĐND-UBND huyện

** Cơ hội về khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ:*

- Nhiệt độ mùa đông thường ấm hơn so với đất liền khoảng 1⁰c, vào mùa hè do đảo không bị che chắn nên không khí mát hơn đất liền, phù hợp với phát triển dịch vụ du lịch.

- Số giờ nắng, lượng gió, sức gió trong năm cao nên rất phù hợp phát triển nguồn năng lượng mặt trời, năng lượng gió.

- Khi gió mùa lớn kéo dài các tàu thuyền từ các tỉnh miền trong đánh bắt hải sản ngư trường Bạch Long Vĩ vào âu tàu tránh trú gió sẽ giúp dịch vụ hậu cần nghề cá và các dịch vụ khác như ăn uống, vui chơi, giải trí phát triển.

** Nguy cơ về khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ:*

- Lượng mưa ít, thiếu nước sinh hoạt vào các tháng khô hạn trong năm.

- Gió mùa lớn kéo dài ảnh hưởng đến giao thông giữa đảo và đất liền, ảnh hưởng đến vật nuôi, hoa màu của bà con.

- Độ mặn trong không khí cao làm cho máy móc và các thiết bị điện tử dễ nhanh hỏng.

- Các cơn bão lớn tàn phá đảo, ảnh hưởng đến đời sống cán bộ, quân, dân huyện đảo, gây thiệt hại không nhỏ về tài sản vật chất, vật nuôi, hoa màu, thậm chí là tính mạng con người.

2.2.1.3. Hệ sinh thái vùng biển Bạch Long Vĩ

Vùng biển Bạch Long Vĩ là một ngư trường lớn của Vịnh Bắc Bộ, có diện tích 1.500 hải lý vuông, độ sâu trung bình 35 - 55 m (nơi sâu nhất 60 - 70 m) nền đáy tương đối bằng phẳng, thuận tiện cho việc đánh bắt hải sản. Có thể nói vùng biển Bạch Long Vĩ là ngư trường tốt nhất của Vịnh Bắc Bộ cả về sản lượng, chất lượng hải sản và thời gian khai thác.

Qua điều tra cho thấy, vùng biển Bạch Long Vĩ có tới 395 loài, 229 giống thuộc 105 họ hải sản, trong đó 61 loài có giá trị kinh tế cao.

Do đặc điểm địa lý và cấu tạo địa hình vùng biển ven đảo mà ngư trường Bạch Long Vĩ còn có những nguồn lợi thủy sản quý hiếm khác như:

- Bào ngư, cá Song, cá Mú.

- Nhiều loại rong quý hiếm như: rong câu (ché agar), rong loa gai, rong mơ, rong mơ mềm, rong quạt 4 lớp, ...

- San hô: đã phát hiện tới 94 loài San hô cứng thuộc 26 giống, 11 họ. Đáng chú ý là ở đây có loài San hô 8 ngăn chứa chất prostogiadina có tác dụng chống ung thư, có giá trị kinh tế cao trên thị trường thuốc chữa bệnh quốc tế.

Ngoài ra, các nhà khoa học địa chất đánh giá rất cao khả năng tài nguyên dầu khí thềm lục địa, khu vực gần đảo Bạch Long Vĩ, với trữ lượng khá. Trong tương lai không xa, nếu tiến hành thăm dò và khai thác thì Bạch Long Vĩ sẽ trở thành một điểm dịch vụ dầu khí [2].

** Cơ hội đối với huyện Bạch Long Vĩ:*

- Hệ sinh thái phong phú, đa dạng, với rất nhiều loại hải sản có thể khai thác thương mại như: Khai thác cá, mực, tôm tại ngư trường Bạch Long Vĩ; khai thác dịch vụ du lịch, lặn biển với các loại cá, san hô tuyệt đẹp.

- Tài nguyên dầu khí thềm lục địa.

** Nguy cơ đối với huyện Bạch Long Vĩ :*

- Tình trạng khai thác quá đà, mất kiểm soát khiến nguồn lợi hải sản dần cạn kiệt.

- Khai thác bằng cách sử dụng các công cụ tận thu như xung điện, dã cào, hóa chất xianua....

- Do nguồn lợi cạn kiệt dần nên số lượng tàu khai thác tại ngư trường Bạch Long Vĩ giảm, như vậy tàu thuyền vào đảo sử dụng dịch vụ giảm ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế huyện đảo.

- Tranh chấp tài nguyên biển, tài nguyên thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc.

2.2.2. Về chính trị

Việc phân tích chính trị nhằm giúp ta nhận định tình hình về cơ chế chính sách, đường lối phát triển của trung ương, tỉnh thành phố đối với biển hải đảo, các huyện đảo nói chung, đối với huyện đảo Bạch Long Vĩ nói riêng và tình hình chính trị trong nước, quốc tế giúp huyện nhận biết được tương lai của mình để có được chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phù hợp.

2.2.2.1. Đối với đường lối, quan điểm, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước

Trong thời đại ngày nay, môi trường hòa bình, hợp tác quốc tế sâu rộng nhưng cũng luôn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc phòng. Đối với đất nước, quan điểm phát triển kinh tế xã hội luôn luôn đi đôi với việc bảo đảm an ninh quốc phòng, toàn vẹn lãnh thổ. Do vậy, đối với các vùng biên giới, hải đảo quốc gia luôn được Trung ương đặc biệt quan tâm, nhất là các đảo, quần đảo khẳng định chủ quyền của đất nước.

Hiện nay, các huyện đảo của Việt Nam được chia thành 3 nhóm, gồm nhóm huyện đảo tiền tiêu - biên giới (Côn Đảo, Phú Quốc, Bạch Long Vĩ), nhóm huyện đảo tiền tiêu (Cồn Cỏ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo) và nhóm huyện đảo tuyến trong (Vân Đồn, Cát Hải, Kiên Hải) [16].

Để bảo đảm an ninh quốc phòng chúng ta có quân đội, với vùng biển đặc quyền kinh tế (200 hải lý tính từ đường cơ sở), chúng ta có hải quân, cảnh sát biển, biên phòng, kiểm ngư luôn ngày đêm canh giữ, làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh biên giới biển, kiểm tra, kiểm soát bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo đảm hàng hải, cứu nạn, cứu hộ giúp ngư dân bám biển làm ăn, bảo vệ chủ quyền trên biển. Tuy nhiên, để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, khẳng định chủ quyền lãnh thổ quốc gia trên biển đối với hải đảo, Nhà nước ta đã thực hiện chính sách định cư dân trên các hải đảo để sinh sống vừa bảo vệ chủ quyền đất nước vừa phát triển kinh tế biển đảo, khai thác, bảo vệ nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên phong phú.

Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 đã xác định: Nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ

biển; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường; khai thác mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa, phát huy đầy đủ và có hiệu quả các nguồn lực [1].

Về quy hoạch phát triển kinh tế đảo Việt Nam đến năm 2020, trong đó đã nêu rất rõ mục tiêu: Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững về kinh tế của hệ thống các đảo để có bước đột phá về phát triển kinh tế biển, đảo và ven biển của nước ta, đồng thời xây dựng hệ thống đảo trở thành tuyến phòng thủ vững chắc bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia các vùng biển, đảo của Tổ quốc; Xây dựng về cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu (gồm cầu cảng, hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin và hạ tầng xã hội ...) trên các đảo, nhất là các đảo quan trọng, tạo điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế, kết nối các đảo với đất liền và bảo vệ vững chắc vùng biển của Tổ quốc; Hình thành và phát triển một số ngành mũi nhọn phù hợp với lợi thế của vùng đảo như du lịch, dịch vụ biển, khai thác và nuôi trồng hải sản [37].

Riêng đối với huyện Bạch Long Vĩ, Trung ương đã xác định “Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ sớm trở thành trung tâm chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá cho các tỉnh ven biển Bắc Bộ”; đến năm 2013 của Bộ Chính trị cũng đã xác định lại “Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ thành trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc” [4],[5].

Đối với thành phố Hải Phòng, từ khi thành lập huyện Bạch Long Vĩ đến nay, thành phố đã có những chính sách ưu đãi đặc biệt đối với cán bộ và nhân dân huyện đảo. Ngày 31/5/1994, Thành phố đã ban hành Quyết định số 409/QĐ-UB về việc ban hành quy định tạm thời một số chế độ chính sách theo chế độ tiền lương mới đối với những người làm việc tại huyện Bạch Long Vĩ. Trong đó có các chế độ ưu đãi về lương, nhà ở, khám chữa bệnh, đi lại ... nhằm động viên khuyến khích các lực lượng tình nguyện ra công tác và sinh sống tại huyện đảo Bạch Long Vĩ [50]. Ngoài chế độ ưu đãi đặc biệt, thành phố Hải Phòng cũng đã phê duyệt đầu tư rất nhiều công trình, dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu làm việc, sinh hoạt và đi lại của cán bộ, quân và dân huyện đảo.

Ngoài các chính sách ưu đãi về phát triển kinh tế, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, Trung ương và thành phố cũng đặc biệt quan tâm đến huyện đảo Bạch Long Vĩ, thể hiện: Hơn 25 năm kể từ khi thành lập huyện Bạch Long Vĩ đến nay, huyện đã tiếp đón 13 đoàn công tác của Trung ương ra thăm và làm việc tại huyện đảo do các đồng chí lãnh đạo Nhà nước làm trưởng đoàn: Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng, Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Nguyễn Minh Triết, Phó Chủ tịch Quốc hội Đặng Quân Thụy, Huỳnh Ngọc Sơn, Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa, Phó Thủ tướng Vũ Khoan, Nguyễn Mạnh Cảm, Nguyễn Công Tạn, Phạm Gia Khiêm, Bí thư thứ nhất Trung ương đoàn Vũ Trọng Kim...và rất nhiều đoàn công tác do các đồng chí cấp Bộ, ngành, lãnh đạo thành phố, quận huyện khác ra thăm và làm việc tại huyện đảo.

2.2.2.2. Đối với tình hình chính trị trong nước và quốc tế

Trong thập kỷ qua, tình hình chính trị trong nước luôn ổn định. Việt Nam đã và đang gia nhập các tổ chức thương mại quốc tế một cách sâu rộng, hợp tác chiến lược với nhiều nước khác; năm 2017 tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh APEC, là sự kiện vô cùng quan trọng đối với một quốc gia đang trên đà phát triển....

** Cơ hội về chính trị đối với huyện Bạch Long Vĩ:*

- Tình hình chính trị ổn định, an ninh quốc phòng đảm bảo;

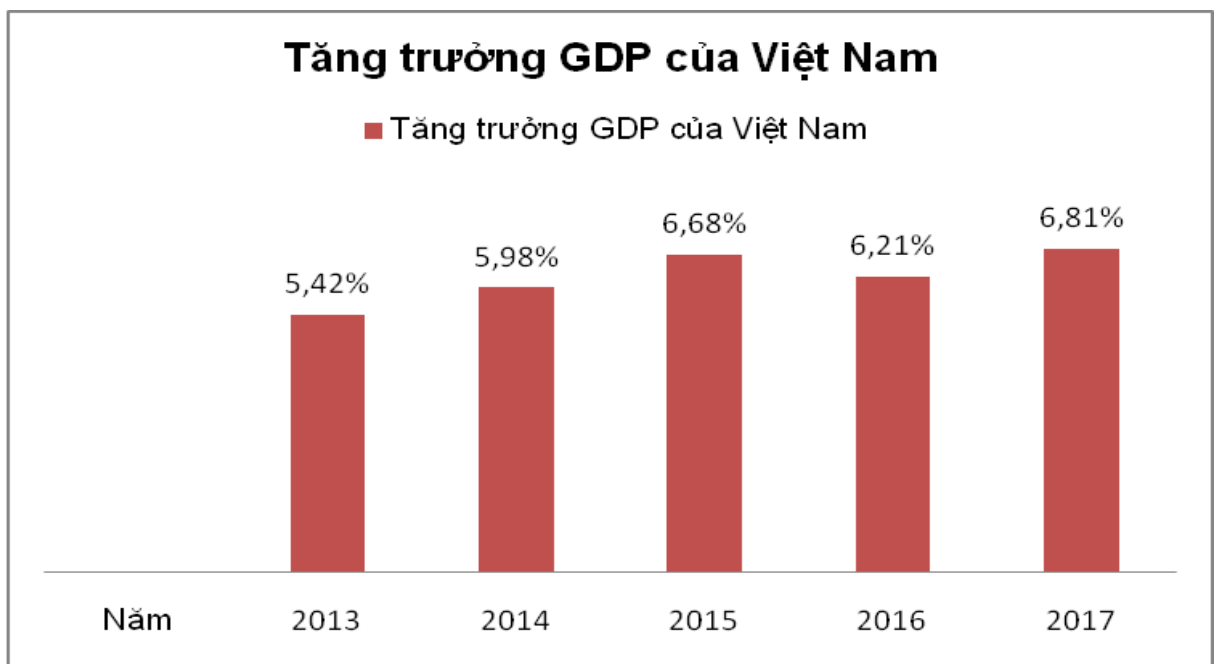
- Sự quan tâm đặc biệt của Trung ương, thành phố Hải Phòng đến vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo, môi trường biển đảo, phát triển kinh tế biển hải đảo.... nói chung và đối với huyện đảo Bạch Long Vĩ nói riêng. Đây là cơ hội để huyện đảo Bạch Long Vĩ nắm bắt thời cơ trong phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ an ninh biên giới biển, vùng trời, vùng biển của tổ quốc;

- Hội nhập quốc tế sâu rộng là điều kiện tiên quyết để giúp kinh tế đất nước, kinh tế thành phố Hải Phòng phát triển nhanh, từ đó tác động gián tiếp đến huyện đảo (hiện nay, vì vấn đề chủ quyền biển đảo, liên quan đến biên giới quốc gia, một trong các đảo tiền tiêu của tổ quốc do vậy đầu tư trực tiếp nước ngoài vào huyện đảo còn nhiều bất cập).

2.2.3. Về kinh tế

Về kinh tế Việt Nam:

Kinh tế Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới. Năm 2017, Việt Nam đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức toàn bộ 13 chỉ tiêu kế hoạch đề ra, trong đó GDP tăng 6,81%, vượt mục tiêu 6,7% và cao nhất kể từ năm 2010 trở lại đây; xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 14 bậc (từ 82 lên vị trí 68/190 nền kinh tế); chỉ số năng lực cạnh tranh tăng 5 bậc (từ 60 lên 55/137 nền kinh tế) [14].



Biểu đồ 2.1. Tăng trưởng GDP của Việt Nam từ năm 2013 - 2017

(Nguồn: Số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam)

Về Kinh tế thành phố Hải Phòng:

Tính đến tháng 6/2018, tổng sản phẩm trong nước (GRDP) theo giá so sánh 2010, ước tính 6 tháng năm 2018 đạt 69.421,1 tỷ đồng, tăng 16,03% so cùng kỳ năm trước, cao nhất từ trước đến nay, phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thành phố. Trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,77% (kế hoạch tăng 2,75%), đóng góp 0,16 điểm % vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp – xây dựng tăng 25,02% (kế hoạch tăng 20,5%), đóng góp 10,77 điểm % vào mức tăng chung; khu

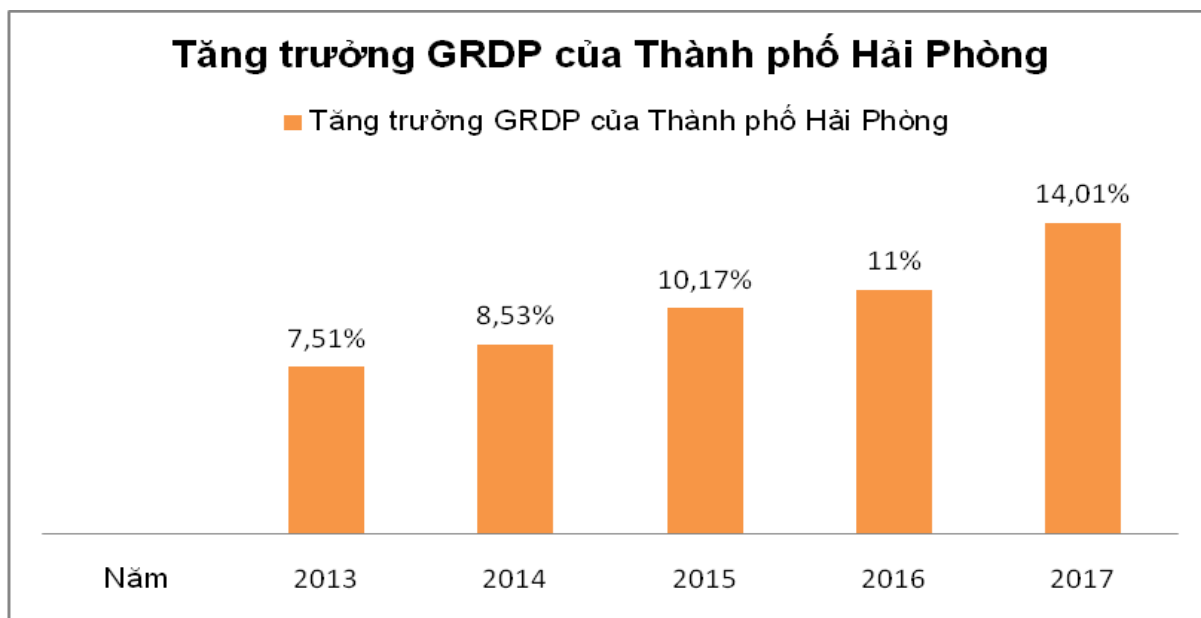
vực dịch vụ tăng 10,37% (kế hoạch tăng 12,1%), đóng góp 4,71 điểm % vào mức tăng chung. Về cơ cấu kinh tế trên địa bàn: khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng 5,78%, khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm 43,92%; khu vực dịch vụ chiếm 45,09%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,21%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP): 6 tháng đầu năm 2018 ước tăng 24,2% so với cùng kỳ, vượt kế hoạch (kế hoạch tăng 22%).

Sản lượng hàng qua cảng: 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt trên 50,96 triệu tấn, tăng 31,5% so với cùng kỳ.

Tổng lượt khách du lịch đến Hải Phòng 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt trên 3,55 triệu lượt, tăng 16,1% so với cùng kỳ [28].

Thành phố Hải Phòng tính đến nay có rất nhiều dự án, công trình trọng điểm mới được khởi công xây dựng, có ý nghĩa chiến lược đối với tương lai của thành phố như: Dự án Nhà máy sản xuất, chế tạo ô tô Vinfast, Vinhomes Hải Phòng của tập đoàn Vingroup; Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, vui chơi giải trí cao cấp đảo Cát Bà; Trung tâm thương mại Aeon Mall đang triển khai xây dựng... cùng với đó là các cây cầu mới đã góp phần làm thay đổi bộ mặt của thành phố.



Biểu đồ 2.2. Tăng trưởng GRDP của thành phố Hải Phòng từ năm 2013-2017

(Nguồn: Số liệu của cục thống kê thành phố Hải Phòng)

Qua biểu đồ ta thấy tốc độ tăng trưởng GRDP của thành phố Hải Phòng từ năm 2013 đến năm 2017 rất tốt, đặc biệt là vào năm 2017, tốc độ tăng GRDP của thành phố (đạt 14,01%) hơn hẳn tốc độ tăng trưởng của những năm trước và tăng hơn 3% so với năm 2016 (11%).

Như vậy, kinh tế đất nước, thành phố phát triển là cơ hội để nhà nước, thành phố quan tâm đầu tư nhiều hơn đến huyện đảo Bạch Long Vĩ.

2.2.4. Về văn hóa xã hội

Đất nước ta trải dài hình chữ “S”, với 3260km bờ biển, có rất nhiều điểm du lịch hấp dẫn từ Bắc vào Nam, từ miền xuôi lên miền ngược, từ vùng sâu, vùng xa tới hải đảo xa xôi, nơi đâu cũng có rất nhiều cảnh đẹp, núi non hùng vĩ, ruộng lúa mênh mông và đặc biệt là có rất nhiều bãi biển cát trắng nước trong xanh.

Ngoài các lễ hội đặc sắc, các làng nghề truyền thống, các kiến trúc mang nét văn hóa đặc trưng vùng miền và các giá trị văn hóa khác, thì nay văn hóa ẩm thực, văn hóa xê dịch “phượt” lại lên ngôi tại Việt Nam.

Với Hải Phòng, thành phố hoa phượng đỏ, hay còn gọi là thành phố cảng thân yêu cũng có rất nhiều điểm du lịch hấp dẫn du khách và rất nhiều các lễ hội văn hóa, làng nghề truyền thống. Điểm đặc biệt nơi đây là các món ăn mà nếu đến Hải Phòng, du khách không thể không thử, đó là các món: Bánh đa cua (Bánh đa cua Lạch Tray, Bánh đa cua Kỳ Đồng, Bánh đa cua nôi đất), bánh mỳ que cay (Chè Thái & Bánh mỳ cay Đình Tiên Hoàng, Bánh mỳ Khánh Nạp, Bánh mỳ cay Bà Già), bánh bèo (Bánh bèo chợ Lương Văn Can, Bánh bèo Chu Văn An), Bánh đúc tàu (Bánh đúc tàu Cát Dài, bánh đúc tàu Dư Hàng), ốc (ốc Thủy Dương Lạch Tray, ốc chị Hoa Lương Văn Can)...[21].

Như vậy, đây là một cơ hội thuận lợi cho huyện đảo Bạch Long Vĩ vì với vị trí nổi lên giữa vịnh Bắc Bộ là một hòn đảo xanh tươi như ngọc, quanh năm sóng vỗ, bãi biển cát trắng, nước trong xanh. Nguồn lợi hải sản vô cùng phong phú với các loại cá, tôm, cua, ghe, mực, ốc, hải sâm, và đặc biệt là loại bào ngư chín lỗ quý hiếm... có thể chế biến rất nhiều món ăn ngon. Bạch Long Vĩ là nơi cho du khách

bởi sự tò mò và cũng bởi có những hải sản, những món ăn ngon mà nghe nói đến du khách đã muốn ăn ngay được.

Cơ hội thứ hai, trong những năm qua, huyện Bạch Long Vĩ dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, UBND thành phố Hải Phòng và sự đóng góp công sức của nhân dân đảo Bạch Long Vĩ, chùa Bạch Long được khởi công xây dựng từ năm 2008 đến tháng 3 năm 2009 chùa được khánh thành. Bên cạnh đó còn có đền Bạch Long, lầu phật; các hạng mục công trình thư viện, nhà thi đấu thể thao đa năng và tránh trú bão...

Tuy nhiên, nguy cơ về văn hóa xã hội không thể tránh khỏi là:

- Các yếu tố văn hóa ngoại lai, các loại hình văn hóa không phù hợp sẽ xâm nhập vào đảo.

- Các tôn giáo, tín ngưỡng trái quy định của pháp luật cũng có cơ hội xâm nhập vào đảo.

2.2.5. Về khoa học công nghệ

Khoa học công nghệ đất nước phát triển, là cơ hội để đầu tư huyện đảo các hạng mục phục vụ đời sống nhân dân: trong nuôi trồng thủy sản có trại giống bào ngư; thời gian tới đầu tư tuabin gió, năng lượng mặt trời cung cấp điện; hệ thống xử lý rác thải, nước thải; hệ thống lọc nước Cụ thể:

- Công nghệ thông tin, viễn thông: Các phần mềm quản lý

- Công nghệ sinh học: Nuôi trồng thủy sản, cây trồng, rau màu

- Công nghệ môi trường: Xử lý nước thải, rác thải

- Công nghệ năng lượng: Sản xuất điện năng

- Công nghệ trong giao thông vận tải: Tàu biển, sân bay, máy bay thủy phi cơ..

- Công nghệ trong y tế, chăm sóc sức khỏe con người.

2.2.6. Về hội nhập quốc tế

Nhờ có hội nhập quốc tế mà Việt Nam vươn lên phát triển nhanh, là thành viên Asian gia nhập các tổ chức kinh tế Apec, TPP...; ký kết các hiệp định về kinh tế, về

pháp lý: công ước luật biển 1982...là cơ sở phát triển kinh tế biển đảo, cơ sở pháp lý để bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Mặt khác Hội nhập quốc tế có ảnh hưởng đến huyện đảo rất lớn, đầu tư có thể sẽ sụt giảm khi kinh tế thành phố Hải Phòng, Việt Nam kém đi do ảnh hưởng của thương mại thế giới như: Chiến tranh thương mại giữa Mỹ với Trung Quốc,

2.3. Phân tích môi trường bên trong huyện Bạch Long Vĩ

2.3.1. Về tự nhiên (đất đai, nước, hệ sinh thái)

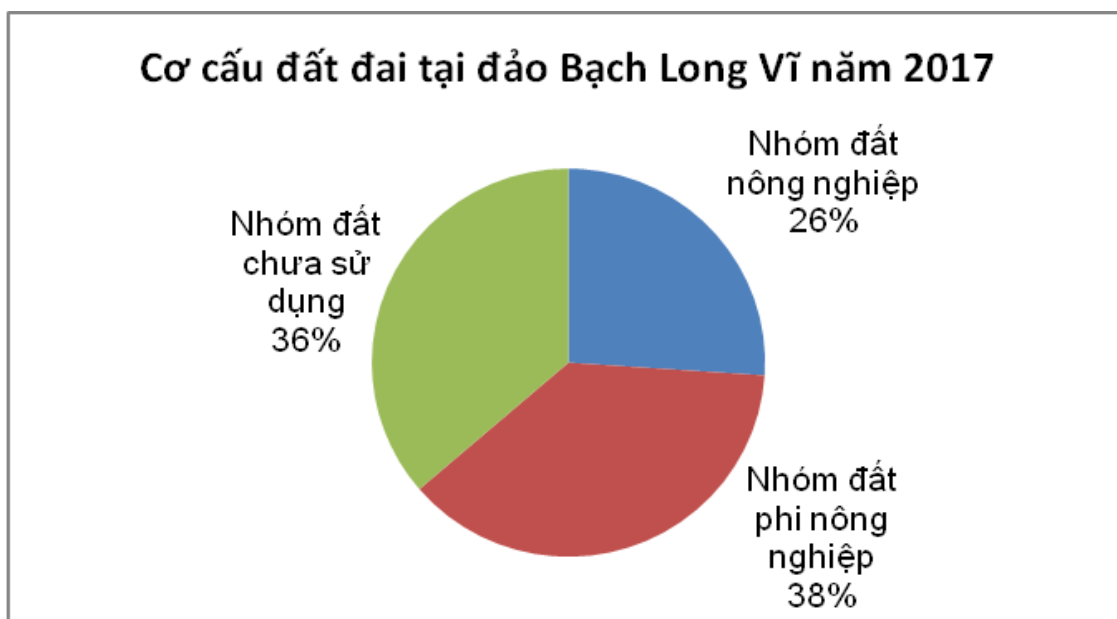
2.3.1.1. Đất đai trên đảo

Bảng 2.2. Cơ cấu đất đai tại đảo Bạch Long Vĩ năm 2017

ĐVT: ha

STT	Các loại đất	Diện tích	Tỷ lệ
I	Nhóm đất nông nghiệp	79,99	26,05%
1	Đất sản xuất nông nghiệp	0,61	
2	Đất lâm nghiệp (đất rừng phòng hộ)	79,05	
3	Đất nuôi trồng thủy sản	0,33	
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	115,59	37,65%
1	Đất ở	2,6	
2	Đất chuyên dùng	83,04	
3	Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	0,77	
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1,11	
5	Đất có mặt nước chuyên dùng	28,06	
III	Nhóm đất chưa sử dụng	111,44	36,30%
1	Đất bằng chưa sử dụng	111,44	
	Tổng diện tích các loại đất	307,02	100%

(Nguồn: Phòng Kinh tế – Kế hoạch)



Biểu đồ 2.3. Cơ cấu đất đai tại đảo Bạch Long Vĩ năm 2017

Tầng đất bề mặt đảo (có bề dày khoảng từ 0,2m đến 0,5m) chủ yếu là đất pha cát, sỏi nhỏ được hình thành do quá trình phân hủy, tích tụ thảm thực vật bề mặt. Loại đất này lại rất tốt cho các loại cây lâu năm, đặc biệt là cây ăn trái và rau màu.

Bề dày 0,5 - 1,5 m, chủ yếu gồm cát nguồn gốc biển. Trầm tích biển gồm cát, cuội, sỏi, mảnh vụn sinh vật, là sản phẩm quan trọng tạo nên các thềm biển cao 10 m, 5 m, 2 - 3 m và bãi biển hiện đại (bãi cát, bãi cuội tảng) [23].

Do đảo có chiều cao tự nhiên là 61,5m so với mực nước biển trung bình, với loại đất pha cát, sỏi phủ hầu hết bề mặt đảo, thích hợp với các loại cây phi lao, cây bụi, cỏ dại mà đảo xanh như ngọc, nổi lên giữa biển khơi. Cũng bởi chiều cao của đảo mà che chắn gió cho các tàu thuyền neo đậu bình yên hơn khi gió mùa về. Gió Đông Bắc, đảo có cảng Tây Nam, gió Tây Nam thì đảo cũng sắp có cảng Tây Bắc trong tương lai không xa.

2.3.1.2. Nguồn nước ngọt trên đảo

Ngoài nguồn nước ngọt do mưa (khoảng 1124^{mm}/năm), theo điều tra sơ bộ, Bạch Long Vĩ có vùng nước ngầm không áp lực, không mùi, không màu, không vị, có độ khoáng hóa thấp, hơi lợ nhạt về mùa khô. Nguồn nước ngọt này ở tầng nông,

bề dày ước tính 4 đến 8 m. Diện tích của phần địa tầng chứa khoảng 25 ha, bằng 1/7 diện tích phần nổi của đảo) hiện đang được sử dụng bằng một số giếng đào (22 giếng). Chất lượng nước tốt và có quanh năm, đáp ứng được một phần nhu cầu sinh hoạt trên đảo. Còn nguồn nước ngầm tầng sâu, hiện đã khoan một số giếng với tầng sâu khoảng 80m. Tuy nhiên, chỉ sử dụng được 02 giếng khoan với lưu lượng trung bình $15\text{m}^3/\text{ngày}$, chủ yếu phục vụ cho quân đội, các khối cơ quan, đoàn thể trên huyện và bộ phận nhỏ người dân. Phần còn lại, nhân dân khai thác nước chủ yếu là các giếng đào tự phát, với chiều sâu từ $3,5 \div 25,0\text{m}$. Tuy vậy, đa số các giếng đều cạn vào mùa khô. Ngoài các nguồn nước ở trên, người dân còn sử dụng nguồn nước chở từ đất liền ra với giá lên tới 200.000 đồng/ m^3 nước. Do vậy, vấn đề thiếu nước ngọt sinh hoạt tại đảo đang rất cấp thiết.

Hiện nay, trên đảo thường xuyên có khoảng 1500 người sinh sống (trung bình 120 lít/người, 1500 người $\times 120$ lít = $180\text{m}^3/\text{ngày}$) và số lượng nước cung cấp cho các tàu thuyền đánh cá vào đảo lấy nước ngọt khoảng $11000\text{m}^3/\text{năm}$ ($30\text{m}^3/\text{ngày}$). Như vậy, lượng nước cần dùng cho sinh hoạt hàng ngày khoảng $210\text{m}^3/\text{ngày}$ (Chưa tính đến lượng nước dùng cho sản xuất và chế biến nếu có các cơ sở sản xuất và chế biến).

Năm 2017, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Bắc được giao thi công Đề án “Điều tra, đánh giá tài nguyên nước một số đảo và cụm đảo lớn, quan trọng - đảo Bạch Long Vỹ” đã tìm được 2 lỗ khoan BLV1 và BLV2 sâu 80m lưu lượng lỗ khoan BLV1 là $0,526\text{l/s}$, BLV2 là $0,35\text{l/s}$ nước ngọt chất lượng nước tương đối tốt chỉ có hàm lượng sắt và mangan hơi cao dùng cho sinh hoạt cần được xử lý (tổng lưu lượng trung bình hai giếng là $75\text{m}^3/\text{ngày}$) (cuối năm 2017 đã đưa vào sử dụng).

Như vậy, tổng khối lượng nước tại 4 giếng khoan hiện có là $90\text{m}^3/\text{ngày}$. So với nhu cầu nước khoảng $210\text{m}^3/\text{ngày}$, lượng nước thiếu khoảng $120\text{m}^3/\text{ngày}$, tương đương khoảng $43.800\text{m}^3/\text{năm}$ [11].

Bảng 2.3. Khai thác nước ngầm qua các năm trên đảo Bạch Long Vĩ

TT	Nước ngầm tại các giếng khoan	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
1	Giếng khoan UBND huyện, Tiểu đoàn phòng thủ đảo (02 giếng)	6200	6150	4700	5750	5800	5200	5060	4500

(Nguồn: Văn phòng UBND huyện)

Theo bảng 2.3. trên, khối lượng khai thác nguồn nước ngầm tại đảo Bạch Long Vĩ ít dần theo năm. Như vậy, nếu tình hình dân số trên đảo tăng lên theo thời gian, theo nhịp phát triển kinh tế – xã hội huyện đảo thì việc thiếu nước ngọt sinh hoạt và sản xuất trầm trọng luôn luôn tiềm ẩn. Cụ thể, năm 2012, do lượng mưa trong năm 2011 giảm, đầu năm 2012 mùa khô hanh kéo dài dẫn đến thiếu nước ngọt trầm trọng, lượng nước ngọt khai thác bình quân đạt trên 6000m³ thì năm 2012 còn 4700m³.

Ngoài 02 giếng khoan cung cấp nước ngọt tầng sâu, 22 giếng khơi tầng nông thì tại đảo còn có một số bể nổi chứa nước mưa dùng cho ăn uống. Lượng nước mưa này phụ thuộc vào lượng mưa tại đảo, tuy nhiên do lượng mưa ít nên lượng nước chỉ sử dụng được đến tháng 01 của năm sau là hết, từ tháng 02 đến tháng 5 chủ yếu nước được dùng tạm qua hệ thống lọc hoặc được các tàu dịch vụ chở từ đất liền ra đảo bán.

2.3.1.3. Hệ sinh thái đảo Bạch Long Vĩ

Đảo Bạch Long Vĩ và vùng biển xung quanh có cảnh quan thiên nhiên đẹp, với các hệ sinh thái như: Hệ sinh thái rừng trên đảo, hệ sinh thái bãi triều cát, hệ sinh thái bãi triều đá – cuội – sỏi, hệ sinh thái rạn đá - san hô, hệ sinh thái rong cỏ biển.

Theo kết quả điều tra của Viện Tài nguyên và Môi trường Biển năm 2009 - 2010, đã phát hiện được khoảng 1.457 loài trong khu hệ động thực vật ở đảo Bạch Long Vĩ và vùng nước xung quanh. Trong đó, cá biển có 451 loài, thực vật trên cạn có

367 loài, thực vật phù du có 227 loài, động vật đáy có 125 loài, động vật phù du có 110 loài, san hô có 94 loài, rong biển có 65 loài, thực vật ngập mặn có 17 loài [23].

** Điểm mạnh về tự nhiên đảo Bạch Long Vĩ:*

- Đất đai phì nhiêu, thích hợp với nhiều loại cây ăn trái (Bưởi, cam, đu đủ, chuối, na, ổi và các loại rau, củ, quả....)

- Có cảnh quan thiên nhiên đẹp, với các hệ sinh thái bãi triều cát, hệ sinh thái bãi triều đá – cuội – sỏi, hệ sinh thái rạn đá - san hô, hệ sinh thái rong cỏ biển với đa dạng các loài, trong đó có nhiều loài mang lại giá trị kinh tế cao.

- Đảo có địa hình cao (61,5m) nên có thể che chắn gió cho các tàu thuyền neo đậu an toàn.

** Điểm yếu về tự nhiên đảo Bạch Long Vĩ:*

- Hệ sinh thái rừng trên đảo hiện nay nghèo nàn về chủng loại thực vật và động vật (động vật chủ yếu là chuột, rắn, các loại bò sát nhỏ...)

- Nguồn nước ngọt trên đảo còn khan hiếm, chưa đảm bảo nhu cầu trong sinh hoạt và sản xuất.

2.3.2. Về tổ chức, nhân sự

Hệ thống chính trị của huyện bao gồm: Đảng bộ huyện (đưa ra đường lối, chủ trương phát triển kinh tế – xã hội), HĐND huyện thông qua nghị quyết về phát triển kinh tế – xã hội và giám sát quá trình thực hiện nghị quyết đó, UBND huyện thực hiện nghị quyết về phát triển kinh tế – xã hội. Ngoài ra, còn có Ủy ban MTTQVN huyện và các đoàn thể huyện tham gia vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội huyện.

Như vậy hệ thống chính trị huyện Bạch Long Vĩ gồm: Đảng bộ huyện, HĐND, UBND huyện, UBMTTQ và các đoàn thể huyện.

- Về Đảng bộ huyện: Bao gồm 15 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, trong đó có 02 Đảng bộ cơ sở và 13 Chi bộ cơ sở. Tổng số đảng viên hàng năm từ khoảng 150 đến hơn 200 đảng viên.

Huyện ủy Bạch Long Vĩ là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ huyện, có nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện các mặt công tác của Đảng bộ và hệ thống chính trị của huyện được quy định tại Điều lệ Đảng và Hiến pháp.

Hiện nay, Huyện ủy có 10 đồng chí biên chế làm việc, trong đó có 03 đồng chí trong thường trực (01 Bí thư, 01 Phó Bí thư thường trực và 01 Phó Bí thư kiêm nhiệm) và 08 đồng chí ở các phòng, ban của Huyện ủy (Văn phòng Huyện ủy, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban kiểm tra, Ban Dân vận).

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể bao gồm: Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Huyện đoàn, Liên đoàn Lao động. Về biên chế: UBMTTQ và các đoàn thể huyện được bố trí 03 biên chế chuyên trách, các vị trí còn lại đều hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Về HĐND huyện: Là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Tổ chức HĐND huyện gồm: Thường trực Hội đồng nhân dân (gồm 05 ông bà: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 02 Trưởng Ban) là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân. HĐND huyện có 02 Ban, gồm: Ban Kinh tế – xã hội và Ban Pháp chế. Biên chế HĐND huyện có 03 ông bà trong thường trực HĐND huyện, các ông bà còn lại đều hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Tổng số đại biểu HĐND huyện gồm 30 ông bà đại biểu.

- Về UBND huyện: Do HĐND huyện bầu, là cơ quan chấp hành của HĐND huyện, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương, HĐND và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

Tổ chức UBND huyện gồm: 01 chủ tịch, 02 phó chủ tịch và 07 ủy viên UBND. Trong đó, Chủ tịch UBND huyện do Bí thư Huyện ủy kiêm nhiệm, 01 phó chủ tịch do phó bí thư thường trực kiêm nhiệm, 01 phó chủ tịch trong biên chế, các ông bà ủy viên ủy ban còn lại đều hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

UBND huyện gồm 05 phòng chức năng và 06 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

05 phòng chức năng: Văn phòng HĐND-UBND huyện, phòng Tài chính, phòng Kinh tế – Kế hoạch, phòng Tư pháp, phòng Văn xã.

06 đơn vị trực thuộc: Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao, Đài Phát thanh, Trường Tiểu học – Mẫu giáo, Ban Quản lý Cảng & Khu neo đậu tàu, Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng, Ban Quản lý khu bảo tồn biển.

Các cơ quan giúp việc của chính quyền địa phương cấp huyện thông thường gồm các phòng, ban trực thuộc: Văn phòng Ủy ban Nhân dân, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nội vụ, Phòng Tài nguyên - môi trường, Phòng Công thương, Phòng Nông nghiệp-PTNT, Phòng Tư pháp, Phòng Giáo dục- Đào tạo, Phòng Y tế, Phòng Lao động- Thương binh xã hội, Thanh tra huyện, Phòng Văn hóa - thông tin.

Như vậy, đối với UBND huyện Bạch Long Vĩ so với quy định còn thiếu rất nhiều các phòng chuyên môn. Tuy nhiên là một huyện đảo nhỏ, không có chính quyền cấp xã, dân số rất ít nên các phòng chức năng của huyện đều hoạt động kiêm nhiệm thêm nhiệm vụ khác. Trong đó:

Văn phòng HĐND-UBND huyện: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho thường trực HDND, UBND huyện. Hiện nay, Văn phòng HĐND-UBND huyện còn kiêm thêm mảng nội vụ, thanh tra huyện.

Phòng Kinh tế – Kế hoạch huyện: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho UBND huyện, thực hiện chức năng nhiệm vụ của các mảng công tác tài nguyên – môi trường, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ.

Phòng Văn xã: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho UBND huyện, thực hiện chức năng nhiệm vụ của các mảng công tác giáo dục – đào tạo, y tế, lao động – thương binh và xã hội, văn hóa – thông tin.

Ngoài 05 phòng chức năng , UBND huyện còn có 06 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao, Đài Phát thanh, Trường Tiểu học – Mẫu giáo, Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện, Ban Quản lý Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ, Ban Quản lý khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ.

Bảng 2.4. Thống kê số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ quan Huyện ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể huyện

TT	Giai đoạn	Tổng số cán bộ, công chức	Nam	Nữ	Độ tuổi trung bình	Trình độ chuyên môn			Số năm làm việc trung bình tại đảo (1993-2018)
						Đại học	Cao đẳng	Trung cấp, sơ cấp	
I Số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động									
1	2010-2015	75	57	18	42	28 (08CQ, 20TC)	17	30	13
2	2015-2018	58	41	17	39	43 (11CQ, 32TC)	6	9	19
II Số lãnh đạo cấp cao (Bí thư, Chủ tịch huyện) thay đổi, luân chuyển công tác qua các giai đoạn									
1	2010-2015	04	04	0	48,8	04 (01TC, 03CQ)	0	0	13
2	2015-2018	02	02	0	47	02 (01TC, 02CQ)	0	0	2,5

(Nguồn: Ban Tổ chức Huyện ủy, Nội vụ UBND huyện.)

Từ bảng 2.4. trên ta thấy số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan huyện không nhiều so với bộ máy tổ chức cán bộ cấp quận, huyện trong đất liền (do huyện có diện tích nhỏ, không có bộ máy hành chính cấp xã, số lượng công việc không nhiều). Giai đoạn 2015-2018, số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã giảm so với giai đoạn 2010-2015 là 17 người. Trình độ cán bộ, công chức, viên chức đã tăng đáng kể, từ 28 người có bằng đại học giai đoạn 2010-2015 đã tăng lên 43 người giai đoạn 2015-2018 (thông qua tuyển dụng,

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức). Tuy nhiên, số lượng người có bằng đại học chính quy vẫn còn ít, số lượng người có bằng đại học tại chức tăng do tự học và được cơ quan tạo điều kiện cho đi học (chủ yếu là hệ từ xa do hình thức đào tạo này phù hợp với cán bộ, công chức, viên chức làm việc ở đảo và điều kiện đi lại giữa đảo và đất liền).

Theo mục II, bảng 2.4. trên ta thấy số lãnh đạo cấp cao luân chuyển, thay đổi công tác qua các giai đoạn thật nhanh và gọn. Cả 2 giai đoạn, tính trung bình gần như mỗi năm có 01 đồng chí Bí thư, Chủ tịch huyện luân chuyển, thay đổi công tác từ đất liền ra đảo và ngược lại.

** Điểm mạnh về tổ chức bộ máy, nhân sự :*

- Bộ máy tinh gọn;

- Số lượng nam giới đông, có sức khỏe, chịu sóng gió tốt khi đi lại giữa đảo và đất liền công tác.

** Điểm yếu về tổ chức, nhân sự:*

- Trình độ đào tạo theo hình thức tại chức, từ xa nhiều, người học chính quy, tập trung ít; ngay cả đối với cán bộ lãnh đạo cao nhất.

- Chuyên môn, nghiệp vụ còn yếu, không chuyên nghiệp, hiệu quả công việc chưa cao (do cán bộ, công chức kiêm nhiệm nhiều mảng công việc nhưng số lượng công việc ít, lại phân tán giữa đảo và đất liền nên không có điều kiện học hỏi, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hơn nữa lại ít va chạm, giao lưu với đơn vị bạn),

- Số cán bộ lãnh đạo thay đổi, luân chuyển công tác quá nhiều, quá nhanh dẫn đến tư duy lãnh đạo theo nhiệm kỳ, chính xác là tư duy theo năm nên công việc không hiệu quả, luôn theo ý chí chủ quan của từng người.

- Một số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ quan nhà nước chưa thực sự yên tâm công tác do mức lương đến nay vẫn tính lương theo Quyết định 409 của UBND thành phố về việc ban hành qui định tạm thời một số chế độ chính sách theo chế độ tiền lương mới đối với những người làm việc tại huyện Bạch Long Vĩ.

2.3.3. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Từ khi thành lập đến nay, được Trung ương và thành phố quan tâm, cơ sở hạ tầng kỹ thuật của huyện về cơ bản ngày một hoàn thiện hơn. Cụ thể:

Hệ thống giao thông đường bộ gần như hoàn thiện. Hiện có 5 km đường nhựa (4 km ở độ cao 20 m và 1 km trong khu dịch vụ) và khoảng 10 km đường bê tông rộng 3,5 m vòng quanh đảo, tiêu chuẩn đường cấp 5 miền núi. Đã có 15 km đường đất ở phía Bắc, phía Đông, phía Tây đảo, hệ thống đường xương cá nối các tuyến trong khu dân cư, các cơ quan, đơn vị [23].

Hệ thống các trụ sở cơ quan Đảng, chính quyền, cơ quan nội chính, các đơn vị lực lượng vũ trang; hệ thống các công trình văn hóa, tâm linh (Trung tâm văn hóa, đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ, đền chùa, lầu phật); *công trình công cộng* (nhà thi đấu thể thao đa năng kết hợp tránh trú bão) cơ bản hoàn thiện. Hiện chỉ còn thiếu trụ sở chi nhánh của Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng và Bảo đảm an toàn hàng hải.

Hệ thống cung cấp điện: Hiện nay, huyện có 01 Trạm điện, với 04 máy phát điện diesel công suất từ 410kva đến 630kva, 06 trạm biến áp và hệ thống cáp ngầm, tủ điện cung cấp điện cho toàn đảo. Trước đây, Trạm điện là đơn vị trực thuộc UBND huyện, năm 2016, Trạm điện được bàn giao về Tập đoàn điện lực Việt Nam, do Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng đã tiếp nhận và tổ chức quản lý vận hành toàn bộ hệ thống lưới điện trên huyện đảo Bạch Long Vĩ.. Trong năm 2016, Trạm điện đã được đầu tư thêm 01 máy phát điện diesel 630kva, nâng tổng số máy phát lên 04 máy phục vụ nhu cầu tiêu thụ điện của nhân dân toàn đảo.

Hệ thống cung cấp nước: Huyện hiện có 04 giếng khoan nước ngầm tầng sâu (80m) cung cấp khoảng 90m³/ngày, 22 giếng khơi, nhiều bể chứa nước mưa. Hiện trên đảo cũng đang triển khai Dự án hồ chức nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ

cấp nước cho đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn 1) với diện tích hơn 04ha, dung tích chứa nước 48.000m³ nước.

Hệ thống cơ sở giáo dục – đào tạo: Trường Tiểu học- Mẫu giáo huyện, với cơ ngơi khang trang, sạch đẹp, luôn đáp ứng tốt nhu cầu học tập của con em cán bộ, quân, dân trên đảo.

Hệ thống cơ sở chăm sóc sức khỏe nhân dân: Trung tâm y tế quân dân y với đội ngũ y, bác sỹ (bác sỹ tăng cường từ đất liền ra đảo) luôn sẵn sàng chăm sóc sức khỏe cho toàn thể cán bộ, quân, dân và ngư dân.

Hệ thống Cảng và khu neo đậu tàu: Hiện đang hoạt động có Cảng và khu neo đậu tàu Tây Nam đảo rộng 30,9 ha với hệ thống đê chính dài 648 m, đê phụ 514 m. Có 3 bến cập tàu (bến chính có thể cập tàu 400T, bến tàu cá dài 100 m và bến nghiêng phục vụ quốc phòng); Cảng và khu neo đậu tàu Tây Bắc đảo đang triển khai thi công.

Hệ thống viễn thông và phát thanh truyền hình: Huyện đảo có 02 trạm thu phát tín hiệu viễn thông, cung cấp mạng internet 2G, 3G (Trạm viễn thông của VNPT và Trạm viễn thông của Viettel. Hai trạm này cung cấp dịch vụ nghe gọi, mạng internet tương đối ổn định. Đài phát thanh Bạch Long Vĩ, ngoài phát thanh các bản tin của huyện còn đảm nhiệm vai trò truyền hình Đài truyền hình Việt Nam (VTV1,2,3,6) và Đài truyền hình Hải Phòng (THP) phục vụ nhu cầu của cán bộ, quân, dân và ngư dân. Tuy nhiên hiện nay, việc bắt trực tiếp truyền hình kỹ thuật số từ vệ tinh đã phổ biến toàn đảo.

Từ khi thành lập huyện đến nay có khoảng 50 dự án, công trình vốn sự nghiệp đầu tư công, trong đó có 29 dự án, công trình vốn sự nghiệp, vốn đầu tư công đã hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng đảm bảo hiệu quả nguồn vốn đầu tư. Hiện nay, các dự án công trình đầu tư xây dựng huyện đảo Bạch Long Vĩ đang quản lý, tổ chức thực hiện 12 dự án công trình tổng mức đầu tư được duyệt 824,225 tỷ đồng, đây là các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, cảng và các dự án quy hoạch xây dựng.

Bảng 2.5. Một số dự án, công trình hiện đang triển khai tại đảo

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Tên dự án, công trình	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Số vốn mới được cấp	Giá trị khối lượng ước đạt
1	Dự án đầu tư xây dựng cảng và khu neo đậu tàu phía Tây Bắc đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn I)	2010-2018	560,503	375,5	80%
2	Đóng mới tàu thủy chở khách và hàng hóa ra đảo Bạch Long Vĩ	2012-2018	172,850	82,54	95%
3	Trồng rừng phòng hộ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc thích ứng với biến đổi khí hậu huyện Bạch Long Vĩ	2015-2019	14,657	11,79	100%
4	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp trụ sở và các công trình phụ trợ của UBND huyện Bạch Long Vĩ	2017-2018	4,272	4,272	100%
5	Cải tạo, nâng cấp khu nhà 3 tầng chức năng khoa khám bệnh – Trung tâm Y tế quân dân y huyện Bạch Long Vĩ	2017-2018	4,982	4,20	100%
6	Cải tạo hệ thống thoát nước, hè đường khu dân cư trên đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn 2)	2017-2018	13,173	10,560	100%
7	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Trung tâm văn hóa huyện Bạch Long Vĩ	2017-2018	12,678	6,20	50%
8	Chợ và khu dịch vụ Bạch Long Vĩ	2017-2018	11,000	4,53	50%
9	Thả phao luồng vào cảng tại Cảng và khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ	2017-2018	7,550	7,550	100%
10	Cải tạo nhà ở chiến sĩ Công an huyện Bạch Long Vĩ	2017-2018	1,829	1,250	50%
11	Cải tạo, nâng cấp Khu làng cá 32 gian Bạch Long Vĩ	2017-2018	11,00	7,30	90%
12	Xây dựng Quảng trường, công chào Bạch Long Vĩ	2017-2018	9,731	5,00	65%
	Tổng cộng		824,225	520,692	

(Nguồn: Báo cáo UBND huyện, Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện)

Theo Bảng 2.5. trên, đến nay đã có dự án hoàn thành và cơ bản hoàn thành như Dự án cải tạo, nâng cấp khu nhà 3 tầng chức năng khoa khám bệnh – Trung tâm Y tế quân dân y huyện Bạch Long Vĩ, Dự án cải tạo hệ thống thoát nước, hệ đường khu dân cư trên đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn 2). Tuy nhiên, trong đó có 02 dự án chậm tiến độ: 1, Dự án đầu tư xây dựng cảng và khu neo đậu tàu phía Tây Bắc đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn I) (giá trị khối lượng của cả dự án ước đạt 80%) và Dự án Đóng mới tàu thủy chở khách và hàng hóa ra đảo Bạch Long Vĩ (mới được cấp vốn là 82,540 tỷ đồng, còn thiếu 90,31 tỷ đồng). Cả 02 dự án này vô cùng quan trọng đối với phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ. 02 dự án này dự kiến hoàn thành trước năm 2014, tuy nhiên do nguồn vốn chậm nên việc thi công các dự án này kéo dài tới nay. Hiện tại, Dự án Đóng mới tàu thủy chở khách và hàng hóa ra đảo Bạch Long Vĩ cơ bản hoàn thành, nếu trả đủ số tiền nhà thầu thi công đã ứng thì có thể ngày 26/3 năm 2019 (ngày ra mắt chính quyền lâm thời) tàu “Hoa phượng” sẽ lướt sóng ra với đảo Bạch Long Vĩ.

Ngoài các dự án nêu trên, trên địa bàn huyện đang triển khai dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn 1) do Tổng đội TNXP Hải Phòng làm chủ đầu tư với số vốn hơn 188,19 tỷ đồng. Đến nay dự án đã triển khai được 90% công việc.

** Điểm mạnh về cơ sở hạ tầng kỹ thuật:*

- Hệ thống trụ sở các cơ quan, đơn vị tương đối khang trang, diện mạo huyện đảo từ khi thành lập đến nay có nhiều sự thay đổi;

- Hệ thống giao thông trên đảo cơ bản thuận tiện;

- Hệ thống lưới điện được chôn ngầm dưới đất vừa đảm bảo an toàn khi có gió mùa lớn, bão vừa không gây mất mỹ quan.

- Đảo có 04 giếng khoan khai thác nguồn nước ngầm tầng sâu cũng là một điểm mạnh khi mà đảo nằm giữa Vịnh Bắc Bộ.

- Có hệ thống viễn thông (Trạm của Vinaphone, trạm Viettel) cung cấp mạng di động và internet cơ bản tốt.

** Điểm yếu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật:*

- Huyện chưa có hệ thống cung cấp điện năng đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của toàn thể cán bộ, quân, dân và phục vụ các dịch vụ vui chơi, giải trí, phục vụ sản xuất, chế biến thủy sản;

- Chưa có hệ thống cung cấp nước ngọt hoàn chỉnh từ nguồn đến tận các cơ quan, đơn vị và các khu dân cư cũng như cung cấp nước dịch vụ hậu cần nghề cá; chưa có hệ thống lọc nước biển thành nước ngọt phục vụ dân sinh khi thiếu nước vào mùa khô hạn;

- Chưa có hệ thống xử lý nước thải, rác thải gây ô nhiễm môi trường huyện đảo. Hiện nước thải tại các cơ quan, đơn vị và các khu dân cư theo cống ngầm thải trực tiếp ra biển, một phần nhỏ ngấm xuống đất, mỗi ngày thải ra môi trường khoảng 180m³. Rác thải của các cơ quan, đơn vị và các khu dân cư được Tổ dọn vệ sinh môi trường do Hội Liên hiệp phụ nữ quản lý (gồm có 6 tổ viên thay phiên nhau thu dọn rác). Trung bình một ngày Tổ thu gom được khoảng hơn 03 tấn rác thải sinh hoạt các loại. Số rác thải sinh hoạt của các phương tiện trong âu cảng tại khu vực cảng Tây Nam đảo trung bình khoảng 02 tấn/ngày. Tổng số lượng rác thải toàn đảo vào khoảng 05 tấn/ngày (tương đương 1825 tấn rác/năm). Số rác này được thu gom, tập trung đốt và chôn lấp tại phía bờ Tây Nam đảo, gần khu nghĩa địa (thậm trí Ban Quản lý cảng và khu neo đậu tàu còn cho đốt rác thải nilon, chai nhựa ngay tại bờ âu cảng, gây ô nhiễm, mùi khói rất khó chịu). Cho đến nay, diện tích đất để chôn lấp rác ở khu vực Tây Nam đảo đã gần hết. Về xử lý lâu dài, huyện chưa có phương án cụ thể, khả thi ngoài phương án xây dựng lò đốt rác. Tuy nhiên, huyện chưa thể đầu tư do chưa có nguồn vốn.

- Huyện chưa thể đưa tàu “Hoa phượng đỏ” vào khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của cán bộ, quân, dân và du khách thập phương do còn thiếu vốn;

- Huyện chưa thu hút được các nhà đầu tư quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng nghỉ dưỡng với số lượng phòng tiện nghi, các khu vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng, thăm quan, vui chơi giải trí của du khách;

- Hiện chưa có cơ sở hạ tầng hậu cần nghề cá đáp ứng như Kết luận 72 của bộ Chính trị đã xác định Bạch Long Vĩ trở thành “Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn”;

- Khu dịch vụ hậu cần nghề cá, khu chế biến bột cá bị bỏ hoang (diện tích 5,05 ha), cơ sở nhà xưởng xuống cấp trầm trọng mà chưa thể thu hồi nhằm sử dụng vào mục đích khác.

2.3.4. Về phát triển kinh tế

2.3.4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế

Bảng 2.6. Giá trị sản xuất các nhóm ngành giai đoạn 2010-2017

(ĐVT: Tỷ đồng)

TT	Nhóm ngành	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	6/2018
1	CN-XD	29,4	33,45	162	170,8	183,12	222	254,6	289,9	64
2	NN- TS	8,1	9,14	10,4	12,2	13,46	11,5	9,4	9,2	5,56
3	Dịch vụ	96,3	109,81	127	124	137	142	145	156	102
	Tổng giá trị	133,8	152,4	299,4	307	333,58	375,5	409	455,1	171,56

(Nguồn: Báo cáo UBND huyện)

- Nhóm ngành Công nghiệp - Xây dựng:

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp – xây dựng của huyện năm 2017 đạt 289,9 tỷ đồng, tăng hơn 9,86 lần so với năm 2010, chiếm 56,42% trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn huyện. Tuy nhiên, 6 tháng đầu năm 2018, giá trị sản xuất nhóm ngành công nghiệp – xây dựng huyện chỉ đạt 64 tỷ đồng, giảm 2,23 lần so với 6 tháng đầu năm 2017 (142,4 tỷ đồng) nguyên nhân là do huyện không phát sinh thêm dự án, công trình mới mà chủ yếu tập trung hoàn hiện các hạng mục của các dự án, công trình cũ. Như vậy có thể thấy lĩnh vực công nghiệp của huyện giá trị sản xuất không đáng kể. Sự gia tăng giá trị sản xuất lĩnh vực công nghiệp – xây dựng đến từ lĩnh vực xây dựng.

Về công nghiệp: Thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 05/8/2003 của Bộ Chính trị, đã xác định “Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ sớm trở thành trung tâm chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá cho các tỉnh ven biển Bắc Bộ”, tuy nhiên, giai đoạn từ năm 2000-2009: Huyện cũng chỉ có một khu chế biến bột cá do Công ty Cổ phần Thương mại Bạch Long đến năm 2009 ngừng hoạt động, 01 khu dịch vụ hậu cần nghề cá (trong đó có xưởng làm đá lạnh, lọc nước biển thành nước ngọt..), đến năm 2008 cũng ngừng hoạt động do huyện không đủ nước ngọt, điện năng cung cấp cho các xưởng chế biến và sản xuất này.

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay, thực hiện Kết luận số 72-KL/TW, ngày 10/10/2013 của Bộ Chính trị, đã xác định lại “Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ thành trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc”, Huyện không có các nhà máy, xưởng chế biến, chế tạo, sản xuất lớn, chỉ có 31 cơ sở nhỏ do các hộ dân đầu tư xây dựng nhằm lọc nước, phân phối nước đóng bình. Về hậu cần nghề cá, ngoài các dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, cung cấp ngư lưới cụ, cũng chỉ có một số hộ gia đình, cá nhân nhỏ lẻ mở xưởng sửa chữa nhỏ, sửa chữa tạm thời hoặc thay thế các vật dụng nhỏ cho các tàu cá của ngư dân vào đảo.

Bên cạnh đó, huyện chỉ có 01 Trạm điện, với 04 máy phát điện diesel công suất từ 410kva đến 630kva, 06 trạm biến áp, cung cấp điện cho toàn đảo. Để phục vụ nhu cầu sử dụng điện của các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên đảo, Trạm điện đã phải đóng, cắt điện luân phiên theo giờ và từng khu vực với 04 máy phát chạy luân phiên để đảm bảo cung cấp nguồn điện liên tục. Như vậy, công suất phát điện trung bình theo công suất của 01 máy cũng chỉ đạt vào khoảng từ 200kw đến 250kw chưa kể có lúc máy hỏng. Với hơn 31 cơ sở sản xuất, lọc nước đóng bình, hơn 30 đầu mỗi các cơ quan, đơn vị, 03 khu dân cư, 01 khu dân thanh niên xung phong, thường trực từ 1000 đến 1500 người, công suất tiêu thụ điện trung bình hiện nay vào khoảng 950kw, vào thời gian cao điểm có thể đạt đến hơn 1200kw. Như vậy, công suất phát điện của 01 máy phát điện cùng lúc chỉ bằng 1/5 công suất tiêu thụ điện. Chính vì vậy mà hiện nay, Trạm điện phải đóng, cắt điện luân phiên hạn chế tải nhằm đảm bảo phù hợp với công suất máy cung cấp.

Khai thác nước ngầm hạn chế do phụ thuộc vào lượng mưa, máy bơm hút. Hiện nay, tổng khối lượng nước tại 4 giếng khoan hiện có của huyện vào khoảng 90m³/ngày. So với nhu cầu nước ngọt của toàn đảo và các phương tiện vào đảo khoảng 210m³/ngày khi đông người thì lượng nước thiếu khoảng 120m³/ngày, như vậy là chưa đủ để phục vụ nhu cầu dân sinh. Biện pháp hiện tại vẫn là chở nước ngọt từ đất liền ra đảo để đáp ứng nhu cầu chủ yếu của người dân và các phương tiện này.

Về xây dựng: Như ta phân tích ở phần công nghiệp thì giá trị sản xuất công nghiệp của huyện là không đáng kể. Với giá trị sản xuất tăng theo năm, năm 2017 gấp hơn 9,8 lần so với năm 2010, sự gia tăng giá trị sản xuất này chủ yếu đến từ nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, đầu tư xây dựng các dự án, công trình, cụ thể:

Dự án gia cố cảng và khu neo đậu tàu phía Tây Nam đảo, Dự án khắc phục hậu quả cơn bão số 10 năm 2009, các dự án đầu tư nâng cấp, sửa chữa, xây mới trụ sở làm việc của một số cơ quan đơn vị, Dự án đầu tư xây dựng cảng và khu neo đậu tàu phía Tây Bắc đảo, Dự án đóng mới tàu chở khách và hàng hóa ra đảo Bạch Long Vĩ, Dự án xây dựng Hồ chứa nước ngọt, Dự án xây dựng Nhà đa năng kết hợp làm nơi tránh trú gió cho ngư dân, công trình Nhà khách Huyện ủy, Dự án cải tạo, nâng cấp đường dạo âu cảng và chỉnh trang khu vực Ngã 5 trung tâm huyện, Dự án cải tạo nâng cấp tuyến đường Khu dân cư số 3 từ nguồn hỗ trợ chương trình nông thôn mới, Dự án trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc ứng phó với biến đổi khí hậu, Dự án cải tạo hệ thống thoát nước, hệ đường khu dân cư, công trình cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học - Mẫu giáo huyện.

** Điểm mạnh về công nghiệp – xây dựng:*

Diện tích đảo nhỏ (khoảng 2,5km²), huyện đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 nên việc thực hiện, quản lý, giám sát các hoạt động về công nghiệp – xây dựng trên địa bàn được thuận lợi:

+ Quản lý, giám sát các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn luôn đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả;

+ Quản lý, vận hành và sửa chữa Trạm điện cũng như hệ thống cung cấp điện năng nhanh, hiệu quả, đảm bảo an toàn.

+ Quản lý, sử dụng nguồn nước ngầm đảm bảo hài hòa giữa mùa mưa và mùa khô, không lãng phí.

** Điều yếu về công nghiệp – xây dựng:*

+ Đất và một số công trình nằm trên đất khu Thương mại, khu chế biến bột cá (...ha) trước năm 2009 bị bỏ hoang đến nay, chưa có phương án di dời để huyện lấy lại quỹ đất sử dụng xây dựng một số công trình khác;

+ Do nằm xa đất liền, gió mùa kéo dài, nhiều cơn bão đổ bộ vào đảo nên rất khó khăn trong việc chuyên chở vật liệu xây dựng từ đất liền ra đảo nên hạn chế trong việc đảm bảo thời gian thi công các công trình;

+ Nguồn điện từ máy phát điện tại Trạm điện không đủ để cung cấp cho nhân dân sử dụng và dùng cho sản xuất.

+ Nguồn nước ngọt khan hiếm cũng là điểm yếu đối với huyện trong việc sinh hoạt, nuôi trồng và sản xuất.

+ Huyện không phát triển được lĩnh vực công nghiệp, không tạo ra được sản phẩm từ nguồn lợi thủy sản (các sản phẩm chế biến từ hải sản).

Bảng 2.7. Sản lượng nông nghiệp – thủy sản của huyện

ĐVT: Tấn

STT	Năm	Sản lượng rau, củ, quả	Sản lượng gia súc, gia cầm xuất chuồng	Sản lượng khai thác hải sản ven bờ
1	2010	70	53	80
2	2011	73	57,5	93
3	2012	78	64	95
4	2013	65	67,7	89
5	2014	79	70	90
6	2015	82	72	93
7	2016	71	78	87
8	2017	78	78,5	84

(Nguồn: Phòng Thống kê huyện)

- Nhóm ngành Nông nghiệp – Thủy sản:

Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp – thủy sản năm 2017 đạt 9,2 tỷ đồng giảm 0,68 lần so với năm 2014 (năm 2014 đạt 13,46 tỷ đồng, là năm đạt giá trị cao nhất giai đoạn 2010-2017). Năm 2014 đạt giá trị cao là do huyện đảo chịu ảnh hưởng của mưa bão ít hơn các năm trước nên sản lượng khai thác thủy sản được cải thiện, chăn nuôi, trồng trọt thuận lợi.

Về nông nghiệp của huyện: Gồm trồng trọt rau màu và cây ăn quả; chăn nuôi gia súc (lợn, trâu, bò, dê), gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng). Sản lượng rau màu, gia súc, gia cầm tính đến nay, nếu thời tiết thuận lợi cơ bản đáp ứng nhu cầu của cán bộ, quân dân huyện đảo và đáp ứng một phần nhu cầu ngư dân trên các phương tiện khai thác thủy sản vươn khơi vào âu cảng tránh trú gió, sửa chữa nhỏ và làm hàng. Thời tiết một số năm không thuận lợi nên sản lượng nông nghiệp ít do dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, gió mùa kèm theo hơi mặn của biển làm rau màu héo chết. Để đáp ứng nhu cầu ăn uống và sinh hoạt toàn đảo, một tháng có khoảng từ 01 đến 03 chuyến tàu của dân chài vận chuyển rau củ quả và thực phẩm từ đất liền ra đảo.

Về thủy sản: Trên đảo có từ 20 đến 25 hộ dân dân sống chủ yếu bằng ngư nghiệp, còn lại vừa làm ngư nghiệp vừa làm dịch vụ. Bà con ngư dân chủ yếu khai thác thủy sản ven bờ, cách đảo khoảng 03 hải lý. Hải sản đánh bắt chủ yếu là các loại cá nhỏ và mực. Sản lượng tăng giảm theo mùa trong năm và theo năm. Có những năm vào mùa, bà con khai thác một ngày hàng tấn cá, mực các loại. Về khai thác bào ngư, hải sâm trong khu vực khoanh nuôi (theo Đề án 6m nước: giao cho các hộ dân để bảo vệ, khai thác) mỗi năm cũng chỉ được vài tạ (so với 15-20 năm về trước, mỗi năm bà con khai thác được hơn 30 tấn bào ngư). Như vậy, sản lượng bào ngư đã kiệt dần qua các năm.

Chính quyền địa phương luôn hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân dân đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản; quản lý tốt việc nuôi trồng và khai thác bào ngư tại các khu vực mặt nước cho thuê; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trại giống bào ngư hoạt động nhằm cung cấp nguồn con giống ổn định cho nuôi trồng

(Tuy nhiên, đến nay chưa có hiệu quả, chưa cung cấp được con giống phục vụ nhu cầu của nhân dân).

Ngày 31/12/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2630/QĐ-TTg của về thành lập khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ; Thành phố đã ban hành Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 về việc thành lập Ban quản lý Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ. Từ năm 2015 đến nay, Ban Quản lý khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ đi vào hoạt động cùng với các lực lượng chức năng tích cực kiểm soát, ngăn chặn các hành vi khai thác thủy sản trái phép, tăng cường bảo vệ các rạn san hô quanh đảo, tạm dừng khai thác đối với một số loài hải sản đang có nguy cơ cạn kiệt, nhất là 22 loài hải sản đặc hữu, quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng theo Quyết định thành lập khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo tồn biển. Tuy nhiên, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chuyên môn của Ban Quản lý khu bảo tồn biển chưa được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là còn thiếu các hạng mục quan trọng: Cấm phao tiêu phân vùng của khu bảo tồn; Trạm quan trắc và kiểm soát nguồn lợi; tàu, xuồng tuần tra trong khu bảo tồn; các trang thiết bị chuyên dụng phục vụ nghiên cứu khoa học... nên tình hình hoạt động của Ban Quản lý còn gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế.

Từ tháng 12/2015 đến nay, Ban Quản lý khu bảo tồn biển đã phát hiện và phối hợp với lực lượng chức năng ngăn chặn, xử lý hơn 600 trường hợp vi phạm khai thác thủy sản trái phép trong khu bảo tồn biển.

** Điểm mạnh về nông nghiệp – thủy sản:*

+ Có rất nhiều loại rau màu, cây ăn quả phù hợp với chất đất tại đảo nên xanh tốt quanh năm, hoa trái đầy cành.

+ Có khu vực bảo tồn biển, được bảo vệ nghiêm ngặt bởi Ban Quản lý khu bảo tồn biển, tạo điều kiện bảo vệ nguồn lợi hải sản đa dạng, phong phú của đảo.

** Điểm yếu về nông nghiệp – thủy sản:*

+ Chịu ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết;

+ Ảnh hưởng bởi nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm từ nông nghiệp – thủy sản trên đảo.

+ Sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ; thủy sản chủ yếu là đánh bắt ven bờ, chưa vươn khơi.

- Nhóm ngành Dịch vụ:

Giá trị nhóm ngành dịch vụ năm 2017 đạt 156 tỷ, gấp 1,62 lần năm 2010, chiếm 40,35% trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn huyện. Giá trị nhóm ngành dịch vụ chủ yếu tập trung vào doanh thu của các phương tiện dịch vụ hậu cần nghề cá, cung cấp xăng dầu, thu mua hải sản, dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa qua cảng và số hộ làm dịch vụ cung ứng nhu yếu phẩm phục vụ nhu cầu nhân dân trên đảo và các phương tiện vươn khơi.

Bảng 2.8. Số lượng các cửa hàng tạp vụ, giải trí, tàu dịch vụ hậu cần

STT	Năm	Số cửa hàng tạp hóa, thực phẩm	Số nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải trí, nghỉ dưỡng	Số cửa hàng sửa chữa, ngư lưới cụ	Số lượng tàu làm dịch vụ hậu cần	Số lượng cơ sở chế biến thủy sản
1	2010	13	35	12	7	0
2	2011	15	32	13	7	0
3	2012	15	35	12	8	0
4	2013	16	40	12	8	0
5	2014	16	42	12	8	0
6	2015	20	42	11	9	0
7	2016	22	44	10	11	0
8	2017	24	45	9	12	0

(Nguồn: Chi cục thuế huyện và tác giả tính thực tế tại huyện)

Theo bảng 2.8 Trên ta thấy:

+ Số lượng cửa hàng tạp hóa, thực phẩm và nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải trí tăng qua các năm, cụ thể: Năm 2010 có 13 cửa hàng tạp hóa, thực phẩm, năm 2017 có 24 cửa hàng, tăng 1,84 lần; năm 2010 có 35 nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải trí, năm 2017 có 45 nhà hàng, tăng 1,28 lần. Số cửa hàng tạp vụ, thực phẩm và số nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải trí tăng là do thu nhập của người dân trên đảo tăng, số ngư dân vào đảo chi tiêu cho ăn uống, nghỉ dưỡng, giải trí tăng do nhu cầu, thị hiếu và trào lưu hiện đại mặc dù lượng tàu thuyền vào đảo so với năm 2010 là giảm.

Bảng 2.9. Số lượt tàu, lượng người vào đảo; số lượng hàng hóa bốc xếp qua cảng

STT	Năm	Số lượt tàu vào đảo	Lượng người trung bình	Lượng hàng hóa bốc xếp (tấn)
1	2005	21000	155400	18000
2	2006	16500	120500	5000
3	2007	18500	129500	10400
4	2008	15867	111020	17450
5	2009	12650	89550	15600
6	2010	11086	66516	21543
7	2011	7850	47100	16000
8	2012	6675	40050	22614
9	2013	7006	42036	11945
10	2014	7890	47340	5845
11	2015	7680	46080	38000
12	2016	8300	49800	30000
13	2017	7530	45180	21400

(Nguồn: Báo cáo Ban Quản lý Cảng & Khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ)

+ Số cửa hàng sửa chữa, buôn bán ngư lưới cụ giảm, cụ thể: Năm 2011 có 13 cửa hàng (năm có số cửa hàng cao nhất), năm 2017 còn có 9 cửa hàng, giảm 0,7 lần. Nguyên nhân là do số lượng tàu thuyền vào đảo giảm so với những năm trước năm 2009; do huyện không cung cấp đủ điện, nước nên không thể đầu tư mở rộng quy mô xưởng sửa chữa cho các tàu cá vươn khơi, các tàu này vào đảo chỉ sửa chữa nhỏ và về đất liền để lên đà sửa chữa, bảo dưỡng lớn. (bảng 2.8) do vài năm trở lại, ngư

trường Bạch Long Vĩ có nhiều tàu làm dịch vụ hậu cần nghề cá ngay trên biển, cung cấp từ nhu yếu phẩm sinh hoạt đến ngư lưới cụ cho các tàu cá bám biển đánh bắt và làm hàng (khi gió to các tàu cá mới vào đảo tránh trú gió).

+ Hiện nay số lượng tàu làm dịch vụ hậu cần nghề cá, vận chuyển nhu yếu phẩm, hàng hóa từ đất liền ra đảo và ngược lại tăng mạnh. Năm 2010 có 07 tàu thì năm 2017 có 12 tàu, tăng 1,7 lần. Số lượng tàu này chủ yếu do người dân trên đảo đầu tư và một số công ty làm dịch vụ cung cấp xăng, dầu (ngoại trừ các tàu chuyên chở nguyên vật liệu xây dựng cho các công trình, dự án tại đảo). Như vậy, đây là lực lượng đi đầu, là cơ sở vô cùng quan trọng cho phát triển kinh tế – xã hội huyện đảo.

Theo bảng 2.9 trên, số lượng hàng hóa bốc xếp qua cảng tăng giảm liên tục do lượng hàng hóa qua cảng này chủ yếu là vật liệu xây dựng phục vụ các công trình, dự án xây dựng trên đảo. Năm 2014 lượng hàng hóa giảm (chỉ còn 5845 tấn) so với các năm còn lại và giảm 6,5 lần so với năm cao nhất 2015 (38000 tấn).

- Dịch vụ hậu cần của cảng và khu neo đậu tàu cá (Cảng Tây Nam, Tây Bắc đảo):

Cảng và khu neo đậu tàu phía Tây Nam Bạch Long Vĩ: Có diện tích mặt nước là 25,7ha, diện tích sử dụng để neo đậu tàu thuyền là 7,5ha. Năng lực neo đậu cho khoảng 200-300 tàu cá công suất máy từ 33CV đến 600CV vào tránh trú gió. Hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, gồm đê kè, hệ thống chiếu sáng, cấp điện, nước, xăng dầu; hệ thống phao neo, phiêu tiêu, biển báo, treo đệm; thiết bị cầu, xếp dỡ đều xuống cấp và thiếu. Đến nay, cảng Tây Nam chưa hoàn thiện tường chắn sóng cho toàn tuyến, chưa thể cho các tàu cá vào âu tránh bão.

Khu hậu cần nghề cá: Được quy hoạch thành từng phân khu phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng giao thông và hoạt động của mục đích hậu cần nghề cá, tuy nhiên hiện tại các công trình này đã hư hỏng, xuống cấp hoặc không còn thiết bị (bị bỏ hoang). Hạ tầng, trang thiết bị phục vụ quản lý vận hành cảng: Trang thiết bị phục vụ còn thiếu: Ca nô, điện đàm, thiết bị bảo hộ ... Thiếu phương tiện thu gom, vớt rác, vận chuyển rác thải, cơ sở xử lý rác thải ...

Cảng và khu neo đậu tàu phía Tây Bắc Bạch Long Vĩ: được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 và

phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 24/01/2011; tổng kinh phí 560,503 tỷ đồng, diện tích 20,2 ha, đảm bảo cho trên 152 tàu thuyền công suất đến 600 DWT neo đậu tránh trú bão đang được đầu tư giai đoạn I, ước khối lượng thực hiện đến ngày 30/6/2017 là 375,55 tỷ đồng. Đến nay, đang thực hiện giai đoạn 1, chưa đưa vào sử dụng.

Thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 05/8/2003 của Bộ Chính trị, đã xác định “Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ sớm trở thành trung tâm chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá cho các tỉnh ven biển Bắc Bộ”, Kết luận số 72-KL/TW, ngày 10/10/2013 của Bộ Chính trị, đã xác định lại “Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ thành trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc”; Nghị quyết Đại hội IV của huyện (nhiệm kỳ 2010-2015) xác định: *Tập trung xây dựng huyện đảo sớm trở thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá cho các tỉnh ven biển Bắc bộ, ...*; Nghị quyết Đại hội V của huyện (nhiệm kỳ 2015-2020) xác định: *Đẩy mạnh huy động mọi nguồn lực xây dựng Bạch Long Vĩ sớm trở thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá ...*, [4],[5],[7], [8], thì đến nay, Bạch Long Vĩ chưa thể trở thành trung tâm chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá cho các tỉnh ven biển Bắc Bộ và cũng chưa trở thành trung tâm hậu cần nghề cá theo các nghị quyết và kết luận đã đề ra. Hiện tại, chỉ có một số hộ gia đình cung cấp dịch vụ sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng nhỏ lẻ, cung cấp ngư lưới cụ, nước ngọt đóng bình, 02 công ty cung cấp xăng dầu (03 tàu chở xăng dầu cung cấp trực tiếp trong âu cảng Tây Nam đảo.

Bảng 2.10. Số liệu cung cấp xăng dầu, nước ngọt

STT	Năm	Xăng, dầu (Tấn)	Nước ngọt (m ³)
1	2010	2000	12500
2	2011	1900	11000
3	2012	1750	9000
4	2013	1870	10600
5	2014	1950	11000
6	2015	1890	10000
7	2016	2000	11500
8	2017	1860	10000

(Nguồn: Báo cáo UBND huyện và tác giả tự tìm hiểu, thống kê)

** Điểm mạnh về dịch vụ:*

- Tiềm lực kinh tế các hộ dân, cá nhân đầu tư tàu dịch vụ vận chuyên, cung cấp nhu yếu phẩm, xăng dầu, nước ngọt tại đảo lớn.

- Số lượng nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống, giải trí lớn so với diện tích đảo.

** Điểm yếu về dịch vụ:*

- Phụ thuộc vào thời tiết.(Ví dụ: Gió mùa to các phương tiện đánh bắt của ngư dân các từ các tỉnh miền Trung đến Quảng Ninh đánh bắt tại ngư trường Bạch Long Vĩ vào đảo tránh trú gió nhiều, mỗi đợt vào nhiều có đến 300 đến 400 tàu các loại tương đương với khoảng từ 2100 đến 2800 người.

- Huyện không có đội quản lý thị trường nên hàng hóa tràn ra đảo khó kiểm soát, trong đó có những hàng hóa kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái. Huyện đã thành lập Tổ Liên ngành để thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ còn thiếu như tham mưu, giúp UBND huyện trực tiếp thực hiện công tác kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trên các lĩnh vực tài nguyên, bảo vệ môi trường, quy hoạch, xây dựng, thương mại, dịch vụ, chất lượng, nhãn mác sản phẩm hàng hóa và các lĩnh vực khác. Tuy nhiên, đến nay do hoạt động không hiệu quả, Tổ Liên ngành đã bị giải thể.

- Nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải trí số lượng lớn so với diện tích đảo song hầu hết là nhỏ, không tiện nghi, giá cả còn dao động lớn, phong cách phục vụ không chuyên nghiệp. Hiện tại có khoảng 40 phòng nghỉ phục vụ du khách, trong đó có 10 phòng nghỉ của Huyện ủy, 08 phòng nghỉ tại Nhà thể thao đa năng kết hợp tránh trú bão, 10 phòng phòng dưới khu dân cư do tư nhân đầu tư là tiện nghi, còn lại không đủ tiêu chuẩn cho du khách nghỉ dưỡng. Như vậy, 100 du khách ra đảo cùng một lúc, thì số phòng nghỉ tại đảo là rất thiếu.

- Chưa có dịch vụ ngân hàng tại đảo nên cán bộ, quân, dân và ngư dân gặp nhiều khó khăn khi cần các giao dịch liên quan đến tiền: Gửi, vay, rút tiền, lưu chuyển tiền....

Theo Bảng 2.11, Số lượng khách ra thăm, nghỉ dưỡng và giao lưu tại đảo tăng dần qua các năm. Năm 2017 có 720 lượt khách, tăng 2,6 lần so với năm 2010

(280 lượt khách). Số lượng khách thăm, nghỉ dưỡng và giao lưu tại đảo phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết. Nếu cấp gió từ cấp 5 trở lên, biên động tàu chở khách du lịch không thể chạy ra đảo được do nguy hiểm đến tính mạng du khách.

Bảng 2.11. Số lượng khách ra nghỉ dưỡng và giao lưu tại đảo Bạch Long Vĩ

STT	Năm	Số lượng khách ra thăm và nghỉ dưỡng tại đảo (lượt người)
1	2010	280
2	2011	295
3	2012	330
4	2013	540
5	2014	360
6	2015	510
7	2016	530
8	2017	730
9	6/2018	550

(Nguồn: Văn phòng UBND huyện và tác giả tổng hợp)

Từ năm 2017, Công ty Hà Nội Etoco phối hợp cùng Tổng đội Thanh niên xung phong Hải Phòng (Một trong những đơn vị nòng cốt xây dựng và phát triển đảo Bạch Long Vĩ) đã tổ chức các chương trình du lịch ra đảo Bạch Long Vĩ theo chương trình trợ giá của thành phố Hải Phòng (Đã đưa 09 đoàn khách với hơn 720 lượt người ra thăm đảo Bạch Long Vĩ).

- Mặc dù quang cảnh đảo đẹp, có đồi cao 60m phóng tầm mắt ra xa, có bãi đá rộng khi triều xuống, du khách có thể đi khám phá thiên nhiên, các hệ sinh thái: hệ sinh thái bãi triều cát, hệ sinh thái bãi triều đá – cuội – sỏi, hệ sinh thái rạn đá - san hô, hệ sinh thái rong cỏ biển và đặc biệt là đảo Bạch Long Vĩ có bãi biển cát trắng, nước trong xanh đẹp tuyệt, du khách có thể tắm biển, bơi, lặn..., tuy nhiên, cho đến nay, xét về góc độ dịch vụ du lịch, thăm quan, nghỉ dưỡng thì huyện chưa

phát triển. Hiện nay, huyện chưa có công trình, dự án nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí nào có tầm cỡ, đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

- Cả 02 cảng cá của huyện Bạch Long Vĩ đều chưa đáp ứng tiêu chí cảng cá loại I và khu tránh trú bão cấp vùng theo quy định của Chính phủ quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; chưa đáp ứng với yêu cầu dịch vụ hậu cần và tránh trú bão cho khối tàu khai thác thủy sản xa bờ có công suất lớn. Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa qua cảng còn lạc hậu, thiếu thôn trang thiết bị. Hiện nay, cảng Tây Nam Bạch Long Vĩ mới chỉ có 02 cần cẩu loại 2 tấn, 03 phương tiện chuyên chở đã xuống cấp, không đủ năng lực để bốc xếp, vận chuyển hàng hóa qua cảng [6],[36].

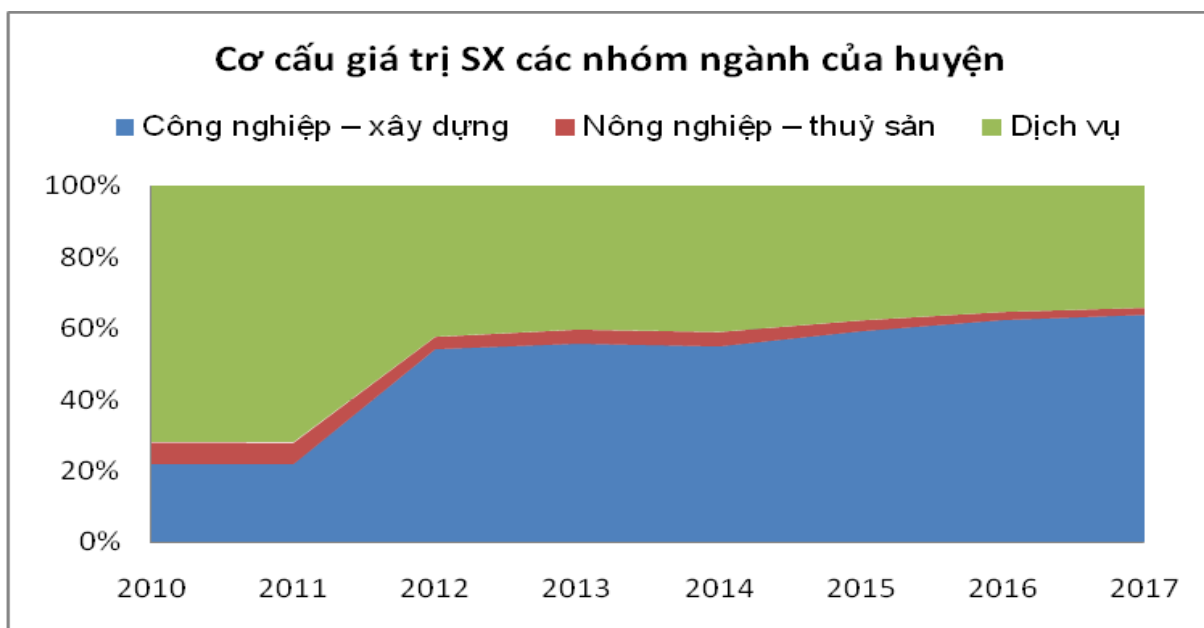
2.3.4.2. Cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành của huyện

Bảng 2.12. Cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành của huyện

(ĐVT: %)

STT	Nhóm ngành	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
1	Công nghiệp – xây dựng	21,97	21,95	54,11	55,64	54,90	59,12	62,25	63,70
2	Nông nghiệp – thủy sản	6,05	6,00	3,47	3,97	4,04	3,06	2,30	2,02
3	Dịch vụ	71,97	72,05	42,42	40,39	41,07	37,82	35,45	34,28

(Nguồn: Báo cáo UBND huyện)



Biểu đồ 2.4. Cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành của huyện

Về cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành của huyện năm 2017: Công nghiệp – xây dựng, Nông nghiệp – thủy sản, Dịch vụ tương ứng: 63,7% - 2,02% - 34,28%. Nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất hiện nay, chiếm nửa giá là nhóm ngành Công nghiệp – xây dựng (chủ yếu là xây dựng), tiếp đến là nhóm ngành Dịch vụ và thấp nhất là nhóm ngành Nông nghiệp – thủy sản. Năm 2010, cơ cấu các nhóm ngành Công nghiệp – xây dựng, Nông nghiệp – thủy sản, Dịch vụ tương ứng: 21,97% - 6,05% - 71,97%, theo đó, nhóm ngành Dịch vụ đứng đầu cơ cấu, tiếp đến là Công nghiệp – xây dựng và thấp nhất là Nông nghiệp – thủy sản. Như vậy, giai đoạn 2010-2017, cơ cấu các nhóm ngành đã chuyển dịch theo hướng lấy Công nghiệp – xây dựng làm chủ đạo cho sự phát triển.

Tuy nhiên, với chỉ tiêu phấn đấu cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành của huyện được đề ra tại hai kỳ Đại hội: Đại hội IV của Đảng bộ huyện (nhiệm kỳ 2015-2020) và Đại hội V của Đảng bộ huyện (nhiệm kỳ 2015-2020) thì cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành của huyện đã không đạt như kỳ vọng.

Theo bảng 2.13 trên ta thấy, nhiệm kỳ 2010-2015, chỉ tiêu cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành phát triển theo hướng: Thương mại – Dịch vụ, Công nghiệp – xây dựng, Nông nghiệp – thủy sản tương ứng: 82% - 10,5% - 7,5%., kết quả thực hiện theo hướng: Công nghiệp - Xây dựng, Dịch vụ, Nông nghiệp - Thủy sản tương ứng

với 59,12% - 37,82% - 3,06%. Nhiệm kỳ 2015-2020, chỉ tiêu cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành phát triển theo hướng: Công nghiệp - Xây dựng, Dịch vụ, Nông nghiệp - Thủy sản tương ứng với 52% - 43% - 5%, kết quả thực hiện tương ứng là: 63,7% - 34,28% - 2,02%.

Bảng 2.13. Chỉ tiêu cơ cấu giá trị SX và kết quả thực hiện

Giai đoạn	Chỉ tiêu phân đầu Cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành	Kết quả thực hiện
2010-2015	Thương mại - Dịch vụ, Công nghiệp - Xây dựng, Nông nghiệp - Thủy sản: 82% - 10,5% - 7,5%.	Kết quả năm 2015: Công nghiệp - Xây dựng, Dịch vụ, NN-TS 59,12% - 37,82% - 3,06%
2015-2020	Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ, Nông nghiệp - Thủy sản: 52% - 43% - 5%	Kết quả năm 2017: Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ, Nông nghiệp - Thủy sản: 63,7% - 34,28% - 2,02%

(Nguồn: Báo cáo UBND huyện)

2.3.4.3. Kết quả thực hiện nguồn vốn huy động cho phát triển kinh tế – xã hội

Bảng 2.14. Nguồn vốn đầu tư

TT	Nguồn vốn đầu tư	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
1	Vốn nhà nước	83,4	81,6	150	155	166	204	233,8	267
2	Vốn tư nhân, tổ chức	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vốn nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng giá trị	83,4	81,6	150	155	166	204	233,8	267

(Nguồn: Báo cáo UBND huyện)

Từ bảng 2.14 trên ta thấy, nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển kinh tế – xã hội huyện thấp so với các huyện thuộc thành phố Hải Phòng. So với huyện đảo Cồn Cỏ thuộc tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010-2015 thì huyện đảo Bạch Long Vĩ cũng chỉ nhỉnh hơn một chút (Nguồn vốn đầu tư các dự án trọng điểm huyện đảo Cồn Cỏ: 700,76 tỷ đồng, còn tổng nguồn vốn đầu tư huyện Bạch Long Vĩ: 840 tỷ đồng). Cả hai huyện đảo nguồn vốn chủ yếu là từ ngân sách Nhà nước, đều đầu tư các công trình, dự án cơ sở hạ tầng nhằm phát triển kinh tế – xã hội huyện. Nếu như so sánh trên mọi lĩnh vực thì huyện đảo Bạch Long Vĩ có phần nhỉnh hơn huyện đảo Cồn Cỏ: Có diện tích lớn hơn (đảo Bạch Long Vĩ: 2,5km², đảo Cồn Cỏ: 2,2km²), dân số đông hơn (năm 2016, dân số Bạch Long Vĩ: 1096 người, Cồn Cỏ: 500 người), ...Bạch Long Vĩ là đảo tiền tiêu của tổ quốc, với tiềm năng lớn (là 01 trong 8 ngư trường lớn của Vịnh Bắc Bộ), Huyện Bạch Long Vĩ là huyện trực thuộc thành phố Hải Phòng, một trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm phát triển kinh tế lớn của vùng duyên hải Bắc Bộ, đô thị loại 1 cấp quốc gia... Như vậy, đảo Bạch Long Vĩ vô cùng quan trọng và xứng đáng được đầu tư nhiều hơn nữa trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh của thành phố và cả nước.

Tuy nhiên, Huyện có được nguồn vốn của Nhà nước còn khó khăn nhưng việc sử dụng nguồn vốn giai đoạn 2010-2017 tại Bạch Long Vĩ hiệu quả lại không cao khi đầu tư một số công trình, dự án xét về công năng là chưa cần thiết hoặc đầu tư dàn trải, không tập trung, làm lãng phí nguồn vốn. Ví dụ:

- Dự án trồng rừng phòng hộ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc thích ứng với biến đổi khí hậu huyện Bạch Long Vĩ hiệu quả không cao, do điều kiện thời nên tỷ lệ cây sống không cao, hệ thống tường rào bảo vệ bằng dây thép gai nên qua 2 năm đã rỉ sét, nhiều đoạn đứt nối khiến trâu, bò vào khu vực rừng trồng phá hoại.

- Dự án Xây dựng Quảng trường, công chào Bạch Long Vĩ, Dự án cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Trung tâm văn hóa huyện Bạch Long Vĩ (đập bỏ Hội trường cũ với sức chứa 100 chỗ ngồi, hiện trạng còn sử dụng tốt, công năng sử dụng vẫn

hiệu quả để xây Hội trường mới sức chứa 250 chỗ) là chưa cần thiết, do còn rất nhiều dự án rất cần thiết nhưng lại chưa có nguồn vốn như Dự án đóng mới tàu thủy chở khách và hàng hóa ra đảo Bạch Long Vĩ. (Tổng nguồn vốn đầu tư 03 dự án trên vào khoảng 37,066 tỷ đồng trong khi dự án đóng mới tàu chở khách và hàng hóa ra đảo vô cùng cần thiết thì lại còn thiếu 90,31 tỷ đồng, đến nay đã hạ thủy nhưng vẫn chưa đi vào khai thác).

2.3.4.4. Kết quả thu, chi ngân sách

Bảng 2.15. Thu, chi ngân sách của huyện

DVT: Tỷ đồng

STT	Thu, chi ngân sách	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
I.	Tổng thu ngân sách	1,14	2,51	1,136	1,505	1,88	1,816	1,74	1,571
1	Thu thuế	0,09	0,1	0,12	0,21	0,35	0,25	0,36	0,464
2	Thu từ Xổ số kiến thiết	0,4	1,94	0,5	0,6	0,82	0,86	0,5	0,35
3	Thu Phí và lệ phí	0,57	0,4	0,5	0,54	0,55	0,67	0,7	0,67
4	Thu khác	0,08	0,07	0,016	0,155	0,16	0,036	0,18	0,087
II.	Tổng chi ngân sách	14,8	29,56	28,877	29,5	30,73	33,73	22,845	25,145
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2,14	9,8	4,45	2,95	4,08	6,34	2,68	5,47
2	Chi khác	12,66	19,76	24,427	26,55	26,65	27,39	20,165	20,275

(Nguồn: Báo cáo UBND huyện)

Theo Bảng 2.15 trên, tổng thu ngân sách địa bàn do huyện quản lý rất nhỏ. Tổng thu hàng năm khoảng hơn 1 tỷ đồng, năm 2011 thu hơn 2,5 tỷ đồng là do thu từ

hoạt động xổ số kiến thiết cao (1,94 tỷ, gấp khoảng 3 lần so với các năm khác). Tuy nhiên, tổng chi ngân sách hàng năm (do thành phố cấp, bình quân hơn 30 tỷ đồng mỗi năm) của huyện lớn, gấp từ 10 đến 20 lần so với thu ngân sách hàng năm (không tính nguồn vốn nhà nước đầu tư các công trình, dự án trên huyện). Tổng chi ngân sách của huyện gồm: Chi xây dựng cơ bản, chi thanh toán cá nhân, chi nghiệp vụ chuyên môn, chi bảo hiểm phương tiện, hội nghị, tiếp khách... Theo bảng trên ta thấy chi cho xây dựng cơ bản của huyện khá khiêm tốn, chỉ bằng 1/8 tổng chi ngân sách.

2.3.5. Về văn hóa xã hội

Bảng 2.16. Kết quả thực hiện một số chỉ về xã hội của huyện năm 2017

Stt	Chỉ tiêu xã hội	Kế hoạch năm 2017	Kết quả thực hiện năm 2017
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ổn định	dưới 1%	dưới 1%
2	Duy trì tỷ lệ lao động có việc làm	95%	95%
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt	85%	85%
3	Giữ vững kết quả không có hộ nghèo	duy trì	duy trì
4	Tỷ lệ dân tham gia Bảo hiểm Y tế	100%	100%

(Nguồn: Báo cáo UBND huyện năm 2017)

Theo Bảng 2.16 trên ta thấy kết quả thực hiện năm 2017 huyện Bạch Long Vĩ đã đạt được các chỉ tiêu về xã hội theo kế hoạch đề ra: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên được giữ vững ở dưới mức 1%, duy trì tỷ lệ lao động có việc làm và qua đào tạo, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100% và giữ vững không có hộ nghèo.

2.3.5.1. Về dân cư và tỷ lệ lao động

Theo Bảng 2.17 trên, dân số huyện đảo chưa tính lực lượng quân đội, biên phòng, cảnh sát biển, kiểm ngư (do tính chất bí mật quân sự). Nếu tính tổng số cán bộ, chiến sĩ của các đơn vị này ước vào khoảng 400 người. Như vậy dân số thường trực trên đảo tính cả lực lượng vũ trang cũng vào khoảng trên 1500 người.

Tỷ lệ phụ nữ trên 40%, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động rất lớn, trên 95% số dân toàn đảo. Như vậy, tại đảo số lượng lao động chiếm gần như tối đa, đây là

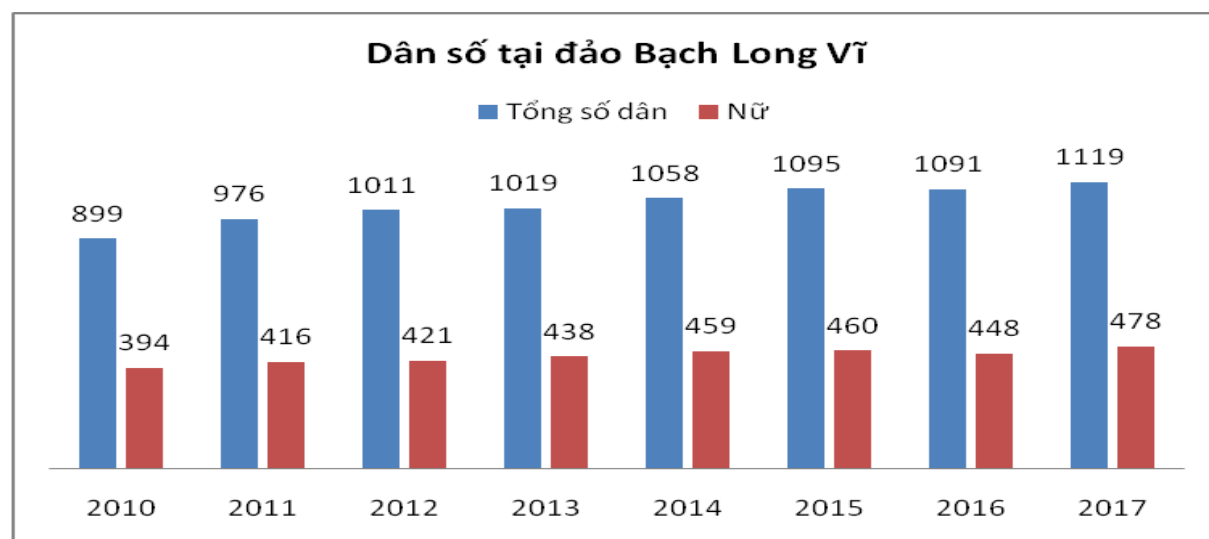
lực lượng lao động chính tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Phần còn lại là người già rất ít, trẻ em trung bình vào khoảng từ 45 đến 50 cháu (từ 1 tuổi đến 10 tuổi). Các cháu học mẫu giáo và tiểu học tại đảo, đủ tuổi học trung học cơ sở là bố mẹ cho các cháu vào đất liền ăn học.

Bảng 2.17. Dân số và tỷ lệ độ tuổi lao động tại huyện đảo

DVT: Người

STT	Năm	Dân số tại đảo	Trong đó Nữ	Tỷ lệ độ tuổi lao động (%)
1	2010	899	394	94,44%
2	2011	976	416	94,9%
3	2012	1011	421	94,6%
4	2013	1019	438	95,1%
5	2014	1058	459	95,3%
6	2015	1095	460	95,5%
7	2016	1091	448	95,4%
8	2017	1119	478	95,54%

(Nguồn: Phòng Thống kê huyện)



Biểu đồ 2.5. Dân số tại đảo Bạch Long Vĩ giai đoạn 2010-2017

Từ năm thành lập huyện Bạch Long Vĩ, huyện đã nhiều lần di dân, cho đến nay đã có 134 hộ dân thường trú với 585 nhân khẩu, ngoài ra huyện còn có 95 hộ dân tạm trú với 205 nhân khẩu và hơn 700 người là cán bộ, công chức, viên chức và

lao động của các cơ quan, đơn vị đứng chân trên đảo, dân cư lưu trú làm nghề tự do. Các hộ dân ra đảo lập nghiệp chủ yếu làm ngư nghiệp, phần nhỏ là những hộ gia đình có chồng là lính đảo, lấy vợ đưa ra đảo lập nghiệp, định cư lâu dài, sinh con, nuôi con ăn học từ nhỏ tại đảo. Đặc biệt, huyện đảo Bạch Long Vĩ không có hộ nghèo.

Dân định cư trên đảo đến từ rất nhiều nơi trong đất liền: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh hóa, Hà Tĩnh, các tỉnh miền núi phía Bắc... Tuy có quê quán từ nhiều nơi song tất cả đều coi Bạch Long Vĩ là quê hương thứ hai của mình. Mọi người sống an bình, tình hình an ninh trật tự luôn ổn định.

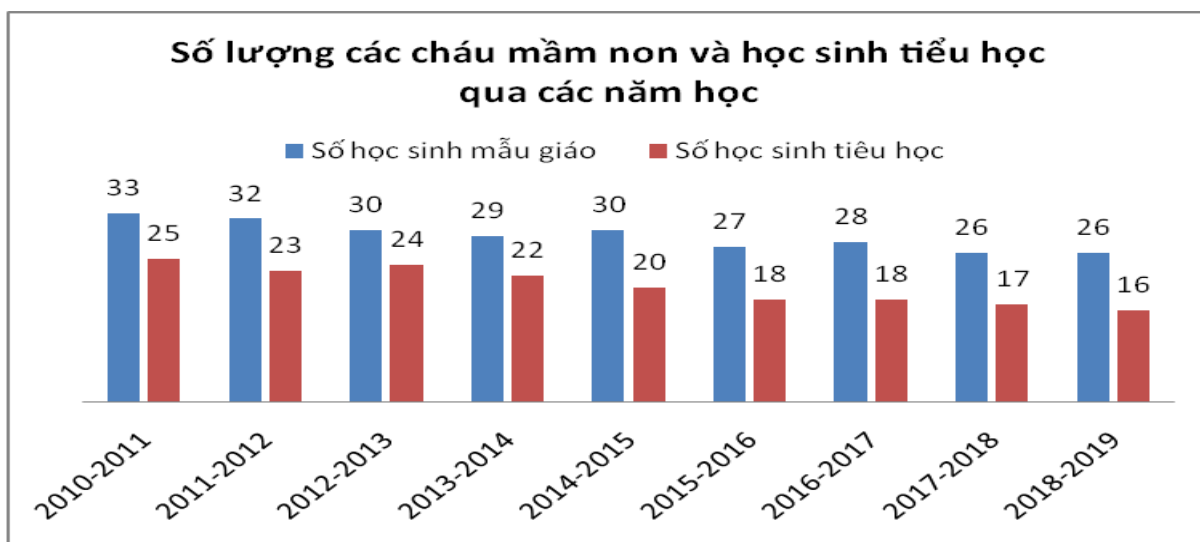
Khu vực cư trú, làm việc cán bộ, dân cư tập trung ở phía Nam của đảo.

2.3.5.2. Về giáo dục - đào tạo

Bảng 2.18. Số lượng các cháu mầm non và học sinh tiểu học các năm học

STT	Năm học	Số học sinh	
		Mẫu giáo	Tiểu học
1	2010-2011	33	25
2	2011-2012	32	23
3	2012-2013	30	24
4	2013-2014	29	22
5	2014-2015	30	20
6	2015-2016	27	18
7	2016-2017	28	18
8	2017-2018	26	17
9	2018-2019	26	16

(Nguồn: Trường Tiểu học – Mẫu giáo huyện)



Biểu đồ 2.6. Số lượng các cháu học sinh mầm non và tiểu học qua các năm

Trường Tiểu học - Mẫu giáo Bạch Long Vĩ là trường phổ thông công lập có hai bậc học là Mầm non và Tiểu học, là cơ sở giáo dục duy nhất tại huyện đảo Bạch Long Vĩ, Thành phố Hải Phòng.

Theo Bảng 2.18, ta thấy số học sinh của Trường rất ít và giảm dần qua các năm học: Năm học 2010-2011 có 33 cháu mầm non thì nay, năm học 2018-2019, chỉ có 26 cháu; năm học 2010-2011 có 25 học sinh tiểu học thì nay, năm học 2018-2019, chỉ có 16 học sinh. Số lượng học sinh giảm dần là do tình hình kinh tế, thu nhập của người dân tăng, gia đình các cháu có điều kiện cho các cháu về đất liền học theo nguyện vọng, với mong muốn các cháu có đầy đủ điều kiện học tập và học tập tốt hơn so với ở đảo, thứ hai là do số hộ dân tăng không đáng kể, tỷ lệ sinh thấp.

Số lượng giáo viên, hợp đồng lao động tính đến ngày thán 6/2018 là: 08 người, cơ bản đáp ứng được hoạt động giảng dạy của nhà trường. Tuy nhiên, Trường Tiểu học – Mẫu giáo huyện chưa có thầy, cô giáo dạy ngoại ngữ cho các cháu. Như vậy là so với đất liền, các cháu học sinh tiểu học tại đảo rất thiệt thòi. Mặc dù các thầy, cô giáo đã cố gắng học hỏi, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ song vẫn còn hạn chế, dẫn đến chất lượng giảng dạy, chất lượng học sinh không cao. Hầu hết các cháu khi học hết bậc tiểu học tại đảo nhưng khi về đất liền học bậc trung học cơ sở đều không theo kịp các bạn trong đất liền.

Về cơ sở hạ tầng nhà trường: Bậc tiểu học có 01 dãy nhà 2 tầng với 05 phòng học và các phòng chức năng. Năm 2011, Công ty tàu dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine) đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) đã trao tặng và khánh thành khu nhà dành cho bậc mầm non, có 03 phòng học, thực hành, 01 bếp ăn, với số vốn đầu tư 03 tỷ đồng. Với số lượng học sinh bậc tiểu học và bậc mầm non thì cơ sở hạ tầng nhà trường đáp ứng được nhu cầu học tập cũng như giảng dạy.

Về cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy của trường còn nhiều thiếu thốn, không có phòng máy vi tính cho các cháu thực hành.

2.3.5.3. Vệ y tế

Bảng 2.19. Số lượng bệnh nhân được khám chữa bệnh tại đảo

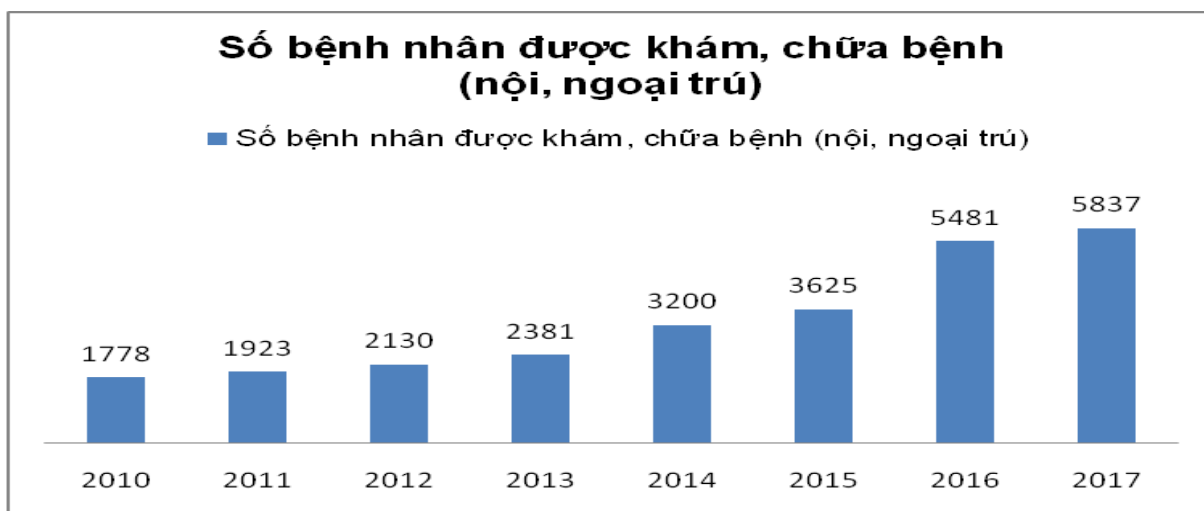
DVT: Lượt người

STT	Năm	Số giường bệnh	Số bệnh nhân được khám, chữa bệnh (nội, ngoại trú)	Số ca cấp cứu	Số bệnh nhân chuyển về đất liền (chuyển tuyến trên)
1	2010	20	1778	01	0
2	2011	20	1923	03	16
3	2012	20	2130	14	0
4	2013	20	2381	02	0
5	2014	20	3200	03	13
6	2015	20	3625	01	18
7	2016	20	5481	05	0
8	2017	20	5837	02	01

(Nguồn: Trung tâm y tế quân dân y Bạch Long Vĩ)

Theo Bảng 2. Trên, ta thấy số lượng bệnh nhân ngày một tăng, năm 2017 có 5837 bệnh nhân được khám, chữa bệnh, gấp 3,3 lần so với năm 2010 (có 1778 bệnh nhân). Số ca cấp cứu nhiều nhất 14 ca trên 01 năm, chủ yếu là ngư dân do tai nạn nghề nghiệp hoặc ngộ độc hải sản; số bệnh nhân chuyển tuyến không nhiều (do

bệnh nặng, cán bộ, quân, dân trực tiếp vào đất liền thăm khám) trừ trường hợp bất ngờ xảy ra do tai nạn lao động (chủ yếu là ngư dân).



Biểu đồ 2.7. Số bệnh nhân được khám chữa bệnh

Năm 2016, Bệnh viện đa khoa huyện được UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định thành lập Trung tâm Y tế Quân dân y Bạch Long Vĩ, được đầu tư bổ sung một số trang thiết bị, công tác quân dân y kết hợp đã được đẩy mạnh. Đặc biệt Trung tâm y tế quân dân y luôn được tăng cường bổ sung các bác sỹ có tay nghề cao của Bệnh viện Việt Tiệp, Kiến An và Quân Y 5 theo Đề án 1816 năm 2008 của Bộ Y tế nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở tuyến dưới [53].

Về cơ sở hạ tầng, Trung tâm y tế quân dân y năm 2012 được sửa chữa, đầu tư xây dựng mới khu nhà 2 tầng với quy mô 20 giường bệnh, và các phòng chức năng. Trang thiết bị y tế tuy chưa đầy đủ và hiện đại nhưng cũng đã có: Máy chụp Xquang cao tần tổng hợp, máy siêu âm, sinh hóa máu... Năm 2017, Trung tâm y tế quân dân y đã được cải tạo, nâng cấp thêm khu nhà 3 tầng chức năng khoa khám bệnh với giá trị đầu tư: 4,982 tỷ đồng, góp phần tăng cường cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

Về đội ngũ y bác sỹ: Hiện Trung tâm y tế quân dân y có 04 bác sỹ, 05 y sỹ, 04 y tá, 01 nữ hộ sinh, 01 dược sỹ, 01 kế toán. Mặc dù lực lượng và trình độ y, bác sỹ còn hạn chế nhưng Trung tâm y tế quân dân y Bạch Long Vĩ luôn nêu cao tinh thần cứu người là trên hết nên hiện nay, cơ bản đáp ứng được số lượng bệnh nhân. Tuy

nhiên, trong thời gian tới nếu số lượng bệnh nhân vượt quá con số 8000 người thì Trung tâm y tế quân dân y Bạch Long Vĩ cần phải tăng cường y bác sĩ và số giường bệnh nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

2.3.5.4. Về hóa văn nghệ, thể dục thể thao

Chính quyền huyện luôn phối hợp với các tổ chức đoàn thể tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nhất là các dịp lễ, tết, các đoàn công tác ở đất liền ra thăm, giao lưu với cán bộ, quân dân huyện đảo.

Trong đó, Huyện đoàn Bạch Long Vĩ có đội văn nghệ xung kích luôn sẵn sàng phục vụ nhu cầu văn nghệ của các cơ quan, đơn vị và đặc biệt là giao lưu văn nghệ với du khách ra thăm đảo.

2.3.5.5. Về văn hóa tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo

Huyện đảo Bạch Long Vĩ cũng giống như bao làng quê Việt Nam trong đất liền, có đền, có chùa, có lầu phật, là nơi tuần rằm, mùng một cán bộ, quân, dân và ngư dân các tỉnh đến thắp hương, cầu khẩn cho huyện đảo ngày càng phát triển, cán bộ, quân, dân có sức khỏe, công tác, làm ăn buôn bán thuận lợi, tàu thuyền đầy ắp cá tôm.

Tết nguyên đán nghi ngút khói hương, tiếng cười, nói rộn ràng một góc đảo, những chàng trai, cô gái chơi các trò chơi dân gian như kéo co, bịt mắt đập bóng vui khôn tả. Anh em cán bộ, quân dân chúc nhau từng chén rượu, tay bắt, mặt mừng phấn khởi chào đón một mùa xuân mới tràn đầy hạnh phúc giữa biển đảo quê hương.

Đảo không có người theo tôn giáo, không có tổ chức tôn giáo, chỉ có chùa, lầu phật, đền thờ Đức Thánh Trần là nơi trấn giữ mảnh đất linh thiêng của tổ quốc.

2.3.5.6. Về công tác bảo hiểm xã hội: Thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tự nguyện, cấp thẻ BHYT cho nhân dân đang sinh sống trên địa bàn huyện theo đúng quy định. Năm 2017, thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tự nguyện đạt trên 2,1 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch được giao, cấp 323 thẻ BHYT cho nhân dân đang sinh sống trên địa bàn huyện với tổng số tiền trên 203

triệu đồng, ký hợp đồng khám chữa bệnh năm 2017 cho 54 trẻ em dưới 6 tuổi với số tiền gần 37 triệu đồng. Bảo hiểm xã hội thành phố, huyện đã hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn. Các hoạt động thu, chi bảo hiểm đảm bảo đúng đối tượng, chính sách và kịp thời.

** Điểm mạnh về văn hóa xã hội:*

- Có tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động lớn (trên 95%).

- Thường xuyên giao lưu văn nghệ với các đoàn khách từ đất liền ra đảo; hoạt động thể thao luôn luôn được tổ chức, tạo niềm vui, hứng khởi cho cán bộ, quân và dân huyện đảo, góp phần thắt kết tình quân dân, tình yêu biển đảo quê hương, tô đẹp thêm bức tranh về kinh tế - văn hóa xã hội huyện.

** Điểm yếu về văn hóa xã hội:*

- Sức ép về công văn việc làm lớn do nguồn lợi thủy sản ngày một cạn kiệt; dịch vụ hậu cần nghề cá giảm do số lượng ngư dân lên đảo ít hơn trước.

- Chưa tổ chức được lễ hội truyền thống của đảo

- Trình độ, kiến thức giảng dạy của các thầy, cô giáo còn hạn chế (do đảo xa đất liền nên các thầy cô giáo không thường xuyên được giao lưu, học hỏi kinh nghiệm), nhất là các cháu còn nhiều thiệt thòi do nhà trường chưa có thầy, cô giáo dạy ngoại ngữ, chưa có phòng máy vi tính.....

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, chữa bệnh của Trung tâm y tế quân dân y còn ít, lạc hậu; trình độ chuyên môn các y, bác sỹ còn hạn chế, nguyên nhân là do nhà nước, thành phố chưa thực sự đầu tư, số lượng bệnh nhân cấp cứu còn ít nên các y, bác sỹ không thường xuyên tiếp xúc dẫn đến thiếu kinh nghiệm, ít cọ sát trong quá trình thăm, khám bệnh nhân.

2.3.6. Về áp dụng khoa học công nghệ

Việc áp dụng khoa học công nghệ tại đảo thực sự “nghèo nàn, lạc hậu”. Đây là mấu chốt sự phát triển kinh tế - xã hội, tuy nhiên về nhận thức của lãnh đạo

huyện chưa thật sự quan tâm. Từ năm 2010 đến nay hầu như không áp dụng nhiều phục vụ nhu cầu cuộc sống của cán bộ, quân, dân huyện đảo. Ngoài các máy phát điện được đầu tư từ lâu; khu trại giống bào ngư thử nghiệm xong bỏ hoang; nhà đốt rác trên Tiểu đoàn phòng thủ đảo bỏ hoang.

2.3.7. Về quốc phòng, an ninh

Trên địa bàn huyện, hiện có các lực lượng vũ trang: Tiểu đoàn phòng thủ đảo, Trạm Rada 27 (rada phòng không), Trạm Rada 490 (rada mặt biển), Trạm Trinh sát kỹ thuật, Trạm Cảnh sát biển, Đồn Biên phòng Bạch Long Vĩ, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Công an huyện.

- *Về công tác quân sự – quốc phòng*: Các đơn vị LLVT trên địa bàn huyện hàng năm tổ chức triển khai thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, đảm bảo an toàn mọi mặt về người và vũ khí trang bị, thực hiện tốt công tác trực sẵn sàng chiến đấu, xử lý các tình huống, không để bị động, bất ngờ xảy ra, đặc biệt là trong các dịp lễ, tết, các đoàn công tác của lãnh đạo trung ương ra đảo. Triển khai giao ban công tác đóng quân canh phòng hàng quý và tổng kết công tác quân sự quốc phòng - địa phương để đề ra phương hướng nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo thực hiện tốt công tác quân sự - quốc phòng địa phương hàng năm.

- *Về công tác bảo vệ chủ quyền biển, đảo*: Luôn thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa các đơn vị LLVT trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ trong công tác cảnh giới vùng trời và bảo vệ chủ quyền biển đảo, tăng cường công tác tuần tra kiểm soát trên biển. Giai đoạn 2011-2017, đã phát hiện 5.608 lượt tàu cá Trung Quốc vi phạm chủ quyền, khai thác trộm hải sản cách đảo từ 2 - 15 hải lý.

- *Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội*: Công an huyện thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp với các lực lượng trong đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn các dịp lễ, Tết, đón các đoàn khách ra thăm và làm việc tại đảo; làm tốt công tác bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ nội bộ; công tác tuần tra, kiểm soát, phòng ngừa tội phạm, tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm, nghiên cứu xây dựng, triển khai mô hình “Bạch Long Vĩ - Đảo bình

yên - Bền vững” nhằm nâng cao hiệu quả phong trào "Toàn dân bảo vệ ANTQ" và xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Công tác đảm bảo trật tự ATGT, quản lý nhân khẩu được duy trì tốt. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

- *Công tác phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn*: Được chuẩn bị theo phương châm 4 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ). Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện luôn chủ động xây dựng kế hoạch, điều chỉnh bổ sung các phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất, lương thực dự trữ phù hợp với tình hình thời tiết, mưa bão hàng năm. Giai đoạn 2009-10/2018: đã triển khai phòng chống 25 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào đảo; cứu hộ 13 phương tiện với 93 thuyền viên gặp nạn trên khu vực biển Bạch Long Vĩ. Năm 2016, huyện đã chỉ đạo Ban chỉ huy PCTT&TKCN huyện, các đơn vị lực lượng vũ trang và ngư dân trên địa bàn tích cực phối hợp với các lực lượng tìm kiếm cứu nạn của Bộ Quốc phòng, sở ngành thành phố tổ chức tìm kiếm cứu nạn máy bay SU-30MK2 và CASA 212 gặp nạn trên khu vực biển Bạch Long Vĩ.

Đối với Trạm Tìm kiếm cứu nạn Bạch Long Vĩ, hiện được giao cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện quản lý. Trạm được thành lập từ năm 2015 đến nay, tuy nhiên, trang thiết bị của Trạm (gồm 04 xuồng máy nhỏ) chưa lắp máy, chưa chạy thử bao giờ.

- *Công tác phòng cháy chữa cháy*: Luôn coi trọng công tác phòng chống cháy rừng và cháy nổ tại khu vực Âu cảng Tây Nam (luôn thường trực 05 tàu xăng dầu với khối lượng hơn 90 tấn), khu vực dân cư và các cơ quan, đơn vị. Đội Cảnh sát PCCC Bạch Long Vĩ đã chủ động phối hợp với Đoàn Biên phòng, Công an huyện, Ban quản lý Cảng và khu neo đậu tàu tiến hành kiểm tra công tác đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy các phương tiện neo đậu trong khu vực Âu Cảng; tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các hộ kinh doanh trên địa bàn đầu tư trang bị các hệ thống an toàn phòng cháy chữa cháy.

* *Điểm mạnh:* Đảo Bạch Long Vĩ, đảo tiền tiêu của tổ quốc, biên giới trên biển nên tại đây hội tụ hầu như đầy đủ các đơn vị LLVT đóng quân trên đảo; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các LLVT trong công tác cảnh giới vùng trời và bảo vệ chủ quyền biển đảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

* *Điểm yếu:* Các trang thiết bị phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy còn thiếu rất nhiều; các tàu xăng dầu neo đậu thường trực trong âu cảng là mối nguy hại vô cùng lớn nếu xảy ra cháy, nổ.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã phân tích môi trường bên ngoài, môi trường bên trong huyện Bạch Long Vĩ. Với những cơ hội, nguy cơ đe dọa với huyện đảo, những điểm mạnh, điểm yếu của huyện đảo, từ đó ta đưa ra được các phương án chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện đảo. Từ thực tế, từ cái nhìn nhận của tác giả, tác giả nhận thấy huyện đảo Bạch Long Vĩ còn rất nhiều việc phải làm, vì có quá nhiều điểm yếu nội tại cần phải khắc phục nếu muốn phát triển đi lên trong thời gian tới. Tác giả nghiên về **Phương án chiến lược W-O**: Tận dụng những cơ hội bên ngoài nhằm khắc phục các điểm yếu của huyện đảo.

Trên cơ sở dự báo tương lai của huyện đảo với cái tâm mở, chương 2 này sẽ là cơ sở để xác định tầm nhìn, mục tiêu lựa chọn phương án phù hợp nhất và giải pháp tổ chức thực hiện tại chương 3.

CHƯƠNG 3

ĐỀ XUẤT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

HUYỆN BẠCH LONG VĨ ĐẾN NĂM 2030

3.1. Nhận dạng các phương án chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho huyện Bạch Long Vĩ

3.1.1. Ma trận SWOT các căn cứ chiến lược phát triển của huyện Bạch Long Vĩ

Bảng: 3.1. Ma trận SWOT các căn cứ chiến lược của huyện Bạch Long Vĩ

Các điểm mạnh (Strengths) của huyện đảo:	Các điểm yếu (Weaknesses) của huyện đảo:
<ul style="list-style-type: none">- Đảo có địa hình cao (61,5m) nên có thể che chắn gió cho các tàu thuyền neo đậu an toàn.- Đất đai phì nhiêu, thích hợp với nhiều loại cây ăn trái (Bưởi, cam, đu đủ, chuối, na, ổi và các loại rau, củ, quả....)- Có cảnh quan thiên nhiên đẹp với các hệ sinh thái đa dạng các loài, trong đó có nhiều loài mang lại giá trị kinh tế cao.- Bộ máy Đảng – đoàn thể, chính quyền nhân dân tinh gọn;- Số lượng nam giới đông, có sức khỏe, chịu sóng gió tốt khi đi lại giữa đảo và đất liền công tác.- Hệ thống trụ sở các cơ quan, đơn vị tương đối khang trang, diện mạo huyện đảo từ khi thành lập đến nay có nhiều sự thay	<ul style="list-style-type: none">- Hệ sinh thái rừng trên đảo hiện nay nghèo nàn về chủng loại thực vật và động .- Trình độ đào tạo theo hình thức tại chức, từ xa nhiều, người học chính quy, tập trung ít; ngay cả đối với cán bộ lãnh đạo cao nhất.- Chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ, công chức còn yếu, không chuyên nghiệp, hiệu quả công việc chưa cao.- Số cán bộ lãnh đạo thay đổi, luân chuyển công tác quá nhiều, quá nhanh dẫn đến tư duy lãnh đạo theo nhiệm kỳ, theo ý chí chủ quan của từng người.- Một số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ quan nhà nước chưa thực sự yên tâm công tác tại đảo.

<p>đôi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống giao thông trên đảo cơ bản thuận tiện; - Hệ thống lưới điện được chôn ngầm dưới đất vừa đảm bảo an toàn khi có gió mùa lớn, bão vừa không gây mất mỹ quan. - Có hệ thống viễn thông (Trạm của Vinaphone, trạm Viettel) cung cấp mạng di động và internet cơ bản tốt. - Diện tích đảo nhỏ (khoảng 2,5km²), huyện đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 nên việc thực hiện, quản lý, giám sát các hoạt động về xây dựng, quản lý nhân khẩu, phòng dịch bệnh, quản lý lưới điện, ...trên địa bàn được thuận lợi, đảm bảo tốt an ninh trật tự. - Có khu vực bảo tồn biển, được bảo vệ nghiêm ngặt bởi Ban Quản lý khu bảo tồn biển, tạo điều kiện bảo vệ nguồn lợi hải sản đa dạng, phong phú của đảo. - Tiềm lực kinh tế các hộ dân, cá nhân đầu tư tàu dịch vụ vận chuyển, cung cấp nhu yếu phẩm, xăng dầu, nước ngọt tại đảo lớn. - Số lượng nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống, giải trí lớn so với diện tích đảo. - Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động rất lớn, trên 95% số dân toàn đảo. - Thường xuyên giao lưu văn nghệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện điện năng chưa đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của toàn thể cán bộ, quân, dân và phục vụ các dịch vụ vui chơi, giải trí, phục vụ sản xuất, chế biến thủy sản; - Nguồn nước ngọt hạn chế chưa đảm bảo phục vụ dân sinh và sản xuất; chưa có hệ thống cung cấp nước ngọt hoàn chỉnh từ nguồn đến tận các cơ quan, đơn vị và các khu dân cư; chưa có hệ thống lọc nước biển thành nước ngọt. - Chưa có hệ thống xử lý nước thải, rác thải gây ô nhiễm môi trường huyện đảo. - Còn khó khăn về giao thông giữa đảo và đất liền, chưa có tàu chịu sóng gió nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại cũng như đảm bảo an toàn cho cán bộ, quân, dân và du khách. - Huyện chưa thu hút được các nhà đầu tư quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng nghỉ dưỡng, các khu vui chơi giải trí phục vụ du khách mang tầm cỡ khu vực; - Hiện chưa có cơ sở hạ tầng hậu cần nghề cá. Khu hậu cần nghề cá, khu chế biến cá cũ bị bỏ hoang, chưa có phương án di dời, thu hồi để lấy lại quỹ đất sử dụng. - Do nằm xa đất liền, ảnh hưởng bởi thời tiết nên rất khó khăn trong việc
---	--

<p>với các đoàn khách từ đất liền ra đảo; hoạt động thể thao luôn luôn được tổ chức, tạo niềm vui, hứng khởi cho cán bộ, quân và dân huyện đảo, góp phần thắt kết tình quân dân, tình yêu biển đảo quê hương, tô đẹp thêm bức tranh về kinh tế - văn hóa xã hội huyện.</p> <p>- Đảo Bạch Long Vĩ, đảo tiền tiêu của tổ quốc, biên giới trên biển nên tại đây hội tụ hầu như đầy đủ các đơn vị LLVT đóng quân trên đảo; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các LLVT trong công tác cảnh giới vùng trời và bảo vệ chủ quyền biển đảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.</p>	<p>chuyên chở vật liệu xây dựng từ đất liền ra đảo, không đảm bảo thời gian thi công các công trình, dự án.</p> <p>- Huyện không phát triển được lĩnh vực công nghiệp, không tạo ra được sản phẩm từ nguồn lợi thủy sản (các sản phẩm chế biến từ hải sản).</p> <p>- Sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ; thủy sản chủ yếu là đánh bắt ven bờ, chưa vươn khơi.</p> <p>- Huyện không có đội quản lý thị trường nên hàng hóa tràn ra đảo khó kiểm soát, trong đó có những hàng hóa kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái.</p> <p>- Nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải trí hầu hết là nhỏ, không tiện nghi, giá cả còn dao động lớn, phong cách phục vụ không chuyên nghiệp, số phòng nghỉ tại đảo là rất thiếu so với nhu cầu.</p> <p>- Chưa có dịch vụ ngân hàng tại đảo nên cán bộ, quân, dân và ngư dân gặp nhiều khó khăn khi cần các giao dịch liên quan đến tiền: Gửi, vay, rút tiền, lưu chuyển tiền....</p> <p>- Cả 02 cảng cá của huyện chưa đáp ứng tiêu chí cảng cá loại I, khu tránh trú bão cấp vùng. Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa qua cảng còn lạc hậu, thiếu thôn trang thiết bị.</p>
--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nguồn vốn nhà nước hiệu quả mang lại không cao khi đầu tư một số công trình, dự án xét về công năng là chưa cần thiết hoặc đầu tư dàn trải, không tập trung, làm lãng phí nguồn vốn. Chi cho đầu tư xây dựng cơ bản của huyện khá khiêm tốn, chỉ bằng 1/8 tổng chi ngân sách. - Sức ép dân số lên công ăn việc làm lớn do nguồn lợi giảm, tàu vào đảo ít hơn. - Chưa tổ chức được lễ hội truyền thống của đảo. - Trình độ, kiến thức giảng dạy của các thầy, cô giáo còn hạn chế; chưa có thầy, cô giáo dạy ngoại ngữ, chưa có phòng máy vi tính..... - Cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, chữa bệnh của Trung tâm y tế quân dân y còn ít, lạc hậu; trình độ chuyên môn các y, bác sỹ còn hạn chế. - Khoa học công nghệ áp dụng phục vụ nhu cầu cuộc sống của cán bộ, quân, dân huyện đảo hạn chế. - Các trang thiết bị phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy còn thiếu rất nhiều; các tàu xăng dầu neo đậu thường trực trong âu cảng là mối nguy hại vô cùng lớn nếu xảy ra cháy, nổ.
Các cơ hội (Opportunities) đối với	Các nguy cơ (Threats) sẽ ảnh hưởng

huyện đảo:	đến huyện đảo:
<p>- Là đảo tiền tiêu của tổ quốc, án ngữ phía Đông, biên giới trên biển, có vị trí quan trọng, được Đảng, Nhà nước, thành phố Hải Phòng quan tâm đặc biệt, tương lai sẽ được đầu tư nhiều hơn.</p> <p>- Là huyện trực thuộc thành phố Hải Phòng, thành phố cảng quan trọng, trung tâm công nghiệp, kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục, khoa học, thương mại và công nghệ của Vùng duyên hải Bắc Bộ. Đây là thành phố lớn thứ 3 Việt Nam, là thành phố lớn thứ 2 miền Bắc sau Hà Nội và là một trong 5 thành phố trực thuộc trung ương, đô thị loại 1 trung tâm cấp quốc gia. nên huyện Bạch Long Vĩ có lợi thế vô cùng lớn.</p> <p>- Đảo nằm trên một trong tám ngư trường lớn của vịnh Bắc Bộ, ngư trường Bạch Long Vĩ có hệ sinh thái phong phú, đa dạng với trữ lượng cá lớn nhất vịnh, có đặc sản bào ngư, loại hải sản này giàu chất dinh dưỡng và đặc biệt nổi tiếng.</p> <p>- Đảo có một vị trí trung tâm, cách điểm du lịch ven bờ như: Cô Tô, Hạ Long, Cát Bà, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Trà Cổ trong tầm bay 1 - 1^h30' bằng máy bay. Các tàu du lịch lữ hành có thể ghé vào đảo trong các hành trình xuyên biển; Nhiệt độ mùa đông thường ấm hơn so với đất liền khoảng 1^oc,</p>	<p>- Do đảo có vị trí đơn độc giữa Vịnh Bắc Bộ nên khi gặp thiên tai, đảo dễ bị cô lập.</p> <p>- Lượng mưa ít, thiếu nước sinh hoạt vào các tháng khô hạn trong năm.</p> <p>- Độ mặn trong không khí cao làm cho máy móc và các thiết bị điện tử dễ nhanh hỏng.</p> <p>- Gió mùa lớn kéo dài, các cơn bão lớn tàn phá đảo, ảnh hưởng đến đời sống cán bộ, quân, dân huyện đảo, gây thiệt hại không nhỏ về tài sản vật chất, vật nuôi, hoa màu, thậm chí là con người.</p> <p>- Tình trạng khai thác quá đà, mất kiểm soát, khai thác bằng cách sử dụng các công cụ tận thu như xung điện, dãn cào, hóa chất xianua....khiến nguồn lợi hải sản cạn kiệt.</p> <p>- Do nguồn lợi cạn kiệt, số lượng tàu khai thác tại ngư trường Bạch Long Vĩ vào đảo sử dụng dịch vụ giảm ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế huyện đảo.</p> <p>- Các tôn giáo, tín ngưỡng trái quy định của pháp luật, các yếu tố văn hóa ngoại lai, các loại hình văn hóa không phù hợp sẽ xâm nhập vào đảo nếu như kiểm soát không chặt chẽ.</p> <p>- Chiến tranh thương mại giữa Mỹ với</p>

<p>vào mùa hè do đảo không bị che chắn nên không khí mát hơn đất liền, phù hợp với phát triển dịch vụ du lịch. Như vậy, đảo sẽ là một trong những điểm đến trong quần thể các đảo du lịch hấp dẫn du khách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số giờ nắng, lượng gió, sức gió trong năm cao nên rất phù hợp phát triển nguồn năng lượng mặt trời, năng lượng gió. - Khi gió mùa lớn kéo dài các tàu thuyền từ các tỉnh miền trong đánh bắt hải sản ngư trường Bạch Long Vĩ vào âu tàu tránh trú gió sẽ giúp dịch vụ hậu cần nghề cá và các dịch vụ khác như ăn uống, vui chơi, giải trí phát triển. - Tài nguyên dầu khí thềm lục địa trong tương lai sẽ được khai thác. - Tình hình an ninh chính trị ổn định, quốc phòng được đảm bảo do đảo nằm ở vị trí đã được phân định bằng Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc. - Hội nhập quốc tế sâu rộng là điều kiện tiên quyết để giúp kinh tế đất nước, kinh tế thành phố Hải Phòng phát triển nhanh, từ đó tác động gián tiếp đến huyện đảo nhằm xúc tiến và quảng bá thương mại, du lịch, dịch vụ hậu cần nghề cá đặc biệt là thương hiệu bào ngư Bạch Long Vĩ ra thị trường khu vực và thế giới. 	<p>Trung Quốc có ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam, thành phố Hải Phòng do đó đầu tư có thể sẽ sụt giảm đối với huyện đảo.</p>
---	---

<p>Khoa học công nghệ đất nước phát triển, là cơ hội để đầu tư cho huyện đảo các hạng mục công trình phục vụ đời sống nhân dân như áp dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng thủy sản, năng lượng mặt trời, điện gió, hệ thống xử lý rác thải, nước thải; hệ thống lọc nước</p>	
--	--

3.1.2. Nhận dạng các phương án chiến lược phát triển cho huyện đảo Bạch Long Vĩ

Phương án chiến lược S-O: Tận dụng điểm mạnh của huyện đảo Bạch Long Vĩ để khai thác những cơ hội bên ngoài. Cụ thể:

- Tận dụng cảnh quan thiên nhiên đẹp với các hệ sinh thái đa dạng các loài, trong đó có nhiều loài mang lại giá trị kinh tế cao nhằm khai thác sự quan tâm của trung ương và thành phố đầu tư nguồn vốn phát triển dịch vụ du lịch, nông nghiệp-thủy sản.

- Tận dụng hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông (Trạm của Vinaphone, trạm Viettel) cung cấp mạng di động và internet cơ bản tốt để khai thác cơ hội nhằm xúc tiến và quảng bá thương mại, du lịch, dịch vụ hậu cần nghề cá đối với Bạch Long Vĩ ra thị trường khu vực và cả nước khi đất nước, thành phố hội nhập sâu rộng.

- Tận dụng Tiềm lực kinh tế các hộ dân, cá nhân đầu tư tàu dịch vụ vận chuyển, cung cấp nhu yếu phẩm phục vụ khai thác dịch vụ du lịch, dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Tận dụng việc bảo tồn biển, bảo vệ nghiêm ngặt nguồn lợi hải sản đa dạng, phong phú của đảo; tận dụng số lượng nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống, giải trí lớn; tận dụng thế mạnh về giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao với các đoàn khách; tận dụng dân số trong độ tuổi lao động rất lớn, trên 95% số dân toàn đảo để khai thác phát triển dịch vụ du lịch.

Phương án chiến lược W-O: Tận dụng những cơ hội bên ngoài nhằm khắc phục các điểm yếu của huyện đảo.

- Tận dụng sự quan tâm đặc biệt của trung ương và thành phố, tham mưu nhằm đưa ra các chính sách đặc biệt, giúp huyện đảo có được một số cơ hội để khắc phục điểm yếu, cụ thể như sau:

+ Thu hút được các nhà đầu tư quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng nghỉ dưỡng, các khu vui chơi giải trí phục vụ du khách mang tầm cỡ khu vực;

+ Mở chi nhánh ngân hàng tại đảo giúp khách du lịch, cán bộ, quân, dân và ngư dân có thể thuận tiện trong sử dụng dịch vụ liên quan đến tiền: Gửi, vay, rút tiền, lưu chuyển tiền....

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá trên cơ sở khu hậu cần nghề cá cũ bị bỏ hoang, mà hiện nay chưa có phương án di dời. Đây cũng là điều tháo gỡ cho mối nguy hiểm vô cùng lớn khi các tàu chở xăng dầu cung cấp cho các tàu cá luôn thường trực trong âu cảng nếu xảy ra cháy, nổ.

+ Cho vay vốn đối với những hộ dân trên đảo đóng tàu cá có công xuất lớn để vươn khơi, đánh bắt thủy sản.

+ Xây dựng Trung tâm nghiên cứu, nuôi trồng hải sản tại đảo, chủ yếu là bào ngư, ốc nón và hải sâm.

+ Tạo điều kiện thành lập đội quản lý thị trường trong biên chế nhà nước để thực hiện chức năng kiểm tra hàng hóa xuất, nhập, xử lý những hàng hóa kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái.

+ Đầu tư xây dựng cả 02 cảng cá của huyện đáp ứng tiêu chí cảng cá loại I, khu tránh trú bão cấp vùng.

+ Cấp vốn để huyện đưa tàu “Hoa phượng đỏ” vào sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại cũng như đảm bảo an toàn cho cán bộ, quân, dân và du khách.

+ Đầu tư trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy chuyên nghiệp, giúp huyện đảo chủ động trong công tác phòng cháy chữa cháy, nhất là trong âu cảng, các tàu

cung cấp xăng dầu với hàng trăm tấn neo đậu cùng các tàu cá, tàu vận tải.... rất dễ xảy ra cháy nổ gây sẽ thiệt hại vô cùng lớn.

- Tận dụng khoa học công nghệ đất nước phát triển, là cơ hội để đầu tư cho huyện đảo các hạng mục công trình phục vụ đời sống nhân dân như áp dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng thủy sản, năng lượng mặt trời, điện gió, hệ thống xử lý rác thải, nước thải; hệ thống lọc nước

+ Với lợi thế số giờ nắng, lượng gió, sức gió trong năm cao, có thể đầu tư công nghệ cung cấp điện năng (điện sức gió, điện mặt trời kết hợp điện máy phát diesel) đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của toàn thể cán bộ, quân, dân và phục vụ các dịch vụ vui chơi, giải trí, phục vụ sản xuất, chế biến thủy sản;

+ Đầu tư xây dựng hoàn thiện Hồ chứa nước ngọt, các công trình thủy lợi đi kèm, hệ thống lọc nước biển thành nước ngọt để đảm bảo nguồn nước ngọt phục vụ dân sinh và sản xuất.

+ Đầu tư hệ thống xử lý nước thải, rác thải tránh gây ô nhiễm môi trường huyện đảo.

- Tận dụng sự quan tâm đặc biệt của trung ương và thành phố nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, chính quyền; các y, bác sĩ của Trung tâm y tế quân dân y; các thầy, cô giáo của Trường Tiểu học – Mẫu giáo huyện.

- Tận dụng sự quan tâm đặc biệt của trung ương và thành phố nhằm đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị dạy học cho Trường Tiểu học – Mẫu giáo và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế quân dân y, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân và yêu cầu giảng dạy của các thầy cô giáo cũng như nhu cầu học tập của các cháu học sinh.

- Tận dụng đảo Bạch Long Vĩ nằm trên một trong tám ngư trường lớn của vịnh Bắc Bộ, ngư trường Bạch Long Vĩ có hệ sinh thái phong phú, đa dạng với trữ lượng cá lớn nhất vịnh, có đặc sản bào ngư, loại hải sản này giàu chất dinh dưỡng và đặc biệt nổi tiếng nhằm tạo ra được sản phẩm từ nguồn lợi thủy sản (các sản phẩm chế biến từ hải sản).

- Với tình hình an ninh chính trị trong nước ổn định, quốc phòng được đảm bảo, đảo nằm ở vị trí đã được phân định bằng Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc nên khu vực biển Vịnh Bắc Bộ cơ bản ổn định, tương lai sẽ không xảy ra các tranh chấp cùng với sự quan tâm đặc biệt của trung ương và thành phố sẽ giúp cho cán bộ, nhân dân yên tâm bám đảo, ngư dân yên tâm bám ngư trường khai thác hải sản.

- Tận dụng vị trí trung tâm của đảo, cách điểm du lịch ven bờ như: Cô Tô, Hạ Long, Cát Bà, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Trà Cổ trong tầm bay 1 - 1^h30' bằng máy bay. Các tàu du lịch lữ hành có thể ghé vào đảo trong các hành trình xuyên biển.; nhiệt độ mùa đông thường ấm hơn so với đất liền khoảng 1^oc, vào mùa hè do đảo không bị che chắn nên không khí mát hơn đất liền, phù hợp với phát triển dịch vụ du lịch. Đảo sẽ là một trong những điểm đến trong quần thể các đảo du lịch hấp dẫn du khách. Khi du khách đến với đảo nhiều lên, cũng đồng nghĩa với việc các dịch vụ phục vụ du khách sẽ phát triển, khắc phục điểm yếu về dịch vụ.

- Sự hội nhập quốc tế sâu rộng đồng nghĩa với việc văn hóa đa dạng, phong phú của các nước trên thế giới được quảng bá đến với Việt Nam, thành phố và huyện đảo, từ đó, huyện đảo Bạch Long Vĩ có thể tìm cho mình một hướng tương đồng để tổ chức lễ hội văn hóa vừa hiện đại vừa mang nét văn hóa truyền thống của dân tộc, một điều hấp dẫn đối với du khách.

Phương án chiến lược S-T: Tận dụng điểm mạnh của huyện đảo nhằm giảm bớt tác động của những nguy cơ từ bên ngoài.

- Tận dụng hệ thống lưới điện được chôn ngầm dưới đất; hệ thống trụ sở các cơ quan, đơn vị, nhà dân tương đối khang trang; hệ thống viễn thông (Trạm của Vinaphone, trạm Viettel) cung cấp mạng di động và internet (qua mạng di động, internet nhân dân dễ dàng nắm bắt được các thông tin thông báo về các cơn bão để phòng tránh) nhằm giảm bớt ảnh hưởng của các cơn bão đổ bộ trực tiếp vào đảo.

- Có khu vực bảo tồn biển, được bảo vệ nghiêm ngặt bởi Ban Quản lý khu bảo tồn biển, tạo điều kiện bảo vệ nguồn lợi hải sản đa dạng, phong phú của đảo,

tránh tình trạng khai thác quá đà, mất kiểm soát, khai thác bằng cách sử dụng các công cụ tận thu như xung điện, dĩa cào, hóa chất xianua...khiến nguồn lợi hải sản cạn kiệt. Đồng thời góp phần khôi phục nguồn lợi, ngư dân đến với ngư trường Bạch Long Vĩ nhiều hơn, vào đảo sử dụng dịch vụ giúp kinh tế huyện đảo phát triển.

- Tận dụng tiềm lực kinh tế các hộ dân, cá nhân đầu tư tàu dịch vụ vận chuyển, cung cấp nhu yếu phẩm, xăng dầu, nước ngọt tại đảo lớn nhằm giảm thiểu sự thiếu nước sinh hoạt vào các tháng khô hạn trong năm do lượng mưa ít.

- Diện tích đảo nhỏ (khoảng 2,5km²), huyện đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 nên việc thực hiện, quản lý, giám sát các hoạt động về xây dựng, quản lý nhân khẩu, phòng dịch bệnh, quản lý lưới điện, ...trên địa bàn được thuận lợi, đảm bảo tốt an ninh trật tự nên giảm thiểu nguy cơ các tôn giáo, tín ngưỡng trái quy định của pháp luật, các yếu tố văn hóa ngoại lai, các loại hình văn hóa không phù hợp xâm nhập vào.

Phương án chiến lược W-T: Khắc phục các điểm yếu của huyện đảo để làm giảm bớt (tránh) nguy cơ từ bên ngoài.

- Khắc phục tình trạng chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức yếu, không chuyên nghiệp, hiệu quả công việc chưa cao; khắc phục tình trạng cán bộ lãnh đạo thay đổi, luân chuyển công tác quá nhiều, quá nhanh dẫn đến tư duy lãnh đạo theo nhiệm kỳ, theo ý chí chủ quan của lãnh đạo; khắc phục tình trạng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ quan nhà nước hay về đất liền, ở đất liền quá lâu, xa rời quần chúng nhân dân (do chưa thực sự yên tâm công tác tại đảo), giúp cơ quan quản lý nhà nước làm việc có hệ thống, phối hợp hiệu quả hơn trong thực thi công vụ, tránh tình trạng buông lỏng quản lý, kiểm soát, giúp giảm bớt nguy cơ khai thác thủy sản quá đà, mất kiểm soát, khai thác bằng cách sử dụng các công cụ tận thu như xung điện, dĩa cào, hóa chất xianua...khiến nguồn lợi hải sản cạn kiệt, giúp quản lý tốt về văn hóa xã hội, tránh cho các tôn giáo, tín ngưỡng trái quy định của pháp luật, các yếu tố văn hóa ngoại lai, các loại hình văn hóa không phù hợp xâm nhập vào đảo.

- Áp dụng khoa học, công nghệ vào hệ thống cung cấp điện năng, cung cấp nước, khắc phục tình trạng thiếu điện năng, chưa đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của toàn thể cán bộ, quân, dân và phục vụ các dịch vụ vui chơi, giải trí trên đảo; khắc phục tình trạng thiếu nước ngọt, chưa đảm bảo phục vụ dân sinh và sản xuất tránh nguy cơ thiếu nước trầm trọng vào các tháng khô hạn trong năm, đảm bảo nguồn điện cung cấp liên tục cho các máy móc thiết bị tránh ảm đạm hồng hóc.

- Sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí trong giai đoạn các nền kinh tế thế giới đang xảy ra mâu thuẫn, xung đột lợi ích kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam, kinh tế Hải Phòng và huyện đảo.

Trong 04 phương án nêu trên, **phương án W-O** là phương án khả thi nhất do: Như đã phân tích môi trường bên ngoài, môi trường bên trong huyện đảo Bạch Long Vĩ ta thấy huyện đảo Bạch Long Vĩ sau hơn 25 năm xây dựng và phát triển, đến nay, huyện đảo có quá nhiều điểm yếu cần khắc phục. Nếu các điểm yếu của huyện đảo không được khắc phục thì dù có các điểm mạnh hay cơ hội đến thì tương lai huyện đảo không thể phát triển được, có thể sẽ cần phải có biện pháp mạnh để giải quyết như vấn đề ô nhiễm môi trường.

3.2. Phân tích, dự báo những tác động của môi trường bên ngoài, môi trường bên trong đến phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ

Về phương pháp dự báo: Chủ yếu dùng phương pháp dự báo định tính dựa trên cơ sở phân tích môi trường bên ngoài, bên trong huyện đảo.

3.2.1. Phân tích, dự báo những tác động của môi trường bên ngoài đến phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ

3.2.1.1. Về yếu tố tự nhiên

Hàng năm, các cơn gió mùa Đông Bắc, gió mùa hè với sức gió lớn, có thể kéo dài cả tuần, tăng cường cả tháng gây thiệt hại về hoa màu, cây trồng và vật nuôi, ảnh hưởng đến giao thông giữa đảo và đất liền, chậm tiến độ thi công các dự án, công trình... Các cơn bão vào vịnh Bắc Bộ, gây thiệt hại rất lớn đến tài sản, hoa

màu, vật nuôi của các cơ quan, đơn vị, nhân dân trên đảo và ngư dân vào đảo tránh trú bão.

Giai đoạn 2009-10/2018: Có tổng cộng 25 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào đảo, tính trung bình là 2,5 cơn bão trên 01 năm, cấp bão từ cấp 9 đến cấp 13, giạt cấp 15; gây thiệt hại hơn 110 tỷ đồng.

Dự báo khí hậu trong tương lai: Theo kết quả tính toán được thực hiện trên hệ thống máy tính, cho thấy nhiệt độ không khí trung bình trên khu vực Việt Nam tăng lên đáng kể, có thể lên tới 0.3°C/thập kỷ trong giai đoạn 2000-2050. Có hai trường hợp sẽ xảy ra hiện tượng biến đổi khí hậu:

Trong trường hợp thứ nhất (biến đổi từ từ), con người và các hệ sinh thái nói chung có thể tự thích nghi dần, nhưng một số loài nếu không có khả năng hoặc không có điều kiện thích nghi sẽ dần biến mất dẫn đến bị diệt vong. Sự nguy hiểm do tác động tiêu cực gây nên bởi sự biến đổi này là chúng chỉ có thể được nhận thấy sau một khoảng thời gian đủ dài. Nếu không dự tính được thì hệ quả mang lại sẽ rất nặng nề và khó có thể phục hồi.

Trong trường hợp thứ hai, sự gia tăng của các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan là nguyên nhân làm gia tăng các hiện tượng thiên tai, cả về tần suất và cường độ, có thể dẫn tới những hậu quả trầm trọng. Thiên tai không những làm thiệt hại về người và của mà còn có thể nhanh chóng hủy hoại cả một vùng, một hệ sinh thái nào đó [55].

Như vậy, diễn biến thời tiết trong giai đoạn 2019-2030 tại khu vực Bạch Long Vĩ sẽ rất khó lường do biến đổi khí hậu. Như vậy, diễn biến thời tiết cực đoan (nhiệt độ tăng giảm thất thường vào mùa đông, mùa hè; hạn hán, lốc xoáy, mưa lớn...), gió mùa kéo dài, bão lớn với cường độ cao sẽ xảy ra thường xuyên hơn.

3.2.1.2. Về chính trị

Trong một vài năm tới tình hình chính trị khu vực Đông Nam Á nhìn chung vẫn giữ ổn định, tuy còn có những bất ổn khó lường. Tình hình biển Đông, sau một loạt căng thẳng những năm gần đây liên quan đến Trung Quốc đặt giàn khoan dầu

khí xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, việc tập trận khu vực đảo Hoàng Sa của Việt Nam, việc xây dựng các đảo nhân tạo phi pháp tại khu vực quần đảo Trường Sa, trong đó có các bãi đá ngầm của Việt Nam thì nay, Trung Quốc chuyển sang âm thầm xây dựng và củng cố lực lượng hòng độc chiếm biển Đông. Tuy nhiên, việc Trung Quốc đang làm đã có Mỹ can thiệp và tạo áp lực đối trọng với Trung Quốc tại biển Đông nên các sự việc căng thẳng có thể sẽ không diễn ra trong thập kỷ tới.

Tình hình chính trị trong nước ổn định, đặc biệt sau một loạt sự vụ tham nhũng, gây thất thoát hàng ngàn tỷ đồng đã được xử lý, một loạt đường dây cá độ trên mạng internet ngàn tỷ được các lãnh đạo công an bảo kê đã được đưa ra ánh sáng. Về tổ chức bộ máy nhà nước, đồng chí Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Phú Trọng đã được nhân dân, Quốc Hội tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào tháng 10/2018 là một việc vô cùng quan trọng trong đường hướng chính trị và phát triển đất nước sắp tới. Về việc này sẽ củng cố vững chắc hơn hệ thống chính trị của đất nước, giữ vững, ổn định chính trị đất nước trong tương lai. Đây là điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia.

3.2.1.3. Về kinh tế

Theo các chuyên gia kinh tế trong nước và thế giới nhận định thì tình hình kinh tế thế giới sẽ vẫn tăng trưởng trong những năm tới, đặc biệt là chu kỳ khủng hoảng kinh tế 10 sẽ không diễn ra do tình hình kinh tế hiện nay rất khác với những năm 2007,2008,2009. Tình hình kinh tế Việt Nam vẫn đang trên đà phát triển. Hầu hết các nước lớn những năm gần đây đều đổ dồn vào Việt Nam, một thị trường mới, với dân số vàng (lực lượng lao động dồi dào) để đầu tư (vốn FDI qua các năm luôn tăng).

- Đối với thành phố Hải Phòng cũng vậy, sau bao năm bị lãng quên, ba năm gần đây (2016, 2017, 2018) vốn FDI đổ vào Hải Phòng rất lớn, GRDP tăng trưởng ngày một cao (GRDP năm 2017 của thành phố 14,01%); các dự án lớn được triển khai ngày một nhiều (dự án của tập đoàn LG, Vingroup; cơ sở hạ tầng được đầu tư

nhều hơn, kết nối với các khu đô thị, khu công nghiệp và khu kinh tế quan trọng, có đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, sân bay quốc tế Cát Bi, cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện,....Hải Phòng đã trở nên sôi động hơn trong con mắt của nhà đầu tư và nhân dân thành phố “Hoa phượng đỏ”.

Như vậy, trong tương lai gần (hơn 10 năm tới), tình hình kinh tế thành phố Hải Phòng, trong nước và thế giới sẽ tích cực hơn.

3.2.1.4. Về văn hóa xã hội

Kinh tế phát triển tất văn hóa xã hội sẽ phát triển theo, cơ sở hạ tầng văn hóa, các lễ hội truyền thống, các khu vui, giải trí văn hóa cho nhân dân sẽ được đầu tư nhiều hơn; văn hóa tiềm năng sẽ được làm nổi bật hơn trong con mắt của người dân và bạn bè quốc tế; văn hóa ẩm thực sẽ lan tỏa rộng hơn, xa hơn...đều là cơ hội tiềm năng cho huyện đảo Bạch Long Vĩ trong tương lai.

3.2.1.5. Về khoa học công nghệ

Trong thập kỷ tới, hoạt động khoa học công nghệ sẽ diễn ra tích cực hơn, công nghệ 4.0 sẽ thực sự diễn ra, đánh dấu một cuộc cách mạng mới trên thế giới, kỷ nguyên mới đối với loài người.

3.2.1.6. Về hội nhập quốc tế

Hội nhập quốc tế sâu rộng hơn, ngoài hợp tác thương mại, các quốc gia có xu hướng hợp tác trong các lĩnh vực khác như: khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, du lịch....

3.2.2. Phân tích, dự báo những tác động của môi trường bên trong đến phát triển kinh tế – xã hội huyện Bạch Long Vĩ

3.2.2.1. Dự báo về yếu tố tự nhiên

- Dự báo về đất đai trên đảo:

Hiện nay, đa số đất sản xuất nông nghiệp (0,61 ha) chủ yếu là trồng rau màu, cây ăn quả. Với tình trạng sử dụng phân bón hóa học bừa bãi, nước thải sinh hoạt không qua xử lý, hiện nay, một số khu vực đã có tình trạng ô nhiễm. Như vậy, trong

thập kỷ tới nếu không được xử lý, một số khu vực đất đai huyện đảo sẽ ô nhiễm nặng hơn và không thể cải tạo được.

Bảng 3.2. Dự báo sử dụng đất trong giai đoạn 2018-2030

ĐVT: ha

STT	Các loại đất	Diện tích hiện trạng sử dụng	Dự báo diện tích sử dụng trong giai đoạn 2018-2030	Tỷ lệ
I	Nhóm đất nông nghiệp	79,99	58	26,83%
1	Đất sản xuất nông nghiệp	0,61	8,7	
2	Đất lâm nghiệp (đất rừng phòng hộ)	79,05	46,6	
3	Đất nuôi trồng thủy sản	0,33	2,7	
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	115,59	193,946	73,17%
1	Đất ở	2,6	10,9	
2	Đất chuyên dùng	83,04	153,76	
3	Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	0,77	0,77	
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1,11	0,456	
5	Đất có mặt nước chuyên dùng	28,06	28,06	
III	Nhóm đất chưa sử dụng	111,44	75,7	0%
1	Đất bằng chưa sử dụng (bãi đá)	111,44	75,7	
	Tổng diện tích các loại đất	307,02	327,646	100%

(Nguồn: Theo quy hoạch 1/2000)

Dự báo đất đai dành cho phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm:

+ Nhóm đất nông nghiệp: Đất sản xuất nông nghiệp, diện tích dự kiến tăng từ 0,61ha như hiện nay lên 8,7ha. Mở rộng nhằm trồng trọt rau, củ quả, hoa quả và khu vực chăn nuôi gia súc, gia cầm phục vụ nhu cầu toàn đảo, khách du lịch và ngư dân vào đảo.

+ Nhóm đất phi nông nghiệp:

Đất ở: dự kiến tăng từ 2,6ha như hiện nay lên 10,9ha. Trong đó, sử dụng thêm 0,3ha làm nhà ở, còn lại 7,9ha dự trữ đất ở cho tương lai xa hơn (do đảo diện tích đất rất hạn chế, cấp mở rộng đảo cũng chỉ một phần nhỏ so với đảo).

Đất chuyên dùng: Dự kiến tăng từ 83,04ha lên 205ha. Trong đó, ngoài đất quốc phòng, đất an ninh, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, dự kiến sẽ bổ sung thêm đất dịch vụ hậu cần nghề cá (14,47ha), đất du lịch (19,6ha), đất dịch vụ dầu khí (8,53ha), đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật 28,12ha (trong đó đất sân bay dự kiến là 21,72ha)

Như vậy, đến năm 2030, huyện Bạch Long Vĩ sẽ phải cấp đảo vừa chống xói mòn, vừa mở rộng diện tích đảo (mở rộng khu vực Bắc, Tây Bắc đảo hơn 21ha) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- *Dự báo nguồn nước ngọt trên đảo:*

Nguồn nước ngọt trên đảo chủ yếu là nước mưa, nước ngầm tầng nông, nước ngầm tầng sâu. Như phân tích ở phần 2.3.1.2. *Nguồn nước ngọt trên đảo* thì lượng nước cần dùng cho sinh hoạt hàng ngày khoảng 210m³/ngày (Chưa tính đến lượng nước dùng cho sản xuất và chế biến nếu có các cơ sở sản xuất và chế biến). Như vậy, tổng khối lượng nước tại 4 giếng khoan hiện có là 90m³/ngày. So với nhu cầu nước khoảng 210m³/ngày, lượng nước thiếu khoảng 120m³/ngày, tương đương khoảng 43.800m³/năm. Nếu như theo quy hoạch sử dụng đất, những năm tới, lượng nước dành cho chăn nuôi, trồng trọt tăng thêm, cho các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ hậu cần nghề cá, dịch vụ du lịch thì lượng nước càng thiếu.

Tuy nhiên, huyện đang triển khai đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vĩ, với dung tích 48.000m³ thì đến năm 2025 và những năm tiếp theo, nếu đầu tư thêm hệ thống lọc nước biển thành nước ngọt thì lượng nước trên đảo cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng cho toàn đảo, ngư dân và khách du lịch.

- Dự báo về hệ sinh thái:

Với tình trạng khai thác quá đà, mất kiểm soát, khai thác bằng cách sử dụng các công cụ tận thu như xung điện, dãn cào, hóa chất xianua.... Nếu không quản lý tốt thì trong tương lai không xa, nguồn lợi hải sản quanh đảo sẽ cạn kiệt ảnh hưởng vô cùng lớn đến hệ sinh thái cũng như đời sống của bà con và ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế huyện đảo.

3.2.2.2. Dự báo về tổ chức nhân sự

Dự báo, từ năm 2019 trở đi, một số phòng, ban Đảng, Đoàn thể, Chính quyền sẽ được ghép lại với nhau, giảm thiểu về nhân sự. Ví dụ: Ban Tổ chức kết hợp với Nội vụ huyện, Ủy ban Kiểm tra với Thanh tra huyện, Văn phòng Huyện ủy gộp vào với Văn phòng HĐND-UBND huyện.

Về nhân sự các phòng, ban được thiện hiện sẽ giảm đi trong thời gian tới.

Về lãnh đạo (Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện) trong thời gian tới dự báo vẫn sẽ luân chuyển, điều động. Do, về phía thành phố, từ năm 2013 đến nay vẫn đưa cán bộ ra Bạch Long Vĩ nơi đầu sóng, ngọn gió để rèn luyện, thử thách cán bộ rồi lại điều chuyển về trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Tuy nhiên, sẽ thành lập thêm đội quản lý thị trường, ban quản lý các công trình công cộng phục vụ dân sinh và sản xuất sau khi huyện đảo được đầu tư phát triển.

3.2.2.3. Dự báo về cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Đến năm 2025, về cơ bản hạ tầng kỹ thuật huyện đảo sẽ được hoàn thiện. Trong đó có một số dự án, công trình mới sẽ được đầu tư như: Hệ thống cung cấp nước từ nguồn đến các nơi sử dụng, hệ thống điện năng lượng mặt trời, gió kết hợp

máy phát diesel, hệ thống xử lý nước thải, rác thải, công trình sân bay, bến cảng Tây Bắc và một số công trình công cộng phục vụ cho du lịch.

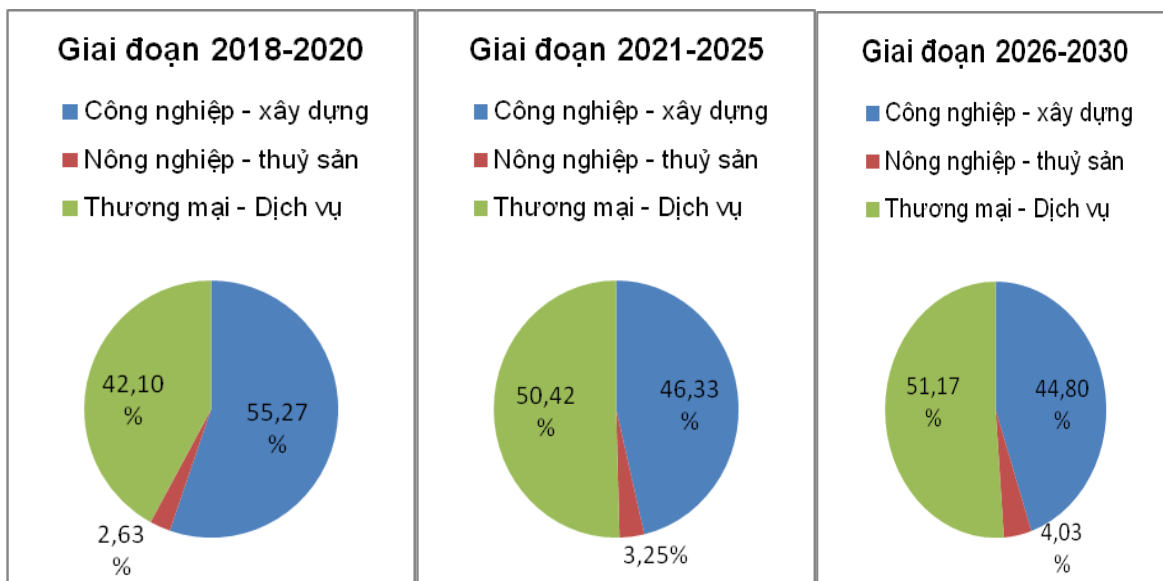
Hiện nay, UBND huyện đang trình thành phố, HĐND huyện chủ trương đầu tư công trình: Trung tâm dịch vụ hậu cần, bến neo đậu tàu, đón trả khách tuyến Hải Phòng – Bạch Long Vĩ, tại xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng với tổng mức đầu tư công trình là: 14,97 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (thời gian thực hiện 2018-2020). Như vậy, trong tương lai rất gần, huyện sẽ có khu hậu cần, bến neo đậu tàu, đón trả khách tại đất liền, kết hợp với tàu “Hoa phượng đỏ” sẽ trở thành hạ tầng giao thông thủy hoàn chỉnh, tạo sức bật cho huyện đảo Bạch Long Vĩ bứt phá trong tương lai.

3.2.2.4. Dự báo về kinh tế

Bảng 3.3. Dự báo cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành

STT	Nhóm ngành	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
1	Công nghiệp – xây dựng	55,27%	46,33%	44,80%
2	Nông nghiệp – thủy sản	2,63%	3,25%	4,03%
3	Thương mại - Dịch vụ	42,10%	50,42%	51,17%

(Nguồn: Báo cáo UBND huyện và tác giả dự tính)



Biểu đồ 3.1. Dự báo cơ cấu giá trị SX các nhóm ngành

3.2.2.4.1. Dự báo nhóm ngành công nghiệp – xây dựng

- Dự báo về lĩnh vực công nghiệp:

+ Dự báo các nhà máy, xưởng sản xuất, chế biến:

Khi nhóm ngành nông nghiệp – thủy sản phát triển sẽ phát triển khu chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp, thủy sản như sản phẩm liên quan đến bào ngư, ốc nón, hải sâm, liên quan đến các loại thịt sạch như trâu, bò, dê...được nuôi thả tự nhiên ở đảo. Tuy nhiên, do quỹ đất hạn chế, hải sản đã được các tàu dịch vụ thu mua ngay tại biển và chuyên chở vào đất liền chế biến nên khu chế biến này có quy mô không lớn.

Tại đảo hiện có một vài hộ dân làm nghề sữa chữa nhỏ, 31 hộ sản xuất nước đóng bình cung cấp tại đảo và cho ngư dân, nguồn vốn đầu tư không nhiều. Trong tương lai sẽ phát triển thêm các cơ sở sữa chữa, duy tu, bảo dưỡng các phương tiện đánh bắt hải sản.

+ Dự báo khai thác sử, dụng nguồn điện:

Năm 2015, Bộ Công Thương đã phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án Cấp điện cho huyện đảo Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng giai đoạn 2015 - 2020 và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi với tổng mức đầu tư 148 tỷ đồng. Trong đó:

Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nguồn điện hỗn hợp để cấp điện cho đảo Bạch Long Vỹ: Nguồn điện lai ghép Gió + Mặt trời + Diesel + Lưu trữ năng lượng với tổng dung lượng năng lượng điện năng lưu trữ 7,48MWh [31].

Như vậy, với tổng dung lượng điện năng theo thiết kế trong tương lai sẽ đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu thụ điện sinh hoạt cho hơn 2000 dân lẫn sản xuất kinh doanh cho toàn đảo.

+ Dự báo khai thác, sử dụng nguồn nước:

Với dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vỹ (giai đoạn 1) do Tổng đội TNXP Hải Phòng làm chủ đầu tư, với dung tích chứa nước là 48.000m³. Đến nay dự án đã triển khai 90% công việc. Trong 2, 3 năm tới khi triển khai xong giai đoạn 2 (xây dựng nhà máy xử lý nước và hệ thống cung cấp nước từ nguồn đến nơi sử dụng) hoàn thành, kết hợp nguồn nước ngầm, hệ thống lọc nước biển trong tương lai sẽ đảm bảo cung cấp nước sạch cho toàn đảo, ngư dân, du khách sử dụng.

- Dự báo lĩnh vực xây dựng:

Đến năm 2025, sau khi huyện đảo đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thiện cơ sở hạ tầng sẽ là nền tảng giúp huyện đảo phát triển về kinh tế, văn hóa xã hội.

Những năm tiếp theo, huyện sẽ xúc tiến, kêu gọi đầu tư các công trình phục vụ du lịch như nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí....

3.2.2.4.2. Dự báo nhóm ngành nông nghiệp – thủy sản

- Lĩnh vực nông nghiệp:

Dự báo lĩnh vực nông nghiệp sẽ phát triển hơn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ hoa màu, trái cây của toàn đảo, nhất là đáp ứng nhu cầu lĩnh vực dịch vụ du lịch và ngư dân vào đảo (dân số đảo dự kiến tăng thêm từ 500 đến 1000 người tính đến năm 2030). Trong thời gian tới, diện tích đất nông nghiệp sẽ tăng hơn 14 lần so với hiện nay (bao gồm đất trồng hoa màu, cây ăn trái và đất dùng chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Dự báo đến năm 2020, sản lượng gia súc xuất chuồng tăng do mở cơ sở chế biến thịt gia súc mang đậm hương vị của đảo.

Bảng 3.4. Dự báo sản lượng hoa màu, gia súc, gia cầm và thủy sản

STT	Năm	Sản lượng rau, củ, quả (tấn)	Sản lượng gia súc, gia cầm xuất chuồng (tấn)	Sản lượng khai thác hải sản ven bờ (tấn)	Số lượng cơ sở chế biến thủy sản, giết mổ gia súc, gia cầm có quy mô
1	2020	87	140	96	1
2	2025	100	160	320	2
3	2030	120	215	625	3

(Nguồn: Phòng thống kê và tác giả dự báo)

- Lĩnh vực thủy sản:

+ Khoanh nuôi (nuôi thả tự nhiên), bảo vệ và khai thác tự nhiên hải sản tính đến vùng 6m nước, chủ yếu là bào ngư, ốc nón, hải sâm và một số hải sản khác.

+ Sản xuất giống, nuôi nhân tạo một số loài hải sản quý: Bào ngư, ốc nón, hải sâm. Đồng thời mở cơ sở chế biến bào ngư, ốc nón, hải sâm thành phẩm mang thương hiệu Bạch Long Vĩ. Do vậy, dự báo sản lượng hải sản tăng.

+ Đầu tư tàu đánh bắt gần bờ và xa bờ (với tàu công suất lớn).

3.2.2.4.3. Dự báo nhóm ngành thương mại – dịch vụ

- Dự báo lĩnh vực thương mại:

+ Mua bán hải sản tươi sống (bào ngư, ốc nón, hải sâm, cá song, cá gáy, tôm, cua, ghẹ....) và hải sản cấp đông; mua bán sản phẩm thịt gia súc qua giết mổ.

- Dự báo lĩnh vực dịch vụ:

+ Dịch vụ hậu cần nghề cá (cảng, sửa chữa, cung cấp điện, nước, xăng dầu, ngư lưới cụ...): Dự báo sẽ quy hoạch khu hậu cần nghề cá, trong đó có xưởng sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng tàu, thuyền có quy mô lớn, Trạm chứa, cung cấp xăng, dầu,

nước ngọt....Số lượng tàu làm dịch vụ hậu cần sẽ tăng lên để đáp ứng nhu cầu vận chuyên, cung cấp nhu yếu phẩm....

Bảng 3.5. Dự báo số lượng cửa hàng tạp vụ, giải trí, tàu dịch vụ hậu cần

STT	Năm	Số cửa hàng tạp hóa, thực phẩm	Số nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải trí, nghỉ dưỡng	Số cửa hàng sửa chữa, ngư lưới cụ	Số lượng tàu làm dịch vụ hậu cần
1	2020	27	47	10	14
2	2025	30	50	12	15
3	2030	35	55	13	20

(Nguồn: Chi cục thuế huyện và tác giả dự báo)

+ Dịch vụ du lịch (ăn uống, nghỉ dưỡng, giải trí) phát triển dần, có sự đầu tư của nhà nước về cơ sở hạ tầng như đường xá, cầu cảng, sân bay... và đầu tư của tư nhân, tổ chức, đầu tư cơ sở hạ tầng nghỉ dưỡng, ăn uống, khu vui chơi, giải trí...

+ Hiện nay, dịch vụ bốc xếp hàng hóa qua cảng chủ yếu là vật liệu xây dựng nên sau khi xây dựng xong cơ sở hạ tầng tại huyện đảo, dịch vụ này sẽ giảm dần đi và thay vào đó bốc xếp, vận chuyên hàng hóa nhu yếu phẩm, dịch vụ vận chuyên khách du lịch.

3.2.2.4.4. Dự báo về nguồn vốn

Theo như Bảng 2.5, trong đó tổng nguồn vốn đầu tư các dự án là 824,225 tỷ đồng, tính đến 10/2018, nguồn vốn mới được cấp 520,692 tỷ đồng, đạt 63,17%, số vốn chưa được cấp là 303,533 tỷ đồng.

- *Dự báo nguồn vốn nhà nước:*

Giai đoạn 2018-2020: Tổng nguồn vốn nhà nước huy động hơn 556,5 tỷ trong 03 năm, trong đó:

Vốn để hoàn thiện các dự án, công trình đầu tư từ năm 2010 đến năm 2018 như Dự án cảng và khu neo đậu tàu phía Tây Bắc đảo (giai đoạn 1), Dự án đóng mới tàu chở khách và hàng hóa ra đảo Bạch Long Vĩ, ... (303,533 tỷ đồng); vốn đầu tư còn lại của Dự án hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho

đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn 1) do Tổng đội TNXP Hải phòng làm chủ đầu tư (38 tỷ đồng).

Bảng 3.6. Dự báo nguồn vốn đầu tư các nhóm ngành

DVT: Tỷ đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
1	Nhà nước	556,5	723	735
2	Tư nhân, tổ chức	35	80	230
3	Nước ngoài	0	0	0

(Nguồn: Báo cáo UBND huyện và tác giả dự tính)

Dự báo nguồn vốn đầu tư các dự án, công trình mới như: Dự báo vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn 2) là 60 tỷ đồng; Dự án lò đốt rác (10 tỷ đồng); Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải (80 tỷ đồng), Dự án Trung tâm dịch vụ hậu cần, bến neo đậu tàu, đón trả khách tuyến Hải Phòng – Bạch Long Vĩ, tại xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (14,97 tỷ đồng), vốn đầu tư xây cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý khu bảo tồn biển kết hợp nghiên cứu phục hồi hệ sinh thái, phát triển nguồn lợi thủy sản (45 tỷ đồng), chi đầu tư xây dựng cơ bản (05 tỷ đồng),..

Giai đoạn 2021-2025: Tổng nguồn vốn nhà nước huy động là 723 tỷ đồng trong 5 năm, trong đó:

Dự báo vốn đầu tư xây dựng Cảng và khu neo đậu tàu phía Tây Bắc đảo (giai đoạn 2) là 190 tỷ đồng.

Dự báo xây dựng Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá tại khu vực hậu cần nghề cá cũ bỏ hoang phục vụ cảng Tây Nam đảo (160 tỷ đồng).

Dự báo vốn đầu tư xây dựng mở rộng, xây mới một số tuyến đường trên đảo (100 tỷ đồng).

Dự báo vốn đầu tư Dự án xây dựng hệ thống cung cấp nguồn điện hỗn hợp để cấp điện cho đảo Bạch Long Vĩ, nguồn điện lai ghép Gió + Mặt trời + Diesel + Lưu trữ năng lượng (148 tỷ đồng) [31], vốn đầu tư dự án nâng cấp Trung tâm y tế quân dân y (110 tỷ đồng), đầu tư xây dựng cơ bản (15 tỷ đồng).

Giai đoạn 2026-2030: Tổng nguồn vốn nhà nước huy động là 735 tỷ đồng trong 5 năm, trong đó:

Dự báo vốn đầu tư, nâng cấp Cảng và khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ (cảng Tây Nam) thành cảng cá loại I, khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng (170 tỷ đồng).

Dự báo vốn đầu tư mở rộng đảo phía Bắc, Tây Bắc, kết hợp xây sân bay cánh cứng là 550 tỷ đồng, đầu tư xây dựng cơ bản (15 tỷ đồng).

- Dự báo nguồn vốn ngoài nhà nước:

Giai đoạn 2018-2020: Vốn tư nhân, hộ gia đình đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi, khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung (35 tỷ đồng)

Giai đoạn 2021-2025: Dự báo vốn xây dựng tổ hợp chế biến hải sản khu vực phía Tây Bắc đảo (50 tỷ đồng); dự báo vốn đầu tư phương tiện khai thác thủy sản (30 tỷ).

Giai đoạn 2026-2030: Tổng vốn tư nhân, tổ chức đầu tư là 200 tỷ đồng xây dựng khu tổ hợp nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, giai đoạn 1; dự báo vốn đầu tư phương tiện khai thác thủy sản (30 tỷ).

3.2.2.4.5. Dự báo về thu chi ngân sách

Dự báo thu ngân sách tăng lên do nhóm ngành thương mại – dịch vụ, nông nghiệp – thủy sản phát triển.

Chi ngân sách dự báo sẽ không đổi do siết chặt chi tiêu công.

3.2.2.5. Dự báo về văn hóa xã hội

3.2.2.5.1. Dự báo về dân số và lao động

Dự báo đến năm 2030 dân số cơ học huyện đảo Bạch Long Vĩ sẽ tăng thêm từ 500 đến 1000 người (tổng dân số vào khoảng từ 1600 đến 2100 người, không

tính các lực lượng vũ trang do quân số được bảo mật, biến đổi theo tình hình, nhiệm vụ), dân số tự nhiên sẽ tăng rất ít, do tổng số hộ dân trên đảo phù hợp với diện tích, không gian sống, do đó huyện sẽ không tổ chức thêm đợt di dân ra đảo.

Về tỷ lệ lao động dự báo vẫn trên 90% dân số trong độ tuổi lao động.

Dự báo dân số tăng do huyện phát triển, thu hút lao động trong các nhóm ngành nông nghiệp – thủy sản, thương mại – dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ du lịch và dịch vụ hậu cần nghề cá.

3.2.2.5.2. Dự báo về giáo dục – đào tạo

Trên cơ sở dự báo về dân số tự nhiên trong thời gian tới tăng không nhiều nên tỷ lệ trẻ sinh ra có nhu cầu học tập tại đảo ít. Dự báo số lượng thầy, cô giáo trong tương lai không tăng.

3.2.2.5.3. Dự báo về y tế

Năm 2016, UBND thành phố đã ban hành Quyết định thành lập Trung tâm y tế quân dân y Bạch Long Vĩ, trong tương lai, khi triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp sẽ đáp ứng đủ nhu cầu khám sức khỏe cho cán bộ, quân, dân toàn đảo và ngư dân, du khách từ nơi khác đến (trung bình 01 năm có thể đáp ứng hơn 10000 bệnh nhân, nội, ngoại trú).

3.2.2.5.4. Dự báo về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao

Văn hóa xã hội huyện đảo phát triển, đặc biệt là văn nghệ và thể dục thể thao.

Dự báo trong tương lai không xa, huyện đảo sẽ tổ chức được một lễ hội mang đậm nét riêng của một hòn đảo nằm giữa Vịnh Bắc Bộ. Từ đó quảng bá, hấp dẫn du khách mọi miền đến với đảo vừa nghỉ dưỡng, vừa tham gia lễ hội, vui chơi, giải trí.

3.2.2.6. Dự báo về khoa học công nghệ

Dự báo trong thời gian tới, huyện đảo rất cần các công nghệ để đáp ứng nhu cầu con người cũng như bảo vệ môi trường sống, như: Công nghệ xử lý nước biển thành nước ngọt, xử lý nước thải, rác thải, công nghệ năng lượng đáp ứng điện

năng, công nghệ sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp – thủy sản; công nghệ trong xây dựng để phòng chống được gió bão, động đất....

3.3. Xác định tầm nhìn, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030

Căn cứ vào phân tích môi trường bên ngoài, môi trường bên trong huyện Bạch Long Vĩ; các dự báo môi trường bên ngoài, bên trong huyện Bạch Long Vĩ trong giai đoạn 2018-2030, ta xác định tầm nhìn, mục tiêu cụ thể cho huyện Bạch Long Vĩ, cụ thể như sau:

3.3.1. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Bạch Long Vĩ cơ bản phát triển du lịch theo hướng bền vững.

3.3.2. Mục tiêu

3.3.2.1. Mục tiêu tổng quát

Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế lấy nông nghiệp thủy sản là nền tảng, dịch vụ hậu cần nghề cá là cơ bản nhằm phát triển dịch vụ du lịch; gắn phát triển nông nghiệp thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, dịch vụ du lịch với nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Hình 3.1. Phối cảnh tổng thể huyện Bạch Long Vĩ



(Nguồn: Báo điện tử Sở Xây dựng Hải Phòng)

3.3.2.2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 1 (từ năm 2018 - 2020):

Mục tiêu :

- Tiếp tục xây dựng các công trình, dự án hạ tầng cơ bản còn tồn đọng, xúc tiến đầu tư xây dựng các công trình, dự án mới nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng huyện đảo, gồm: Hạ tầng về giao thông, cảng, cung cấp nước ngọt, xử lý rác thải, nước thải, quản lý bảo tồn biển, đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi, khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường sống, môi trường biển.

- Tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý khu bảo tồn biển kết hợp nghiên cứu phục hồi hệ sinh thái, phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Phát triển nhóm ngành Nông nghiệp – thủy sản (nhóm ngành then chốt, lợi thế của huyện đảo).

Giai đoạn 2 (từ năm 2021 - 2025):

Mục tiêu:

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng: Cảng và dịch vụ hậu cần nghề cá; mở rộng, xây mới một số tuyến đường trên đảo; xây dựng hệ thống cung cấp điện năng; đầu tư dự án nâng cấp Trung tâm y tế quân dân y Bạch Long Vĩ; xúc tiến xây dựng công trình xưởng chế biến hải sản.

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường sống, môi trường biển.

- Tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý khu bảo tồn biển kết hợp nghiên cứu phục hồi hệ sinh thái, phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Phát triển nhóm ngành Nông nghiệp – thủy sản (nhóm ngành then chốt, lợi thế của huyện đảo).

Giai đoạn 3 (từ năm 2026 - 2030):

Mục tiêu:

- Đầu tư, nâng cấp Cảng và khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ (cảng Tây Nam) thành cảng cá loại I, khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng.

- Kè lấn biển nhằm đầu tư xây dựng sân bay cánh cứng tại khu vực Tây Bắc đảo Bạch Long Vĩ theo quy hoạch đã duyệt.

- Xúc tiến đầu tư các công trình nghỉ dưỡng, các nhà hàng ăn uống, các khu vui chơi giải trí làm tiền đề cho phát triển dịch vụ du lịch, đồng thời thu hút du khách bằng các loại hình dịch vụ đa dạng, hấp dẫn từ du lịch biển đến ẩm thực.

3.3.3. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo

Bảng 3.7. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
I	Về kinh tế			
1	Công nghiệp – xây dựng	55,27%	50,42%	51,17%
2	Thương mại - Dịch vụ	42,10%	46,33%	44,80%
3	Nông nghiệp – thủy sản	2,63%	3,25%	4,03%
II	Về Xã hội			
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ổn định ở mức	Dưới 1%	Dưới 1%	Dưới 1%
2	Duy trì tỷ lệ người lao động có việc làm	95%	97%	99%
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt	90%	95%	99%
3	Giữ vững kết quả không có hộ nghèo	Duy trì	Duy trì	Duy trì
4	Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế	100%	100%	100%

(Nguồn: Báo cáo UBND huyện và tác giả dự tính)

3.4. Đề xuất chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030

Trên cơ sở ma trận SWOT, dự báo tương lai, tầm nhìn và mục tiêu tổng quát, tác giả đề xuất chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo Bạch Long Vĩ như sau:

Chiến lược W-O: Tận dụng những cơ hội bên ngoài nhằm khắc phục các điểm yếu của huyện đảo.

Nghĩa là tranh thủ nguồn lực (cơ hội) bên ngoài gồm: Vốn, nguyên liệu, công nghệ, sự quan tâm đặc biệt của trung ương và thành phố nhằm khắc phục các điểm yếu nội tại của huyện đảo (cơ sở hạ tầng chưa đầy đủ, đồng bộ; chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các y bác sĩ, các thầy cô giáo còn nhiều hạn chế; nguồn điện, nước ngọt còn thiếu; chưa có hệ thống xử lý nước thải, rác thải; khó khăn về giao thông giữa đảo và đất liền; ...) với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo một cách bền vững, lấy nông nghiệp thủy sản là nền tảng, dịch vụ hậu cần nghề cá là cơ bản, dịch vụ du lịch là trọng tâm; gắn phát triển nông nghiệp thủy sản, dịch vụ du lịch, dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn với nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

3.5. Giải pháp tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030

Từ khi thành lập đến nay, nguồn vốn dùng cho phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo Bạch Long Vĩ đều chỉ dựa vào nguồn ngân sách nhà nước nên khi triển khai đồng loạt các công trình, dự án như các năm gần đây sẽ dẫn đến tình trạng một số công trình thi công dang dở, nằm chờ do thiếu vốn hoặc công năng sử dụng không cao hoặc sử dụng nguồn vốn không hiệu quả.

Bên cạnh việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các mặt đời sống kinh tế - xã hội của huyện, đối với chiến lược W-O (*Tận dụng những cơ hội bên ngoài nhằm khắc phục các điểm yếu của huyện đảo*) mà tác giả đã lựa chọn,

tác giả mong muốn các vấn đề còn thiếu sót, hạn chế, yếu kém hiện nay sẽ được huyện khắc phục dần dần. Với quan điểm cái gì cần thiết nhất, quan trọng nhất ta làm trước, tác giả đã đề ra giải pháp thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo với lộ trình 03 giai đoạn, cụ thể như sau:

3.5.1. Giai đoạn 1 (từ năm 2018 - 2020)

3.5.1.1. Giải pháp về tổ chức nhân sự

- Lý do cần phải thực hiện giải pháp về tổ chức nhân sự:

+ Khắc phục tình trạng nhân lực phân tán, quản lý yếu kém dẫn đến hiệu quả công việc không cao.

+ Khắc phục tình trạng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của huyện hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Khi huyện đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước, xử lý nước thải, rác thải phải có Ban quản lý nhằm điều hành, khai thác sử dụng công trình phục vụ dân sinh.

- Cách thức thực hiện:

Cơ quan Đảng, chính quyền huyện tiếp tục thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*" nhằm sắp xếp bộ máy tổ chức cán bộ tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Ngoài các phòng, ban hiện có, thời gian tới sẽ:

* Hợp nhất các phòng, ban, lĩnh vực có chức năng tương đồng:

+ Hợp nhất 02 văn phòng: Văn phòng Huyện ủy và văn phòng HĐND-UBND huyện nhằm tập chung nhân lực, tập trung sự chỉ đạo phục vụ hiệu quả nhiệm vụ lãnh đạo;

+ Hợp nhất mảng nội vụ UBND huyện về Ban Tổ chức Huyện ủy nhằm quản lý cán bộ đảng viên, thực hiện chế độ, chính sách tốt hơn.

+ Hợp nhất mảng thanh tra về Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy.

* Thành lập đội quản lý xây dựng, tài nguyên môi trường, quản lý thị trường trực thuộc phòng Kinh tế - Kế hoạch, UBND huyện nhằm khắc phục hạn chế về công tác quản lý xây dựng, tài nguyên môi trường, quản lý thị trường trên địa bàn huyện. Trong đó, bổ sung 01 cán bộ có trình độ chuyên môn, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch Kiểm soát viên chính thị trường; bổ sung 01 cán bộ có trình độ chuyên môn về quản lý tài nguyên môi trường.

* Thành lập Ban Quản lý các công trình công cộng, quản lý điều hành hoạt động của nhà máy lọc, cấp nước (thuộc Dự án hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vĩ), nhà máy xử lý nước thải, lò đốt rác hoàn thành và đi vào sử dụng.

Tận dụng sự quan tâm đặc biệt của trung ương và thành phố nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, chính quyền. Trong đó, ngoài việc đào tạo lý luận chính trị, các công chức, người lao động phải thường xuyên được cử đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo chương trình của thành phố và đề xuất của huyện nhằm thực thi công vụ một cách hiệu quả nhất.

- *Nguồn lực thực hiện:*

+ Nguồn nhân lực tại chỗ của huyện, tuyển dụng thêm nhân lực có trình độ chuyên môn;

+ Nguồn vốn: Từ ngân sách thành phố.

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức viên chức và người lao động được nâng cao; bộ máy tổ chức đầy đủ hơn, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả hơn.

3.5.1.2. Giải pháp về cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- *Lý do cần phải thực hiện giải pháp:* Như đã phân tích môi trường bên trong huyện Bạch Long Vĩ tại chương 2 của luận văn, huyện đã có những công trình, dự án đầu tư dàn trải, công năng sử dụng không cao nên giải pháp đưa ra cho giai đoạn

đầu 2018-2020 sẽ tiếp tục hoàn thiện và tập trung hoàn thiện các hạng mục công trình cấp thiết nhất.

- Cách thức thực hiện:

Huyện sẽ tiếp tục huy động vốn từ ngân sách nhà nước để hoàn thiện các dự án, công trình đầu tư từ năm 2010 đến năm 2018 và đưa vào sử dụng phục vụ cán bộ, quân, dân, ngư dân, đặc biệt là ưu tiên hoàn thiện trước các dự án, công trình như: Dự án hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn 1) do Tổng đội TNXP Hải phòng làm chủ đầu tư, Dự án đóng mới tàu chở khách và hàng hóa ra đảo Bạch Long Vĩ đáp ứng sớm nhất nhu cầu nước ngọt và phương tiện đi lại của cán bộ, quân, dân và du khách) và các dự án đầu tư năm 2017, 2018 ...(danh mục công trình, dự án tại bảng 2.5).

Huyện tiếp tục xúc tiến đầu tư một số công trình, dự án mới nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật huyện đảo:

+ Đầu tư thêm 01 máy phát điện diesel bổ sung vào hệ thống máy phát điện của Trạm điện huyện phục vụ nhu cầu tiêu thụ điện của nhân dân trên đảo.

+ Hệ thống giao thông: Đầu tư Dự án Trung tâm dịch vụ hậu cần, bến neo đậu tàu, đón trả khách tuyến Hải Phòng – Bạch Long Vĩ.

+ Hệ thống xử lý nước thải;

+ Hệ thống xử lý rác thải;

+ Đầu tư xây cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý khu bảo tồn biển kết hợp nghiên cứu phục hồi hệ sinh thái, phát triển nguồn lợi thủy sản.

+ Đầu tư trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy chuyên nghiệp.

* Phân tích cụ thể:

Đối với Dự án hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn 2), dự kiến tổng mức đầu tư là 60 tỷ đồng, Tổng đội TNXP Hải phòng sẽ đầu tư xây dựng 01 nhà máy với hệ thống lọc, bể chứa và truyền tải nước tới các cơ quan, đơn vị và khu dân cư.

Đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ hậu cần, bến neo đậu tàu, đón trả khách tuyến Hải Phòng – Bạch Long Vĩ, tại xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Dự án này đã được HĐND huyện ra quyết định thông qua. Tuy nhiên, để trở thành hiện thực, huyện Bạch Long Vĩ cần phải xúc tiến đầu tư gấp trong giai đoạn 2018-2020 vì đối với khu đất ven sông Cấm thuộc xã Hoa Động, Thủy Nguyên, Hải Phòng là khu đất rất đẹp có thể trở thành cảng dành cho các công ty ven sông rất thuận tiện vận chuyển hàng hóa đường sông. Hiện nay, huyện vẫn phải thuê tàu 14-31-05 của Lữ đoàn 273 thuộc Quân khu 3 đỗ tại cảng quân sự Đông Hải hoặc tàu cao tốc Bạch Long đỗ nhò tại cảng quân sự Hải quân K20. Với 02 tàu này đều không chịu được gió cấp 5 trở lên và rất khó khăn khi đi lại, vận chuyển hàng hóa qua cảng của các đơn vị quân sự.

Đầu tư xây cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý khu bảo tồn biển kết hợp nghiên cứu phục hồi hệ sinh thái, phát triển nguồn lợi thủy sản.

Xây dựng khu nhà điều hành, quản lý và nghiên cứu phục hồi hệ sinh thái kết hợp trạm sản xuất giống bào ngư, ốc nón, hải sâm của Ban Quản lý khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ sẽ được xây dựng tại vị trí phía Đông, Đông Bắc đảo. Trang thiết bị đầu tư gồm: Các thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, các trang thiết bị phục vụ sản xuất giống, xuống tuần tra, bảo vệ, giám sát các hoạt động trong khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ, các dụng cụ, trang thiết bị tuần tra, phao cắm mốc giới theo tọa độ báo hiệu khu bảo tồn.

Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ có nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững các loài động, thực vật sống, đặc biệt là 22 loài đặc hữu và quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng; duy trì và bảo vệ nguồn tài nguyên, đa dạng sinh học biển, bao gồm hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái rong - cỏ biển, hệ sinh thái vùng triều và hệ sinh thái rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phục vụ các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham quan, du lịch sinh thái, phát huy giá trị và chức năng kinh tế của hệ sinh thái trong và xung quanh khu bảo tồn [47].

Như vậy, Ban Quản lý khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ có vai trò vô cùng quan trọng trong việc vừa bảo vệ, phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học vừa nhằm mục đích phát triển lĩnh vực thủy sản và du lịch huyện đảo.

- *Nguồn lực thực hiện:*

+ Nguồn nhân lực tại chỗ của huyện, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Nguồn vốn: Từ ngân sách trung ương, thành phố.

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Cơ sở hạ tầng huyện đảo sẽ đồng bộ từ giao thông đi lại giữa đảo và đất liền, cung cấp điện, nước, xử lý nước thải, rác thải, bảo tồn biển ... sẽ là tiền đề cho phát triển huyện đảo các giai đoạn tiếp theo.

3.5.1.3. Giải pháp về phát triển kinh tế

- *Lý do cần phải thực hiện giải pháp về phát triển kinh tế:* Song song với phát triển cơ sở hạ tầng, việc phát triển các ngành kinh tế từng bước một sẽ góp phần tạo đà cho phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, dịch vụ du lịch sau này của huyện.

- *Cách thức thực hiện:*

+ Về công nghiệp:

Giai đoạn này, với việc sản xuất điện năng bằng máy phát điện diesel, huyện khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân, hộ gia đình có vốn đầu tư xây dựng khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

Hiện nay, huyện chưa có khu giết mổ gia súc, gia cầm có quy mô và đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Các đơn vị, hộ gia đình mới chỉ dừng giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ ngay tại các khu dân cư, đơn vị, vỉa hè đường gây phản cảm và rất mất vệ sinh môi trường.

Khu giết mổ gia súc, gia cầm sẽ được quy hoạch tại khu vực Tây Bắc đảo nhằm tránh gây mùi hôi, thối khi có gió mùa Đông Bắc, Tây Nam thổi vào khu vực dân cư. Khu giết mổ gia súc, gia cầm sẽ có hệ thống xử lý nước thải riêng biệt, độc lập, trước khi xả thải ra môi trường.

+ Về Nông nghiệp:

Với diện tích đất nông nghiệp được quy hoạch 8,7ha giai đoạn 2018-2030, so với hiện trạng sử dụng hiện nay là 0,61ha thì diện tích đất dành cho phát triển nông nghiệp tương đối rộng.

Căn cứ vào nhu cầu tiêu thụ lớn, huyện sẽ tạo điều kiện giúp các hộ dân vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội đầu tư nhà lưới trồng hoa màu nhằm giảm bớt sự ảnh hưởng của thời tiết cực đoan đối với hoa màu (nắng nóng, gió mạnh, sương muối..), phát triển các loại hoa màu, cây ăn trái phù hợp với chất đất ở đảo, tạo được thương hiệu sản phẩm hoa màu, trái cây (ít nhất mỗi thứ một loại).

Đối với chăn nuôi, huyện cũng sẽ tạo điều kiện về cơ chế, chính sách khuyến khích các hộ dân, tổ chức đầu tư chuồng trại gia tăng đàn lợn, trâu, bò, dê, gia cầm theo có quy mô nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thịt tại đảo, đồng thời đáp ứng đầu vào cho khu giết mổ gia súc, gia cầm. Về trâu, bò, dê tại đảo gặm cỏ tự nhiên, hít khí trời trong lành cho loại thịt rất thơm và ngon nên có thể tạo thương hiệu thịt trâu, thịt bò, hoặc thịt dê đảo Bạch Long Vĩ và trở thành sản phẩm đặc trưng của Bạch Long Vĩ.

Bạch Long Vĩ sẽ tạo ra sản phẩm nông nghiệp hấp dẫn đối với du khách khi thăm đảo, khi về là nhớ mãi và mong muốn có dịp quay lại.

+ Về thủy sản:

Bà con ngư dân tiếp tục duy trì sản lượng hải sản, khai thác một cách hợp lý, tránh sử dụng các công cụ khai thác tận diện (sử dụng kích điện, chất độc xianua...)

Bảo vệ khu vực khoanh nuôi theo đề án 6m nước và khai thác thủy sản một cách hợp lý.

- *Nguồn lực thực hiện:*

+ Nguồn nhân lực tại chỗ của huyện; mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho bà con trong chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng và đánh bắt hải sản;

+ Nguồn vốn: Từ ngân sách trung ương, thành phố.

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Các ngành kinh tế sẽ khởi sắc. Giết mổ gia súc, gia cầm có quy mô, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; áp dụng kỹ thuật trong trồng cây ăn trái, hoa màu, trong chăn nuôi gia súc, gia cầm; khai thác

hải sản một cách hợp lý, vừa khoanh nuôi, vừa bảo vệ sẽ đảm bảo cung cấp thực phẩm tươi ngon tại chỗ, phục vụ nhu cầu tiêu thụ cho toàn đảo;

3.5.1.4. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- *Lý do cần phải thực hiện giải pháp về bảo vệ môi trường:* Ô nhiễm môi trường không những là vấn đề nan giải của mỗi địa phương, mỗi quốc gia mà còn là vấn đề của toàn nhân loại. Với huyện đảo ô nhiễm môi trường là một vấn đề rất nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, miếng cơm manh áo của người dân. Do vị trí đảo nằm giữa biển, cô độc, tách biệt với đất liền, việc xả rác, nước thải trực tiếp ra môi trường là xả trực tiếp ra đất, ra biển mà không qua xử lý sẽ tác động xấu đến các hệ sinh thái, gây ô nhiễm, hủy hoại nguồn lợi hải sản..... Điều này đã được thể hiện tại phân phân tích môi trường bên trong huyện đảo. Như vậy, giải pháp về bảo vệ môi trường đối với huyện đảo ngay từ giai đoạn 2018-2020 là vô cùng cần thiết.

- *Cách thức thực hiện:* Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, nâng cao ý thức của cán bộ, quân, dân và bà con ngư dân vào đảo về bảo vệ môi trường đảo, phân loại rác từ đầu nguồn, huyện Bạch Long Vĩ cần phải đầu tư một số công trình, dự án để bảo vệ môi trường như sau:

- Đầu tư trang thiết bị cho Tổ dọn vệ sinh môi trường do Hội Liên hiệp phụ nữ quản lý, gồm: 01 xe ô tô chở rác chuyên dụng loại nhỏ (1,4 tấn rác thùng 3m³), 06 xe đẩy thu gom rác. Hiện tại Tổ dọn vệ sinh môi trường chỉ có 01 xe kéo rác tự chế (xe ba bánh gắn xe máy), mỗi lần chỉ thu được 1,2m³ rác; 06 tổ viên thay phiên nhau thu dọn rác).

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý rác thải:

Theo như tác giả tìm hiểu, hiện nay ở nước ta có nhà máy chế tạo thiết bị T-TECH thuộc Tập đoàn Công nghệ T-TECH Việt Nam đã nghiên cứu và cho ra mắt công trình lò đốt rác thải sinh hoạt Model CNC. Một lò đốt rác có công suất xử lý rác thải từ 3 tấn đến 5 tấn rác trên một giờ (tương đương 7,2-120 tấn một ngày). Thời gian thi công xây dựng, lắp đặt khoảng từ 1 đến 3 tháng. Theo đánh giá của

các chuyên gia thì đây là một công trình có thiết kế cầu kỳ, được tích hợp nhiều nguyên lý khoa học một cách bài bản, tạo thành một chu trình công nghệ khép kín và tối ưu, từ khâu: sấy rác - đốt rác - đốt tro - đốt khí - tản nhiệt - bẫy bụi và xử lý khí độc. Lò đốt rác T-TECH có thể đốt kiệt rác mà không tạo ra ô nhiễm thứ cấp, khí thải đầu ra luôn đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN: 61-MT:2016/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Về giá thành một lò đốt rác dành cho cấp huyện có giá đầu tư khoảng 7 tỷ đồng [17].

Như vậy, theo như Nhà máy chế tạo thiết bị T-TECH thuộc Tập đoàn Công nghệ T-TECH Việt Nam giới thiệu thì đây chính là sản phẩm mà huyện đảo Bạch Long Vĩ rất cần. Đầu tư ít vốn, thời gian nhanh, đảm bảo vệ sinh môi trường, xử lý khối lượng rác một ngày (7,2 đến 120 tấn rác một ngày) đều rất phù hợp với điều kiện và khối lượng rác tại huyện đảo.

Lý do chọn phương án lò đốt rác là bởi diện tích đảo nhỏ, thời gian tới không thể chôn lấp được do phần diện tích chôn lấp rác đã hết, việc chôn lấp rác sẽ gây ảnh hưởng nặng nề đến môi trường sống và các hệ sinh thái của đảo. Hai là, lò đốt rác không chiếm nhiều diện tích, phù hợp với các điều kiện về vốn đầu tư, thời gian và số lượng rác thải của đảo. Trong tương lai, nếu số lượng rác lớn hơn, ta có thể đầu tư thêm 01 hoặc 02 lò đốt rác nữa.

Đối với chất thải rắn ngoài việc chôn lấp (chất thải là vật liệu xây dựng), chất thải vô cơ khác (chai lọ, sắt thép...) sẽ được thu gom vận chuyển về đất liền xử lý.

Bên cạnh việc thu gom, xử lý rác thải, huyện sẽ tuyên truyền cho nhân dân ý thức phân loại rác từ đầu nguồn, như vậy, khâu xử lý rác bằng lò đốt sẽ hiệu quả hơn gấp nhiều lần.

Vị trí lò đốt rác: Đặt tại khu vực Tây, Tây Bắc đảo tránh ảnh hưởng bởi gió mùa Tây Nam, Đông Bắc, gây mất mỹ quan khu vực dân cư, khu du lịch.

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải:

Theo như tác giả tìm hiểu, tại làng nghề Bình Thắng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2013-2017 đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công

suất 300m³/ngày đêm, kinh phí thực hiện 77,6 tỷ đồng. Được biết làng nghề chế biến cá khô Bình Thắng đã hoạt động được 50 năm và cho đến nay, mỗi ngày thải ra môi trường khoảng 300m³ chất thải chưa qua xử lý, gây ô nhiễm môi trường trầm trọng [40].

Từ công trình xây dựng hệ thống nước thải của làng nghề Bình Thắng, tỉnh Bến Tre, ta thiết nghĩ, huyện đảo đến nay đã hơn 25 thành lập rất cần có một công trình xử lý nước thải tránh gây ô nhiễm môi trường.

Công trình xử lý nước thải sẽ tọa lạc tại khu vực phía Tây Bắc đảo, gần khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và khu tổ hợp chế biến hải sản.

Công trình xây dựng hệ thống xử lý nước thải gồm: Trạm xử lý nước thải với công suất thiết kế 300m³ một ngày, nâng cấp hệ thống đường ống cống thu gom nước thải cũ từ các cơ quan, đơn vị, các khu dân cư (sẽ xây dựng mới hệ thống đường ống cống thu gom nước thải từ các khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, khách sạn trong tương lai) tập trung về bể chứa trong khu dịch vụ hậu cần nghề cá Tây Nam đảo, từ đây nước thải sẽ được bơm đẩy về Trạm xử lý nước thải khu vực Tây Bắc đảo trước khi xả thải ra môi trường. Với hệ thống xử lý nước thải này sẽ có công nghệ tiên tiến, đảm bảo xử lý nước thải cho toàn bộ khu vực ở phía Nam, Tây Nam, Đông Nam của đảo, nơi tập trung dân cư đông đúc, khu hậu cần nghề cá, khu giết mổ gia súc, gia cầm, khu tổ hợp chế biến hải sản và khu vực nhà hành, khách sạn, khu nghỉ dưỡng trong tương lai.

- Về Dự án trồng rừng phòng hộ, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc:

Với Dự án trồng rừng phòng hộ, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc thích ứng với biến đổi khí hậu huyện Bạch Long Vĩ đã triển khai còn nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao. Để tạo màu xanh cho huyện đảo, giữ đất đồi chống xói lở, giữ nước, bảo vệ môi trường sống thích ứng với biến đổi khí hậu ta phải triển khai trồng rừng theo từng khu vực nhỏ một, nhằm mục đích dễ quản lý, chăm sóc và bảo vệ cho đến khi cây lớn ta lại trồng tiếp khu vực khác, như vậy, tỷ lệ cây sống sẽ cao và dự án trồng rừng sẽ hiệu quả.

- *Nguồn lực thực hiện:*

+ Nguồn nhân lực tại chỗ của huyện;

+ Nguồn vốn: Từ ngân sách trung ương, thành phố.

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Sau khi đầu tư xây dựng lò đốt rác, hệ thống xử lý nước thải, đầu tư trồng rừng và kết hợp với tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức của cán bộ, quân, bà con nhân dân, ngư dân thì môi trường huyện đảo sẽ xanh, sạch, đẹp hơn. Du khách khi lần đầu đến với đảo, với môi trường trong lành, sạch đẹp, quang cảnh nên thơ sẽ nhớ mãi khi về và còn muốn trở lại khi có dịp.

3.5.1.5. *Giải pháp về khoa học công nghệ*

- *Lý do thực hiện giải pháp:* Giải pháp này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo. Do một số công trình, dự án cần phải áp dụng công nghệ mới giải quyết được vấn đề thực tiễn của huyện đảo, như: Hệ thống xử lý nước thải, rác thải; công nghệ phục vụ nghiên cứu bảo tồn, phát triển nguồn lợi hải sản; công nghệ trong chăn nuôi, trồng trọt....

- *Cách thức thực hiện:* Các công nghệ áp dụng vào đầu tư xây dựng các công trình, dự án xử lý nước thải, rác thải; phục vụ nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn lợi hải sản; phục vụ chăn nuôi, trồng trọt tại đảo phải là những công nghệ tiên tiến, hiện đại, được các địa phương trong nước hoặc các quốc gia khác đã triển khai sử dụng và đạt hiệu quả cao.

- *Nguồn lực thực hiện:*

+ Khi triển khai xây dựng, lắp đặt các trang thiết bị công nghệ cần phải có nguồn nhân lực có trình độ (chuyên gia) đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, thành phố và huy động nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài (có thể tổ chức trong nước, nước ngoài).

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu, công năng sử dụng khi được triển khai đầu tư xây dựng trong giai đoạn này cũng như trong tương lai.

3.5.2. Giai đoạn 2 (từ năm 2021 - 2025)

Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân cùng chính quyền xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa xã hội ngày một tiến bộ; tập trung quản lý nhà nước tốt nhất trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội, tài nguyên môi trường,.... nhất là các lĩnh vực đã được quan tâm đầu tư tại giai đoạn 1 của chiến lược. Giai đoạn 2 này, huyện sẽ tập trung thực hiện các giải pháp sau:

3.5.2.1. Giải pháp về tổ chức nhân sự

- *Lý do cần phải thực hiện giải pháp về tổ chức nhân sự:* Thứ nhất, Huyện Bạch Long Vĩ tuy nhỏ nhưng nếu đồng chí Bí thư Huyện ủy kiêm chủ tịch UBND huyện như hiện nay có thể sẽ dẫn đến tình trạng đồng chí Bí thư Huyện ủy vừa duyệt chủ trương đường lối phát triển kinh tế - xã hội vừa thực hiện chủ trương đó, thậm trí làm chệch hướng theo ý chí chủ quan (vừa đá bóng, vừa thổi còi). Thứ hai, xét về vị trí địa lý thì huyện Bạch Long Vĩ nằm tách biệt so với thành phố, không giống như các quận, huyện trong đất liền. Như vậy, thành phố không thể thực hiện công tác thanh kiểm tra đột xuất hay giám sát thường xuyên được.

- *Cách thức thực hiện:*

Năm 2021 là năm cuối, kết thúc nhiệm kỳ 2016-2021 HĐND huyện Bạch Long Vĩ khóa V. Như vậy, với nhiệm kỳ HĐND khóa mới (khóa VI, nhiệm kỳ 2021-2026), giải pháp sẽ là huyện tham mưu, đề xuất trung ương, thành phố thực hiện công tác nhân sự đặc biệt, riêng đối với huyện Bạch Long Vĩ: Bầu đồng chí Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ tịch HĐND huyện như tổ chức cán bộ đối với lãnh đạo thành phố Hải Phòng là đồng chí Bí thư Thành ủy kiêm Chủ tịch HĐND thành phố.

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Khi huyện có lãnh đạo đường lối, giám sát riêng, có lãnh đạo thực thi đường lối riêng sẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội huyện đảo phát triển nhanh và bền vững hơn.

3.5.2.2. Giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- *Lý do thực hiện các giải pháp:* Nhằm hoàn thiện hơn về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, ngư dân và du khách đến với đảo.

- *Cách thức thực hiện:*

Giai đoạn này, huyện sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng gồm: Cảng và dịch vụ hậu cần nghề cá; mở rộng, xây mới một số tuyến đường trên đảo; xây dựng hệ thống cung cấp điện năng; đầu tư dự án nâng cấp Trung tâm y tế quân dân y Bạch Long Vĩ.

Giai đoạn này, huyện tập trung đầu tư, xúc tiến đầu tư xây dựng các công trình, dự án:

Cảng và khu neo đậu tàu phía Tây Bắc đảo (giai đoạn 2), bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản (đường, điện, hệ thống cống thu gom nước thải chảy về khu xử lý nước thải, hệ thống đường ống nước cung cấp nước ngọt cho các tàu thuyền từ khu lọc, cấp nước ngọt), xây dựng khu nhà điều hành quản lý cảng, hệ thống cầu hàng, khu hậu cần nghề cá (gồm các công trình lọc, cấp nước ngọt; kho cung cấp xăng dầu, kho hàng hóa qua cảng, khu sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tàu thuyền, khu bán các loại ngư lưới cụ, khu bán hàng ăn uống, khu dịch vụ tắm, giặt, vệ sinh).

Xây dựng Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá tại khu vực hậu cần nghề cá cũ bỏ hoang cảng Tây Nam đảo. Trên cơ sở hạ tầng có sẵn như đường, điện, hệ thống cống nước thải cũ, xây dựng mới hệ thống đường ống cấp nước, công trình lọc, cấp nước ngọt; kho cung cấp xăng dầu, kho hàng hóa qua cảng, khu sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tàu thuyền, khu bán các loại ngư lưới cụ, khu bán hàng ăn uống, khu dịch vụ tắm, giặt, vệ sinh).

Đối với 02 nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt tại 02 khu hậu cần nghề cá cảng Tây Nam và cảng Tây Bắc đảo:

Trên thế giới có rất nhiều nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt phục vụ nhu cầu sử dụng nước của dân cư và công nghiệp với nhiều công nghệ tiên tiến, hiện đại được áp dụng.

Tại Việt Nam, năm 2012, xã đảo An Bình, huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đã được một doanh nghiệp Hàn Quốc tài trợ xây lắp nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt với tổng số vốn đầu tư hơn 20 tỷ đồng. Nhà máy có công suất

200m³ nước ngọt một ngày đêm, có thể cung cấp cho mỗi gia đình ở xã đảo An Bình 400 lít nước mỗi ngày. Nhà máy gồm các hạng mục: Bể chứa nước biển đầu vào, bể chứa nước ngọt đầu ra, hệ thống ống dẫn nước biển từ ngoài khơi vào bể chứa, hệ thống ống dẫn nước đầu ra từ bể chứa đến trung tâm phân phối nước cho các hộ gia đình...[18].

Như vậy, nhà máy trên cũng là một mô hình mà huyện đảo Bạch Long Vĩ cần phải học tập. Nếu đầu tư 02 nhà máy lọc nước tại 02 khu hậu cần nghề cá Tây Nam và Tây Bắc đảo thì tổng lượng nước có thể cung cấp cho các tàu của ngư dân và nhân dân trên đảo là 400m³ ngày đêm và 146000m³ một năm.

Xây dựng mở rộng, xây mới một số tuyến đường trên đảo: Mở rộng tuyến đường trục chính trung tâm huyện từ phía Đông giáp đường ven biển chạy qua trung tâm đến phía Tây đảo theo quy hoạch 1/2000, với lòng đường rộng 10,5m (hiện tại lòng đường rộng 6m); mở rộng các tuyến đường ven núi, ven biển với lòng đường rộng 5,5m (hiện tại rộng 4m); xây dựng mới một số tuyến đường khu vực sân vận động, hồ nước, đường nối tiếp đường trục các cơ quan hành chính đến khu vực phía Tây đảo.

Xây dựng hệ thống cung cấp nguồn điện hỗn hợp để cấp điện cho đảo, nguồn điện lai ghép Gió + Mặt trời + Diesel + Lưu trữ năng lượng theo dự án đầu tư của Tập đoàn điện lực Việt Nam. Cụ thể: Lắp đặt 04 turbine điện gió, công suất mỗi turbine 250kVA; lắp đặt các tấm pin mặt trời, tổng công suất 500kWp; lắp đặt 02 máy phát Diesel, tổng công suất 2MVA; lắp đặt hệ thống lưu trữ năng lượng điện năng sử dụng ắc quy kết hợp bộ Inverter nối lưới, tổng dung lượng năng lượng điện năng lưu trữ 7,48MWh; lắp đặt hệ thống điều khiển, giám sát [31].

- *Nguồn lực thực hiện:*

+ Nguồn nhân lực tại chỗ, tuyển dụng nhân lực có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu công việc có hàm lượng khoa học công nghệ cao.

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, thành phố và huy động nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài (có thể tổ chức trong nước, nước ngoài).

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Sau khi huyện được đầu tư xây dựng các công trình cảng, các tuyến đường mới, khu hậu cần nghề cá, nguồn cung cấp điện năng sẽ giúp cho kinh tế huyện đảo tiến thêm một bước mới, là cơ sở tạo đà, đẩy mạnh các hoạt động giết mổ gia súc gia cầm, chế biến hải sản, kinh doanh dịch vụ phát triển, thu hút tàu thuyền vào đảo.

3.5.2.3. Giải pháp về phát triển kinh tế

- *Lý do thực hiện giải pháp:* Tạo đà cho phát triển các ngành dịch vụ khác phát triển theo như: Dịch vụ hậu cần nghề cá, thu hút ngư dân vào đảo sử dụng các dịch vụ ăn uống, vui chơi, giải trí... và dịch vụ du lịch.

- *Cách thức thực hiện:*

Tập trung xúc tiến, kêu gọi đầu tư xây dựng tổ hợp chế biến thủy sản khu vực Tây Bắc đảo, bên cạnh khu cảng và hậu cần nghề cá, khu xử lý nước thải với quy mô phù hợp với nguồn thủy sản dự báo năm 2025 (320 tấn), năm 2030 (625 tấn) sau khi huyện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị cho Ban Quản lý khu bảo tồn biển phục vụ công tác quản lý khu bảo tồn biển kết hợp nghiên cứu phục hồi hệ sinh thái, phát triển nguồn lợi thủy sản.

Xúc tiến, kêu gọi nhà nước, thành phố hỗ trợ dân đảo đầu tư phương tiện khai thác thủy sản đánh bắt tại ngư trường Bạch Long Vĩ, giúp dân đảo đảm bảo công ăn việc làm, định cư lâu dài tại đảo, bám đảo, bám biển làm ăn sinh sống khẳng định chủ quyền biển đảo của tổ quốc.

- *Nguồn lực thực hiện:*

+ Nguồn nhân lực tại chỗ;

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, thành phố và nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài (có thể tổ chức, cá nhân trong nước).

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Huyện đảo sẽ thu hút ngày càng nhiều các phương tiện tàu thuyền vào đảo làm hàng, sử dụng các dịch vụ; phát triển

thương hiệu hải sản Bạch Long Vĩ sau chế biến cũng sẽ thu hút ngày càng nhiều du khách hơn đến với đảo.

3.5.2.4. Giải pháp về y tế

- *Lý do thực hiện giải pháp:* Nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của cán bộ, quân, dân, ngư dân và du khách đến với đảo.

- *Cách thức thực hiện:*

Xây dựng, nâng cấp Trung tâm y tế quân dân y thành Trung tâm y tế quân dân y chuẩn cấp vùng, với cơ sở hạ tầng, vật chất, trang thiết bị xây dựng, nâng cấp và trang bị đầy đủ (quy mô 35 giường bệnh; số bác sĩ, y tá được tăng cường; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được trang bị đầy đủ).

- *Nguồn lực thực hiện:*

+ Nguồn nhân lực tại chỗ, tuyển dụng y bác sĩ có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, thành phố và huy động nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài (có thể tổ chức trong nước, nước ngoài).

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Đảm bảo phục vụ khám chữa bệnh cho hơn 10000 bệnh nhân sau khi hoàn thành; cơ sở hạ tầng kỹ thuật y tế phát triển giúp cho toàn thể cán bộ, quân, dân sinh sống tại đảo, ngư dân và du khách đến với yên tâm hơn, nhất là khi có vấn đề về sức khỏe đột xuất xảy ra cần được cấp cứu kịp thời.

3.5.2.5. Giải pháp về khoa học công nghệ

- *Lý do thực hiện giải pháp:* Giải pháp này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo. Do một số công trình, dự án cần phải áp dụng công nghệ mới giải quyết được vấn đề thực tiễn của huyện đảo, như: Công nghệ lọc nước biển thành nước sinh hoạt, công nghệ điện gió + mặt trời, công nghệ chế biến hải sản giữ được tươi, ngon; công nghệ về y tế....

- *Cách thức thực hiện:* Các công nghệ áp dụng vào đầu tư xây dựng các công trình lọc nước biển thành nước sinh hoạt, cung cấp điện năng (dùng năng lượng gió, nhiệt mặt trời), trang thiết bị y tế phải là các công nghệ hiện đại, tiên tiến, được các địa phương trong nước hoặc các quốc gia khác đã sử dụng và đạt hiệu quả cao.

- *Nguồn lực thực hiện:*

+ Khi triển khai xây dựng, lắp đặt các trang thiết bị công nghệ cần phải có nguồn nhân lực có trình độ (chuyên gia) đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, thành phố và huy động nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài (có thể tổ chức trong nước, nước ngoài).

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu, công năng sử dụng khi được triển khai đầu tư xây dựng trong giai đoạn này cũng như trong tương lai.

3.5.3. Giai đoạn 3 (từ năm 2026 - 2030)

Tiếp tục phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa xã hội ngày một tiến bộ; quản lý nhà nước tốt nhất trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội, tài nguyên môi trường, quản lý nguồn vốn, thu chi ngân sách... nhất là các lĩnh vực đã được quan tâm đầu tư tại giai đoạn 1, giai đoạn 2 của chiến lược. Giai đoạn 3 này, huyện sẽ tập trung thực hiện các giải pháp sau:

3.5.3.1. Giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- *Lý do thực hiện giải pháp:* Nhằm hoàn thiện hơn về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, ngư dân và du khách đến với đảo.

- *Cách thức thực hiện:*

Xây dựng, nâng cấp Cảng và khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ (cảng Tây Nam) thành cảng cá loại I, khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng.

Theo quy định tại Luật Thủy sản, quy định khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp vùng đáp ứng các tiêu chí: Có vị trí là nơi gần ngư trường, tập trung tàu cá của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đáp ứng thời gian di chuyển nhanh

nhất cho tàu cá vào neo đậu tránh trú bão; Có điều kiện tự nhiên thuận lợi, bảo đảm an toàn cho tàu cá neo đậu tránh trú bão; Có khả năng neo đậu tối thiểu 1.000 tàu cá [25].

Đối với Cảng Tây Nam đảo Bạch Long Vĩ có diện tích mặt nước là 25,7ha, diện tích sử dụng để neo đậu tàu thuyền là 7,5ha, với hệ thống đê chính dài 648 m, đê phụ 514 m. Có 3 bến cập tàu (bến chính có thể cập tàu 400T, bến tàu cá dài 100 m và bến nghiêng phục vụ quốc phòng). Năng lực neo đậu hiện nay cho khoảng 200-300 tàu cá công suất máy từ 33CV đến 600CV vào tránh trú gió.

Đối chiếu theo quy định của Luật Thủy sản 2017, Cảng Tây Nam đảo đáp ứng được tiêu chí thứ nhất, tiêu chí thứ hai và ba là chưa đáp ứng được.

Để xây dựng, nâng cấp Cảng và khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ (cảng Tây Nam đảo) thành cảng cá loại I, khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, huyện Bạch Long Vĩ cần phải xúc tiến đầu tư, xây dựng, gia cố đê chắn sóng cao 15m tính từ mức triều cao nhất; nạo vét lòng âu cảng, mở rộng diện tích mặt nước sử dụng lên 24ha để có thể đáp ứng neo đậu cho khoảng 1000 tàu công suất máy từ 33CV đến 1000CV; trang bị đầy đủ hệ thống phao rùa neo đậu, đệm va,

Xúc tiến đầu tư kè mở rộng đảo phía Bắc, Tây Bắc, kết hợp xây sân bay cánh cứng với diện tích khoảng trên 28ha. Trong đó sẽ xây dựng đường băng cát, hạ cánh có kích thước 1800m x 35m đáp ứng cho máy bay dân dụng, máy bay quân sự cỡ nhỏ theo tiêu chuẩn cấp 3C của ICAO.

- Nguồn lực thực hiện:

+ Nguồn nhân lực tại chỗ, tuyển chọn nhân lực có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, thành phố và huy động nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài (có thể tổ chức trong nước).

- Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp: Cơ sở hạ tầng huyện đảo cơ bản hoàn thiện, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo.

3.5.3.2. Giải pháp về phát triển kinh tế

- *Lý do thực hiện giải pháp:* Tiếp tục tạo đà phát triển ngành chế biến hải sản và phát triển một số dịch vụ khác như: Dịch vụ hậu cần nghề cá, dịch vụ du lịch.

- *Cách thức thực hiện:*

Tiếp tục xúc tiến, kêu gọi nhà nước, thành phố hỗ trợ dân đảo đầu tư phương tiện khai thác thủy sản đánh bắt tại ngư trường Bạch Long Vĩ. Đến năm 2030, dân đảo có khoảng từ 7 đến 10 tàu cá đánh bắt thủy sản cung cấp nguồn hải sản phong phú cho tổ hợp chế biến thủy sản tại huyện. Đây chính là một trong hai tiền đề quan trọng để huyện phát triển công nghiệp chế biến thủy sản (tiền đề một: Ương giống, cung cấp giống một số loại hải sản quý, đặc hữu như bào ngư, ốc nón, hải sâm và một số loại cá như cá song, cá gáy ... mà Ban Quản lý khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ đảm nhiệm).

Xúc tiến đầu tư xây dựng khu tổ hợp nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, giai đoạn 1, với các khu nhà nghỉ tiện nghi, khu nhà hàng ăn uống, khu vui chơi trên đảo kết hợp tắm biển. Đây sẽ là tiền đề để xây dựng các hạng mục khách sạn, khu vui chơi giải trí dưới nước..... cho những năm tiếp theo.

- *Nguồn lực thực hiện:*

+ Nguồn nhân lực tại chỗ, tuyển chọn nguồn nhân lực có tay nghề.

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, thành phố và huy động nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài (có thể tổ chức trong nước).

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Huyện đảo sẽ nhận nhịp hơn rất nhiều, với cơ sở hạ tầng đầy đủ, khu chế biến hải sản thu hút ngày càng nhiều tàu thuyền vào đảo làm hàng; khu nhà hàng khách sạn, khu vui chơi giải trí ngày một thu hút du khách.

3.5.3.3. Giải pháp về khoa học công nghệ

- *Lý do thực hiện giải pháp:* Giải pháp này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo. Do một số công trình, dự án

cần phải áp dụng công nghệ mới đáp ứng được nhu cầu vui chơi, giải trí tại huyện đảo.

- *Cách thức thực hiện:* Các công nghệ áp dụng vào đầu tư xây dựng các công trình, dự án, các khu vui chơi, giải trí trên đảo, dưới nước cần phải là những công nghệ tiên tiến, hiện đại, được các địa phương trong nước hoặc các quốc gia khác đã triển khai sử dụng đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả cao.

- *Nguồn lực thực hiện:*

+ Khi triển khai xây dựng, lắp đặt các trang thiết bị công nghệ cần phải có nguồn nhân lực có trình độ (chuyên gia) đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, thành phố và huy động nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài (có thể tổ chức trong nước, nước ngoài).

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu, công năng sử dụng khi được triển khai đầu tư xây dựng trong giai đoạn này cũng như trong tương lai, thu hút được đông đảo du khách đến với biển đảo Bạch Long Vĩ.

3.5.3.4. Giải pháp về phát triển văn hóa xã hội

- *Lý do thực hiện giải pháp:* Đây là món ăn tinh thần không thể thiếu đối với cán bộ, quân, dân và thậm chí ngư dân và đặc biệt là du khách đến với đảo. Một nét khác biệt về văn hóa tinh thần, văn hóa ẩm thực sẽ rất hấp dẫn du khách gần xa.

- *Cách thức thực hiện:*

Sau khi Bạch Long Vĩ đã cơ bản hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực kinh tế dần phát triển đi lên, thu chi ngân sách đảm bảo, văn hóa xã hội cơ bản tốt, huyện đảo sẽ có điều kiện để phát triển lĩnh vực văn hóa. Theo tác giả đã trải nghiệm, để hấp dẫn du khách đến với một địa phương, ngoài bộ mặt khang trang, sạch đẹp, thì yếu tố văn hóa tinh thần đóng góp vô cùng lớn đối với kinh tế địa phương. Tuy không trực tiếp tác động nhiều đến túi tiền của du khách khi tham gia một lễ hội văn hóa cụ thể nào đó nhưng các dịch vụ đi kèm sẽ là yếu tố khiến du khách chi tiêu nhiều hơn.

Một lễ hội văn hóa tinh thần tại một hòn đảo giữa Vịnh Bắc Bộ sẽ là một ý tưởng vô cùng thú vị. Nghe đến đảo Bạch Long Vĩ, có khu nghỉ dưỡng tuyệt vời với không khí trong lành, khung cảnh đẹp, bãi biển cát trắng nước trong xanh, ẩm thực ngon với các món chế biến từ hải sản tươi sống... và một lễ hội văn hóa tinh thần gắn với người dân nơi đây được tổ chức hàng năm thì liệu chính bạn có thể bỏ qua? Nghe thôi đã thấy thú vị rồi.

Lễ hội văn hóa tinh thần ở đây có thể mang yếu tố tâm linh, truyền thuyết, nguồn gốc dân tộc mà trong đó đảo Bạch Long Vĩ nổi lên như là đuôi rồng quẫy nước trắng xóa. Theo truyền thuyết về đảo:

“Một số truyền thuyết cho rằng khi người Việt mới lập nước đã bị giặc ngoại xâm, Ngọc Hoàng sai Rồng Mẹ mang theo một đàn Rồng Con xuống hạ giới giúp người Việt đánh giặc. Thuyền giặc từ ngoài biển ào ạt tiến vào bờ vừa lúc đàn Rồng tới hạ giới. Đàn Rồng lập tức phun ra lửa thiêu cháy thuyền giặc, một phần nhà Châu Ngọc dựng thành bức tường đá sừng sững làm cho thuyền giặc đâm phải mà vỡ tan, chặn đứng bước tiến của ngoại bang.

Sau khi giặc tan, thấy cảnh mặt đất thanh bình, cây cối tươi tốt, con người nơi đây lại cần cù, chịu khó, đoàn kết giúp đỡ nhau, Rồng Mẹ và Rồng Con không trở về trời mà ở lại hạ giới, nơi vừa diễn ra trận chiến để muôn đời bảo vệ con dân Đại Việt. Vị trí Rồng Mẹ đáp xuống là Hạ Long; nơi Rồng Con đáp xuống là Bái Tử Long và nơi đuôi đàn rồng quẫy nước trắng xóa là Bạch Long Vĩ” [3].

Phần Lễ sẽ là bày con cháu bày tỏ lòng biết ơn thành kính dâng lên “Mẹ Rồng và Rồng con” đã có công giúp người Việt đánh giặc. Phần Hội có thể mang yếu tố vừa hiện đại vừa truyền thống như chơi các môn thể thao dưới nước: Bơi, nhảy cầu, đi thăng bằng dưới nước, đua thuyền, ...

Song song với lễ hội văn hóa tinh thần nêu trên, huyện tổ chức văn hóa ẩm thực về biển, trong đó bao gồm nhiều món ăn liên quan đến hải sản, đặc biệt là các món ăn chế biến từ các loại hải sản quý như: Bào ngư, ốc nón, hải sâm....

- Nguồn lực thực hiện:

+ Nguồn nhân lực tại chỗ, tuyển chọn nguồn nhân lực có tay nghề.

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, thành phố và huy động nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài (có thể tổ chức trong nước).

- *Dự kiến sau khi thực hiện giải pháp:* Tổ chức được một lễ hội văn hóa tinh thần, văn hóa ẩm thực mang đậm nét riêng của một hòn đảo nằm giữa Vịnh Bắc Bộ là một điểm mạnh cũng như cơ hội lớn cho huyện đảo Bạch Long Vĩ quảng bá, hấp dẫn du khách mọi miền đến với đảo quê hương vừa nghỉ dưỡng, vừa tham gia lễ hội, vui chơi, giải trí.

3.6. Đánh giá, điều chỉnh quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030

Năm 2030 sẽ là mốc thời gian đánh dấu cho sự phát triển hoàn thiện về cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho huyện Bạch Long Vĩ, cũng là năm đánh dấu bước đầu cho sự phát triển dịch vụ du lịch, lĩnh vực phát triển kinh tế trọng tâm như đã xác định tại mục 3.1.1. Tầm nhìn, 3.1.2. Mục tiêu đã đề ra tại đầu chương 3.

Về cơ bản, tác giả đã xác định công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn (03 giai đoạn) cho đến năm 2030. Tuy nhiên, trong quá trình hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật huyện đảo, nếu có vấn đề phát sinh (giả dụ như liên quan đến vấn đề đảm bảo an ninh, quốc phòng), huyện đảo cần phải đánh giá, điều chỉnh, bổ sung cụ thể nhằm phát triển huyện đảo một cách tổng hòa, không chệch hướng mà tầm nhìn và mục tiêu đã đề ra.

Việc đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 cần phải thực hiện một cách khách quan, dựa trên thực tế huyện đảo, có sự tham khảo ý kiến của các cấp, các ngành, không thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo ý chủ quan của lãnh đạo huyện.

3.7. Các kiến nghị đối với Trung ương, thành phố

Bạch Long Vĩ là huyện đảo tiên tiêu của tổ quốc, được Trung ương quan tâm xác định rõ mục tiêu theo như trong Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 05/8/2003 của Bộ Chính trị, đã xác định “Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ sớm trở thành trung tâm

chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá cho các tỉnh ven biển Bắc Bộ”, Kết luận số 72-KL/TW, ngày 10/10/2013 của Bộ Chính trị, đã xác định lại “Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ thành trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc”, tuy nhiên cho đến nay, huyện đảo Bạch Long Vĩ chưa thể trở thành trung tâm chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá cho các tỉnh ven biển Bắc Bộ, chưa thể trở thành trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc.

Để thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030, thực hiện được mục tiêu đã đề ra, ngoài các đề xuất trong phân giải pháp, tác giả có một số đề xuất, kiến nghị với Trung ương và thành phố như sau:

1. Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn (đầu tư tàu, xuồng chuyên dụng tìm kiếm cứu nạn trên biển và các trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến chuyên dụng).

2. Đầu tư tàu, xuồng cao tốc hiện đại, chịu sóng tốt cho Đồn Biên phòng Bạch Long Vĩ trực tiếp làm nhiệm vụ tại đảo, trong đó có nhiệm vụ kiểm soát, ngăn chặn các tàu cá khai thác hải sản bằng các dụng cụ tận diệt nguồn lợi hải sản (dùng mìn, hóa chất, xung điện).

3. Đề xuất thành phố Hải Phòng thực hiện công tác cán bộ đặc biệt đối với huyện Bạch Long Vĩ đó là: Bầu đồng chí Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ tịch HĐND huyện (vì trong đất liền, thành phố Hải Phòng chủ trương thực hiện công tác cán bộ là đồng chí Bí thư quận, huyện ủy kiêm Chủ tịch UBND quận, huyện. Tuy nhiên, đối với Bạch Long Vĩ lại khác rất nhiều. Lý do đã được đưa ra trong phân giải pháp thực hiện chiến lược tại mục 3.5.2.1. *Giải pháp về tổ chức nhân sự*).

4. Đề xuất thành phố Hải Phòng không luân chuyển cán bộ lãnh đạo khi công tác chưa đủ 5 năm liền tại đảo giống như khi huyện yêu cầu tuyển dụng đối với cán bộ, công chức là nếu trúng tuyển phải cam kết công tác tại đảo ít nhất 5 năm liền (trừ trường hợp bất khả kháng). Như vậy sẽ ít ảnh hưởng tới thực thi đường hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo đến năm 2030).

5. Kiến nghị thành phố có chế độ chính sách đặc biệt ưu đãi đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại đảo. Nếu thành phố có thay thế Quyết định 409/QĐ-UB, ngày 31/5/1994 của UBND thành phố Hải Phòng bằng một văn bản khác về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại huyện Bạch Long Vĩ thì thu nhập từ lương phải tăng lên, không được giảm đi. Lý do một số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ quan nhà nước vẫn chưa thực sự yên tâm công tác do còn gặp rất nhiều khó khăn khi công tác tại đảo (khó khăn khi đảo cô lập ở xa, ảnh hưởng bởi thiên tai, khó khăn khi phải xa gia đình và mức lương đến nay vẫn tính lương theo Quyết định 409 của UBND thành phố về việc ban hành qui định *tạm thời* một số chế độ chính sách theo chế độ tiền lương mới đối với những người làm việc tại huyện Bạch Long Vĩ.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở phân tích môi trường bên ngoài, môi trường bên trong huyện Bạch Long Vĩ; các dự báo môi trường bên ngoài, bên trong huyện Bạch Long Vĩ trong giai đoạn 2018-2030 tại chương 2, chương 3 này, tác giả đã xác định được tầm nhìn, mục tiêu và các giải pháp thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho huyện đảo Bạch Long Vĩ đến năm 2030.

Với thực tế đã sống và làm việc nhiều năm tại đảo Bạch Long Vĩ, việc tác giả đưa ra các giải pháp tại chương 3 này hoàn toàn đều dựa trên phân tích thực tế và cái nhìn khách quan của tác giả. Tác giả xét thấy các giải pháp này thực hiện đúng theo từng giai đoạn, có thể sớm hơn sẽ giúp huyện đảo phát triển nhanh và bền vững hơn trong tương lai.

KẾT LUẬN

Với tấm lòng mong muốn huyện đảo Bạch Long Vĩ phát triển đi lên mạnh mẽ, bền vững xứng đáng những gì Trung ương đã quan tâm, trên cơ sở lợi thế, điểm mạnh, tiềm năng phát triển và cơ hội của huyện đảo tác giả đã nghiên cứu đề tài này làm luận văn thạc sĩ. Nghiên cứu luận văn đã

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chiến lược và chiến lược phát triển kinh tế – xã hội địa phương như khái niệm chiến lược là gì, chiến lược phát triển kinh tế – xã hội địa phương là gì, vai trò, sự cần thiết phải có chiến lược phát triển kinh tế – xã hội địa phương; quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

- Phân tích môi trường bên ngoài, môi trường bên trong huyện Bạch Long Vĩ. Với những cơ hội, nguy cơ đe dọa đối với huyện đảo, những điểm mạnh, điểm yếu của huyện đảo, từ đó ta đưa ra được các phương án chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện đảo. Qua đó thấy huyện đảo Bạch Long Vĩ còn rất nhiều việc phải làm, vì có quá nhiều điểm yếu nội tại cần phải khắc phục nếu muốn phát triển đi lên trong thời gian tới qua **Phương án chiến lược W-O**: Tận dụng những cơ hội bên ngoài nhằm khắc phục các điểm yếu của huyện đảo.

- Bằng phương pháp ma trận SWOT tác giả đã đề xuất chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2030 với *Chiến lược W-O: Tận dụng những cơ hội bên ngoài nhằm khắc phục các điểm yếu của huyện đảo*. Tác giả đã xác định được có những giải pháp thực hiện cụ thể theo từng giai đoạn để nhằm tận dụng những cơ hội bên ngoài, khắc phục những điểm yếu bên trong của huyện giúp huyện phát triển đi lên một cách bền vững theo tầm nhìn và mục tiêu tác giả đã xác định: *Đến năm 2030, Bạch Long Vĩ cơ bản phát triển du lịch theo hướng bền vững; Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế lấy nông nghiệp thủy sản là nền tảng, dịch vụ hậu cần nghề cá là cơ bản nhằm phát triển dịch vụ du lịch; gắn phát triển nông nghiệp thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, dịch vụ du lịch với nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và đảm bảo quốc phòng, an ninh.*

- Trên cơ sở phân tích môi trường bên ngoài, môi trường bên trong huyện Bạch Long Vĩ; các dự báo môi trường bên ngoài, bên trong huyện Bạch Long Vĩ trong giai đoạn 2018-2030 tại chương 2, kết hợp với thực tế đã sống và làm việc nhiều năm tại đảo Bạch Long Vĩ, tác giả đã xác định được tầm nhìn, mục tiêu và các giải pháp thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho huyện đảo Bạch Long Vĩ đến năm 2030. Các giải pháp được thực hiện theo từng giai đoạn, nếu được thực hiện sớm hơn sẽ có thể giúp huyện đảo phát triển nhanh và bền vững hơn trong tương lai.

Thông qua nghiên cứu, tác giả kỳ vọng đến năm 2030, bộ mặt huyện đảo Bạch Long Vĩ sẽ thay đổi hoàn toàn, trở thành đảo du lịch của tương lai, nhộn nhịp với những con tàu, với những du khách mang niềm hân hoan khi đến với đảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) (2007). *Nghị quyết số 09-NQ/TW về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Ban Thường vụ Huyện ủy Bạch Long Vĩ (2013). *Biên niên lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Long Vĩ*, Nhà xuất bản Hải Phòng, Hải Phòng.
3. Bạch Long Vĩ. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Bach_Long_Vĩ> , xem 12/8/2018.
4. Bộ Chính trị (2003). *Nghị quyết số 32-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngày 5 tháng 8 năm 2003*, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2013). Kết luận số 72-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 05-8-2003 của Bộ Chính trị khóa IX “*Về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”, Hà Nội.
6. Chính phủ (2012). *Nghị định số 80/2012/NĐ-CP về Quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá*, Hà Nội.
7. Đảng bộ huyện Bạch Long Vĩ (2010). *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bạch Long Vĩ lần thứ IV (nhiệm kỳ 2010-2015)*, Bạch Long Vĩ.
8. Đảng bộ huyện Bạch Long Vĩ (2015). *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bạch Long Vĩ lần thứ V (nhiệm kỳ 2015-2020)*, Bạch Long Vĩ.
9. Hải Đăng (2014). Điểm mặt những ngư trường lớn hốt bạc tại Việt Nam, <<https://kienthuc.net.vn/song-4-mau/diem-mat-nhung-ngu-truong-lon-hot-bac-tai-viet-nam-352549.html#p-2>>, xem 22/8/2018.
10. Hoàng Văn Hải (2015). *Quản trị chiến lược*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

11. Thúy Hằng (2018). Bạch Long Vĩ không còn khát, <<https://baotainguyenmoitruong.vn/tai-nguyen/bach-long-vy-khong-con-khat-1249345.html>>, xem 15/8/2018.
12. Phan Thúc Huân (2006). *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nhà xuất Thống kê.
13. Khái quát chung khí hậu Việt Nam. <http://www.vietnamtourism.com/index.php/about/items/1752>>, xem 10/8/2018.
14. Kinh tế Việt Nam đang bước vào quỹ đạo phát triển mới. <<http://vneconomy.vn/kinh-te-viet-nam-dang-buoc-va-quo-dao-phat-trien-moi-20180320005347013.htm>>, xem 21/8/2018.
15. Khoa học và công nghệ là động lực phát triển kinh tế - xã hội. <<http://ncstp.gov.vn/vi/tin-tuc-su-kien/hoat-dong-cua-nganh-kh-cn/204-khoa-hoc-va-cong-nghe-la-dong-luc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi>>, xem 22/7/2018.
16. Khung chính sách cho việc định cư dân trên các hải đảo. <http://bienphongvietnam.vn/nghien-cuu-trao-doi/thong-tin-tu-lieu/850-dd.html>>, xem 16/8/2018.
17. Lò đốt rác. <<http://www.t-tech.vn/sanpham/lo-dot-rac-73.html>>, xem 25/9/2018.
18. Minh Luận (2017). Đảo “khát” đã có nước. <<http://baobinhphuoc.com.vn/Content/dao-khat-da-co-nuoc-383915>, xem 26/9/2018.
19. Lý Sơn. https://vi.wikipedia.org/wiki/Lý_Sơn, xem
20. Ma trận swot là gì? Ứng dụng của swot vào phân tích chiến lược kinh doanh. <<http://www.knacert.com/tin-tuc--su-kien/tin-tuc-khoa-hoc-cong-nghe/ma-tran-swot-la-gi-ung-dung-cua-swot-va-phan-tich-chien-luoc-kinh-doanh-7337>>, xem 20/7/2018.
21. Ngan Nguyen (2017). *Tổng hợp những món ăn ngon không thể bỏ qua ở Hải Phòng*, <<https://www.foody.vn/bai-viet/nhung-mon-an-ngon-o-hai-phong-10879>>, xem 26/8/2018.
22. Phát triển kinh tế. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Phát_triển_kinh_tế>, xem 18/7/2018.

23. Bùi Đức Quang (2014). Báo cáo chuyên đề Đánh giá dịch vụ sinh thái đảo Bạch Long Vĩ, Thành phố Hải Phòng.
24. Đoàn Ngọc Quang (2014). *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Đại Lộc đến năm 2020*, Luận văn thạc sĩ kinh tế chuyên ngành quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.
25. Quốc hội (2017). *Luật thủy sản số 18/2017/QH14*, Hà Nội.
26. Nguyễn Văn Sáu, chủ biên (2003). *Giáo trình quản lý kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia
27. Phan xuân Sơn (2016). Phát triển xã hội,
<<http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/tu-dien-mo/item/1355-phat-trien-xa-hoi.html>>, xem 18/7/2018.
28. Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng (2018). Khái quát tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng, <<http://haiphongdpi.gov.vn/gioi-thieu/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi/>>, xem 25/8/2018.
29. Sở Khoa học và công nghệ Vĩnh Phúc (2012). Khái niệm hoạt động khoa học và công nghệ,
<https://sokhcn.vinhphuc.gov.vn/noidung/hoidap/Lists/Danhsachcauhoi/View_Detail.aspx?ItemID=77>, xem 22/7/2018.
30. Diệp Xuân Tài (chủ nhiệm) (2016). *Quy hoạch Tổng thể phát triển kinh tế – xã hội huyện đảo Côn Cỏ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030*, Đông Hà.
31. Tập đoàn điện lực Việt Nam (2015). *Thông cáo báo chí bàn giao hệ thống điện huyện đảo Bạch Long Vĩ*, Hải Phòng.
32. Ngô Kim Thanh (2012). *Quản trị chiến lược*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
33. Chu Nguyên Thành (2012). *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Thanh Trì đến năm 2020*, Luận văn thạc sĩ kinh tế chuyên ngành quản trị kinh doanh, Viện Kinh tế và Quản lý thuộc Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

34. Trần Đức Thanh – Lê Đức An (2013). Tài nguyên vị thế địa - kinh tế và địa – chính trị đảo Bạch Long Vĩ, Tạp chí khoa học và công nghệ biển, Tập 13, số 3, 2013: 207-215.
35. Đinh Xuân Thắng – Nguyễn Phương Lê (2016). ”Phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2016, tập 14, số 2: 151-158.
36. Thủ tướng Chính phủ (2010). *Quyết định số 346/QĐ-TTg về Phê duyệt quy hoạch hệ thống cảng cá, bến cá đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
37. Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 586/QĐ-TTg về Phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế đảo Việt Nam đến năm 2020*, Hà Nội.
38. Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 2630/QĐ-TTg của về việc thành lập Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ*, Hà Nội.
39. Hồ Thị Phương Thủy (2013). *Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giảm nghèo tại huyện Tân Sơn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020*, Luận văn thạc sĩ kinh tế chuyên ngành quản trị kinh doanh, Viện Kinh tế và Quản lý thuộc Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.
40. Tín hiệu vui từ dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải làng nghề Bình Thắng. <http://biengioibienbentre.vn/noi-dung/tin-hieu-vui-tu-du-xay-dung-he-thong-xu-ly-nuoc-thai-lang-nghe-binh-thang.html>, xem 25/9/2018.
41. UBND huyện Bạch Long vĩ (2010). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2010, Bạch Long Vĩ.
42. UBND huyện Bạch Long vĩ (2011). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2011, Bạch Long Vĩ.
43. UBND huyện Bạch Long vĩ (2012). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2012, Bạch Long Vĩ.
44. UBND huyện Bạch Long vĩ (2013). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2013, Bạch Long Vĩ.

45. UBND huyện Bạch Long vĩ (2014). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2014, Bạch Long Vĩ.
46. UBND huyện Bạch Long vĩ (2015). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2015, Bạch Long Vĩ.
47. UBND huyện Bạch Long vĩ (2016). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2016, Bạch Long Vĩ.
48. UBND huyện Bạch Long vĩ (2017). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2017, Bạch Long Vĩ.
49. UBND huyện Bạch Long vĩ (2018). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2018, Bạch Long Vĩ.
50. UBND thành phố Hải Phòng (1994). *Quyết định số 409/QĐ-UB về việc ban hành quy định tạm thời một số chế độ chính sách theo chế độ tiền lương mới đối với những người làm việc tại huyện Bạch Long Vĩ*, Hải Phòng.
51. UBND thành phố Hải Phòng (2009). *Quyết định số 1056/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 huyện đảo Bạch Long Vĩ*, Hải Phòng.
52. UBND thành phố Hải Phòng (2015). *Quyết định số 1880/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ*, Hải Phòng.
53. UBND thành phố Hải Phòng (2016). *Quyết định số 1456/QĐ-UBND thành lập trung tâm y tế quân dân y Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.
54. Nguyễn Văn Vĩnh (chủ biên) (2007). *Tập bài giảng chính trị học*, Nhà xuất bản lý luận chính trị.
55. Mỹ Xuân (2014). Biến đổi khí hậu trong quá khứ và tương lai của Việt Nam, <<http://kttvqg.gov.vn/tin-tuc/4852/Bien-doi-khi-hau-trong-qua-khu-va-tuong-lai-o-Viet-Nam.html>>, xem 21/8/2018.